

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

**BÁO CÁO TÓM TẮT NỘI DUNG CHỦ YẾU**  
**QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI**  
**THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**BÁO CÁO GIỮA KỲ**



**Đồng Nai, tháng 6 năm 2023**

## MỤC LỤC

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch .....	1
2. Thời kỳ lập quy hoạch .....	1
3. Cấu trúc Quy hoạch tỉnh, gồm 04 phần .....	1
<b>ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC .....</b>	<b>2</b>
1. Điểm mạnh .....	2
2. Điểm yếu.....	3
3. Cơ hội .....	4
4. Thách thức .....	6
<b>ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2050.....</b>	<b>7</b>
I. TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.....	7
1. Quan điểm và phương châm phát triển .....	7
2. Tầm nhìn, viễn cảnh Đồng Nai đến năm 2050.....	8
3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030 .....	8
4. Các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá phát triển của tỉnh.....	13
II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC .....	15
1. Định phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.....	15
2. Phương án phát triển các ngành khác .....	33
III. LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI.....	54
1. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh.....	54
2. Phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.....	57
3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.....	59
4. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện .....	65
IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN .....	67
1. Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị .....	67
5. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn.....	70
6. Phương án tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp.....	71
7. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.....	73

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT .....	82
1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông .....	82
2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện.....	83
3. Phương án phát triển hạ tầng mạng lưới viễn thông .....	84
4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước – thoát nước .....	84
VI. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI .....	85
1. Phương án phát triển cơ sở dịch vụ việc làm .....	85
2. Phương án phát triển nhà ở.....	85
VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN.....	85
VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN.....	86
1. Phương án phân bố không gian vùng liên huyện .....	86
2. Phương án phân bố không gian vùng huyện .....	87
IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI.....	87
1. Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng.....	87
2. Phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học .....	88
X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI.....	88
1. Định hướng thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản .....	88
2. Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản .....	89
XI. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA ..	89
1. Phương án khai thác, phân bổ tài nguyên nước.....	89
2. Phương án bảo vệ tài nguyên nước .....	90
3. Phương án phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.....	90
XII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI .....	91
1. Nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai	91
2. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu .....	91
XIII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH .....	92

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư.....	92
2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.....	92
3. Giải pháp về cơ chế, chính sách, liên kết phát triển.....	92
4. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn.....	93
5. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.....	93
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>1</b>
PHỤ LỤC 1. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG.....	1
PHỤ LỤC 2 . ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG .....	1
PHỤ LỤC 3. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI .....	10

## MỞ ĐẦU

### 1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

#### 1.1. Phạm vi nghiên cứu liên vùng

Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn 2050 nghiên cứu những nội dung liên vùng như sau: (i) Các tỉnh, thành phố lân cận: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Thuận, TP. Hồ Chí Minh; (ii) Các địa phương khác trong vùng Đông Nam Bộ, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam; (iii) Vùng Tây nguyên, Đồng bằng Sông Cửu long và cả nước được xác định trong quy hoạch vùng và quy hoạch tổng thể quốc gia.

#### 1.2. Phạm vi nghiên cứu trực tiếp

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp lập Quy hoạch tỉnh Đồng Nai bao gồm:

Toàn bộ tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích tự nhiên 5.863,62 km<sup>2</sup>; trên phạm vi 11 đơn vị hành chính: 02 thành phố (Biên Hòa và Long Khánh); và 09 huyện (Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch).

Toàn bộ ranh giới hành chính tỉnh Đồng Nai được giới hạn:

- Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận;
- Phía Tây giáp tỉnh Bình Dương và TP.HCM;
- Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng và Bình Phước.
- Tọa độ: 100 30' 00'' - 110 34' 57'' độ Vĩ Bắc và 1060 45' 30'' - 1070 35' 00'' độ Kinh Đông.

### 2. Thời kỳ lập quy hoạch

Căn cứ vào Khoản 2, Điều 8 của Luật Quy hoạch, thời kỳ quy hoạch của tỉnh là 10 năm, tức là thời kỳ 2021-2030. Tầm nhìn của tỉnh là từ 20 năm, tức là tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài ra, Quy hoạch tỉnh cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia.

### 3. Cấu trúc Quy hoạch tỉnh, gồm 04 phần

- Phần thứ nhất. Các yếu tố, điều kiện phát triển và thực trạng phát triển tỉnh Đồng Nai.
- Phần thứ hai: Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Phần thứ ba: Giải pháp thực hiện quy hoạch
- Phần phụ lục: Hệ thống các bản đồ; các phụ lục, bảng biểu.

Sau đây là báo cáo tóm tắt những nội dung chủ yếu của quy hoạch tỉnh:

## ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Tại Phần 1 Báo cáo quy hoạch đã tổng hợp phân tích đánh giá đầy đủ các nội dung: (i) Các yếu tố, điều kiện phát triển của tỉnh như điều kiện về tự nhiên; các yếu tố dân số và lao động; điều kiện về nguồn lực kinh tế và vị thế phát triển của tỉnh đối với cả nước và Vùng Đông Nam Bộ; (ii) Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; (iii) Thực trạng sử dụng đất; (iv) Thực trạng tổ chức không gian hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng; (v) Thực trạng tổ chức không gian hệ thống kết cấu hạ tầng: Hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thủy lợi, thông tin truyền thông), hạ tầng xã hội (giáo dục đào tạo, y tế, văn hoá thể thao, khoa học công nghệ); hạ tầng phòng cháy, chữa cháy; (vi) Thực trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (vii) Thực trạng quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản; (viii) Thực trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; (ix) Thực trạng phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;...

Trên cơ sở các phân tích ở trên, Báo cáo quy hoạch đã rút ra các nhận định về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch như sau:

### 1. Điểm mạnh

- (1) Với vị trí địa lý chiến lược, Đồng Nai có tiềm năng là cửa ngõ kết nối vùng Đông Nam Bộ với nhiều vùng kinh tế của Việt Nam và hướng ra quốc tế. Tỉnh nằm trong tứ giác phát triển kinh tế (HCM - Bình Dương - Đồng Nai - BRVT), nòng cốt của vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, đồng thời tiếp giáp với các vùng kinh tế, nguyên liệu, nhân lực khá đặc thù như Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
- (2) Trong liên kết nội vùng KTTĐ phía Nam, Đồng Nai là mắt xích quan trọng trong liên kết nội vùng KTTĐ phía Nam thông qua kết nối đa phương tiện bao gồm đường bộ (VĐ 3&4), đường sắt, đường thủy và đặc biệt là cảng HKQT Long Thành. Tỉnh nằm trên tuyến cao tốc HCM – Dầu Giây – Đà Lạt, kết nối với hệ thống quốc lộ như QL1, QL51, đường Vành Đai 4, cùng với hệ thống giao thông thủy khá dày đặc và giao thông đường sắt HCM – Nha Trang, Đồng Nai là đầu mối giao thông liên tỉnh quan trọng của vùng Đông Nam Bộ.
- (3) Đồng Nai có diện tích tự nhiên lớn, địa hình tương đối bằng phẳng, hội đủ sông – núi – hồ – đồng bằng – rừng, với địa hình không ngập nước, địa chất đa dạng, thuận lợi cho các hoạt động sản xuất công-nông nghiệp, phát triển hạ tầng, đô thị và dịch vụ. Khí hậu của Tỉnh phù hợp với sinh thái của nhiều loại cây trồng nhiệt đới, có thể phát triển nền nông nghiệp đa dạng hoá sản phẩm.
- (4) Với dân số đông, tỷ lệ tăng cơ học khá cao, Đồng Nai là thị trường lớn và có nguồn lực lao động dồi dào cho phát triển kinh tế. Toàn tỉnh có 3,2 triệu dân – đóng góp 17% vào tổng dân số vùng Đông Nam Bộ năm 2021, xếp thứ 2 toàn vùng. Cơ cấu dân số vàng được giữ vững trong quá khứ với 70% tổng dân số trong độ tuổi từ 15 – 65 tuổi, và tỷ lệ này được dự báo sẽ tiếp tục được duy trì đến năm 2030.
- (5) Tỉnh có bề dày lịch sử và văn hóa phong phú, kết hợp cảnh quan thiên nhiên sinh thái đa dạng phù hợp phát triển du lịch. Đồng Nai có lịch sử hơn 320 năm với nhiều di tích tiêu biểu, sự Đa dạng văn hóa với 36 dân tộc anh em



và cảnh quan hoang sơ, chưa có nhiều sự can thiệp của bàn tay con người.

- (6) Nền kinh tế Đồng Nai đạt tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng trong giai đoạn 2011-2020 (đạt 7,2%/ năm), quy mô vươn lên tốp 3 của vùng KTTĐ phía Nam và tốp 4 cả nước vào năm 2021
- (7) Đồng Nai luôn nằm trong nhóm dẫn đầu của cả nước về thu-chi ngân sách và thường xuyên hoàn thành tốt các chỉ tiêu về cân đối ngân sách. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 62,4 nghìn tỷ VND trong năm 2021, xếp thứ 6 cả nước sau TP. HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương và BRVT. Tỉnh là một trong ba địa phương (cùng với TP. HCM và Hà Nội) có số thu vượt dự toán cao nhất cả nước ở trên mức 1.000 tỷ VNĐ.
- (8) Tỉnh có quy mô ngành công nghiệp chế biến chế tạo lớn, là động lực cho các ngành dịch vụ khác. Đồng Nai đã xây dựng được thương hiệu trung tâm công nghiệp với hệ thống cơ sở hạ tầng kết nối trong và ngoài KCN và CCN cơ bản hoàn thiện.
- (9) Đồng Nai đã thu hút được trên 1.700 dự án FDI với ngành nghề đa dạng vào tỉnh, tổng vốn đăng ký đạt 32 tỷ USD, đứng tốp 5 trên cả nước. Công tác xúc tiến đầu tư (roadshow) tại các thị trường tiềm năng được chú trọng, thường xuyên và được các doanh nghiệp đánh giá cao
- (10) Hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu; đặc biệt chăn nuôi tập trung là điển hình phát triển của cả nước
- (11) Thu nhập hàng tháng của lao động ở mức trung bình cao của cả nước, trong đó thu nhập ở khu vực FDI đứng vị trí cao nhất. Trung bình mỗi tháng người lao động ở Đồng Nai nhận được 9,8 triệu đồng, cao hơn trung bình toàn quốc và tương đương với các tỉnh công nghiệp tiêu biểu khác – góp phần đảm bảo mức sống ổn định cho người lao động.
- (12) Mạng lưới giáo dục ở Đồng Nai có cải thiện tích cực về quy mô, với số lượng người học nghề trung cấp và cao đẳng tăng trưởng khá nhanh. Việc này cho thấy công tác giáo dục nghề nghiệp được cải thiện ở Tỉnh trong 10 năm qua.
- (13) Cơ sở vật chất y tế của Đồng Nai đáp ứng được cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của người dân địa phương. Đối chuẩn với khu vực Đông Nam Bộ, Đồng Nai đạt 8,8 bác sỹ/ vạn dân (chỉ đứng sau TP. HCM) và đạt 26 giường bệnh/ vạn dân (cao thứ 3 trong toàn vùng Đông Nam Bộ).

## 2. Điểm yếu

- (1) Quy mô nền kinh tế vẫn chưa tương xứng với quy mô dân số và vị trí địa lý chiến lược
- (2) Chất lượng tăng trưởng còn khiêm tốn, động lực chính vẫn từ các ngành công nghiệp thâm dụng nhiều lao động. ~40% GRDP ngành công nghiệp chế biến chế tạo được tạo ra bởi 60% lao động trong tỉnh – mức độ thâm dụng lao động của Đồng Nai còn cao.
- (3) Năng lực cạnh tranh của tỉnh cải thiện chậm so với các tỉnh công nghiệp khác trong vùng và cả nước. Năm 2021, PCI Đồng Nai đứng thứ 22 cả nước và thứ 5 vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong đó cải cách hành chính và đào tạo lao động vẫn là các điểm chính cần cải thiện.

- (4) Quỹ đất công nghiệp sạch với diện tích lớn hạn hẹp. Mặc dù tỉnh đã có định hướng bổ sung thêm quỹ đất công nghiệp như KCN Xuân Quế - Sông Nhạn nhưng vẫn đang trong giai đoạn triển khai, chưa có quỹ đất sạch sẵn sàng cho nhà đầu tư.
- (5) Thiết chế xã hội cho lao động ngành công nghiệp chưa phát triển đúng mức. Tình trạng thiếu nhà ở xã hội cũng như các bệnh viện, trường mầm non và tiểu học cho người dân, đặc biệt cho người lao động ở các khu công nghiệp hiện tại cần cải thiện.
- (6) Tỉnh còn thiếu các khu công nghiệp chuyên biệt với những ưu đãi cho các doanh nghiệp. Hiện nay tất cả các khu công nghiệp trong tỉnh đều hưởng mức ưu đãi giống với các KCN ở các tỉnh khác, chưa tạo ra lợi thế đột phá nào cho nhà đầu tư vào đây.
- (7) Hoạt động hợp tác xã chưa đạt hiệu quả cao. Phần lớn các HTX hoạt động với quy mô nhỏ, vốn ít, mức lợi nhuận của HTX còn thấp và mới chỉ dừng lại một số khâu dịch vụ như cung ứng vật tư, giống, chưa phát triển mạnh sản xuất kinh doanh chế biến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- (8) Đầu ra nhiều nông sản chưa đảm bảo; thiếu các mặt hàng chế biến và xuất khẩu. Tỉnh chủ yếu chỉ mới xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp (cà phê, điều, tiêu, cao su); các sản phẩm khác đa số chưa đáp ứng được nhu cầu cao về số lượng & chất lượng.
- (9) Việc mở rộng mạng lưới bán lẻ gặp khó khăn do phân bố dân cư không đồng đều. Ngoài TP. Biên Hòa, dân cư phân tán ở các huyện chủ yếu có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, dao động ở mức 100k – 300k dân mỗi huyện khiến cho hiệu quả đầu tư kém hấp dẫn đối với các doanh nghiệp vận hành chuỗi bán lẻ.
- (10) Mặc dù có cảnh quan thiên nhiên đa dạng như vườn Quốc Gia, hồ Trị An, núi Chứa Chan và các địa điểm du lịch tâm linh..., song việc thu hút đầu tư phát triển các cơ sở hạ tầng du lịch còn kém dẫn tới việc bỏ lỡ cơ hội khai thác nền kinh tế du lịch.
- (11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp với quy mô, chất lượng đào tạo vẫn chưa đủ đáp ứng nhu cầu. Phần lớn lao động ở tỉnh là lao động phổ thông và lao động qua đào tạo cũng chỉ làm các nghề nghiệp không đòi hỏi chuyên môn cao.
- (12) Kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển hiện nay. Đặc biệt, quy hoạch chưa theo kịp với tốc độ phát triển và nhu cầu vận tải dẫn tới việc thường xuyên gây ra tình trạng quá tải ở các tuyến đường chính. Tỉnh hiện thiếu nguồn ngân sách cải tạo, nạo vét đường thủy ở các khu vực cảng, bỏ lỡ cơ hội kết nối vận tải đa, liên phương thức.

### 3. Cơ hội

- (1) Việt Nam đã ký kết 15 hiệp định kết nối thương mại (FTA) - một trong những quốc gia tham gia nhiều FTA trên thế giới – tạo ra độ mở lớn cho nền kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, đặc biệt là mở rộng thị trường cho các sản phẩm đặc thù của địa phương cũng như mở rộng các quan hệ thương mại và đầu tư. Việc Việt Nam tham gia và ký kết một loạt các hiệp



định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... cũng như các hiệp định đã ký kết khác mang lại cơ hội lớn cho các sản phẩm có xuất xứ từ Việt Nam cũng như mạng lại cơ hội tìm kiếm đầu tư vào Việt Nam, chuyển giao, phát triển công nghệ tại Việt Nam. Các mặt hàng xuất khẩu công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản... của tỉnh sẽ có cơ hội mở rộng thị trường chẳng những ở khu vực Châu Á mà còn có cơ hội đối với thị trường Châu Âu, Châu Mỹ...

- (2) Hiệu ứng lan tỏa gắn liền với sự cải thiện về hạ tầng kết nối (các công trình hạ tầng giao thông quốc gia) mang lại cơ hội rất lớn cho tỉnh Đồng Nai kết nối với các khu vực kinh tế năng động phía Nam của cả nước, gắn với thị trường nội địa và khu vực rộng hơn như vùng Đông Nam Bộ, vùng ĐBSCL, vùng Tây nguyên, khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và thậm chí khu vực ASEAN (bằng giao thông đường bộ).
- (3) Trong triển vọng 10 năm tới và xa hơn, khi hạ tầng giao thông (đường bộ cao tốc Bến Lức - Long Thành; cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu; cao tốc vành đai 4 thành phố Hồ Chí Minh; cảng hàng không quốc tế Long Thành; đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu...) kết nối được cải thiện, đặc biệt kết nối với vùng động lực lớn như đã phân tích ở trên sẽ có sự lan tỏa, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của Đồng Nai ở các khía cạnh: (i) mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; (ii) tăng cường cơ hội thu hút đầu tư trong nước do những lợi thế về vị trí địa lý... đây là cơ hội lớn cho sự phát triển của tỉnh trong tương lai.
- (4) Xu thế hợp tác trong phát triển đã và đang được quan tâm đặc biệt trong nước ở mọi cấp độ từ Trung Ương tới địa phương. Chính phủ cũng như các địa phương đã và đang đặc biệt quan tâm đến việc tăng cường kết nối, hợp tác liên vùng. Đây là sự thay đổi lớn về nhận thức. Việc tăng cường kết nối liên vùng mở ra cơ hội hợp tác giữa Đồng Nai với các địa phương vùng Đông Nam Bộ, vùng ĐBSCL, vùng Tây Nguyên, khu vực Duyên hải Nam Trung bộ... tạo cơ hội cho việc đầu tư có hiệu quả hơn kết cấu hạ tầng kết nối và khai thác tiềm của các địa phương.
- (5) Tận dụng xu hướng công nghiệp 4.0 để thu hút các ngành Tự động hóa và phát triển các nhóm ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, tiến tới hình thành và phát triển các trung tâm đào tạo, trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, hướng tới hình thành trung tâm dịch vụ khoa học và công nghệ tầm quốc gia và khu vực, với cốt lõi là Thành phố sân bay Long Thành. Với khoảng cách tiếp cận các trung tâm phát triển trên địa bàn cả nước được rút ngắn về thời gian cùng với những thuận lợi về khí hậu, thời tiết và cảnh quan, Đồng Nai có cơ hội lớn về việc hình thành cụm liên kết về đào tạo, nghiên cứu và triển khai công nghệ.
- (6) Trong khi Việt Nam là một điểm đến tiềm năng để chào đón các nhà đầu tư trong chiến lược Trung Quốc +1, Đồng Nai có thể là điểm đến “Top of mind” đón đầu làn sóng FDI trong giai đoạn mới.
- (7) Với nền tảng nông nghiệp vững chắc, tỉnh có thể chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, thủy sản phù hợp theo hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại, trên cơ sở phát huy lợi thế, thích ứng với biến đổi khí hậu và nhu cầu thị trường; nâng

cao chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm NLTS; đồng thời mở rộng thị trường và xuất khẩu.

- (8) Tận dụng định hướng liên kết phát triển vùng Đông Nam Bộ, phát triển Đồng Nai trở thành một cực phát triển quan trọng của vùng, là mảnh ghép cuối cùng hành lang kinh tế Đông Tây.

#### 4. Thách thức

- (1) Yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số sẽ là thách thức trong giai đoạn tới, nếu không Đồng Nai sẽ bị tụt hậu so với các địa phương khác trong nước và khu vực
- (2) Đổi mới tư duy trong phát triển, tăng cường hợp tác, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong phát triển vùng và quốc gia (thay vì cạnh tranh trong phát triển). Mặc dù đã có thay đổi nhiều về nhận thức giữa các địa phương về hợp tác phát triển và tăng cường liên kết, tuy nhiên việc triển khai cụ thể trong thực tiễn lại là một thách thức rất lớn. Cho đến nay, những quy định mang tính pháp lý về việc tăng cường liên kết còn chưa rõ (nếu không muốn nói là chưa có), do vậy, để có được liên kết giữa Đồng Nai với các địa phương liền kề cần có sự chủ động trước hết là từ phía Đồng Nai trong tiếp xúc trao đổi và điều hành các chương trình phối hợp giữa Đồng Nai với các tỉnh, thành phố ở phía Nam, nhất là vùng Đông Nam Bộ, vùng KTTTĐ phía Nam. Vấn đề này cần được thực hiện ngay trong quá trình triển khai lập quy hoạch tỉnh.
- (3) Thách thức không nhỏ trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch do nguy cơ thiếu đồng thuận trong hệ thống chính trị và người dân trong việc lựa chọn những ngành, lĩnh vực (giữa công nghiệp/du lịch; giữa khai thác, nuôi trồng thủy sản/du lịch chất lượng cao; giữa bố trí phát triển ngành/ bảo tồn, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ rừng ngập mặn...) tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh.
- (4) Việc hoàn thành đúng hạn các dự án hạ tầng kết nối lớn đang triển khai trên địa bàn tỉnh trong kỳ quy hoạch là một thách thức lớn mà tỉnh Đồng Nai cần nỗ lực giải quyết.
- (5) Dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp tại Trung Quốc tác động tiêu cực đến các nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, nhất là hoạt động du lịch và đứt gãy chuỗi cung ứng.
- (6) Gia tăng cạnh tranh trong thu hút khách du lịch ở các địa phương lân cận và có tiềm năng du lịch sinh thái gần ngày như Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Bình Dương. Thêm vào đó, gia tăng cạnh tranh từ các tỉnh lân cận trong việc thu hút các khoản đầu tư mới, đặc biệt là trong ngành công nghệ cao.
- (7) Rủi ro biến đổi khí hậu và môi trường liên quan đến mật độ cao của ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh là thách thức lớn mà tỉnh cần chiến lược giải quyết.
- (8) Nguy cơ tụt hậu của vùng Đông Nam Bộ nói chung so với các Trung tâm kinh tế lớn khác trong khu vực Đông Nam Á (vd. vùng EEC Bangkok).

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2050

### I. TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

#### 1. Quan điểm và phương châm phát triển

Phương châm phát triển của tỉnh Đồng Nai với tầm nhìn 2050 được thể hiện qua ba (03) từ khóa chủ đạo là Kết nối – Năng động – Bền Vững.



##### KẾT NỐI

Đồng Nai là trung tâm kết nối hạ tầng của vùng, tích hợp các công nghệ và giải pháp Thành phố thông minh để đẩy mạnh công nghệ kỹ thuật số diện rộng trong một 'thành phố đích thực của tương lai'



##### NĂNG ĐỘNG

Đồng Nai sẽ là đô thị năng động với nhiều lựa chọn về cơ sở làm việc / sinh hoạt / vui chơi với các trải nghiệm toàn diện, đáng sống



##### BỀN VỮNG

Đồng Nai sẽ đi đầu trong việc đạt các mục tiêu carbon thấp với nhiều giải pháp và chiến dịch đổi mới - sáng tạo nhằm thúc đẩy tính bền vững

Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh Quốc gia, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đảm bảo thống nhất với hệ thống quy hoạch Quốc gia; quy hoạch vùng và các quy hoạch có liên quan.

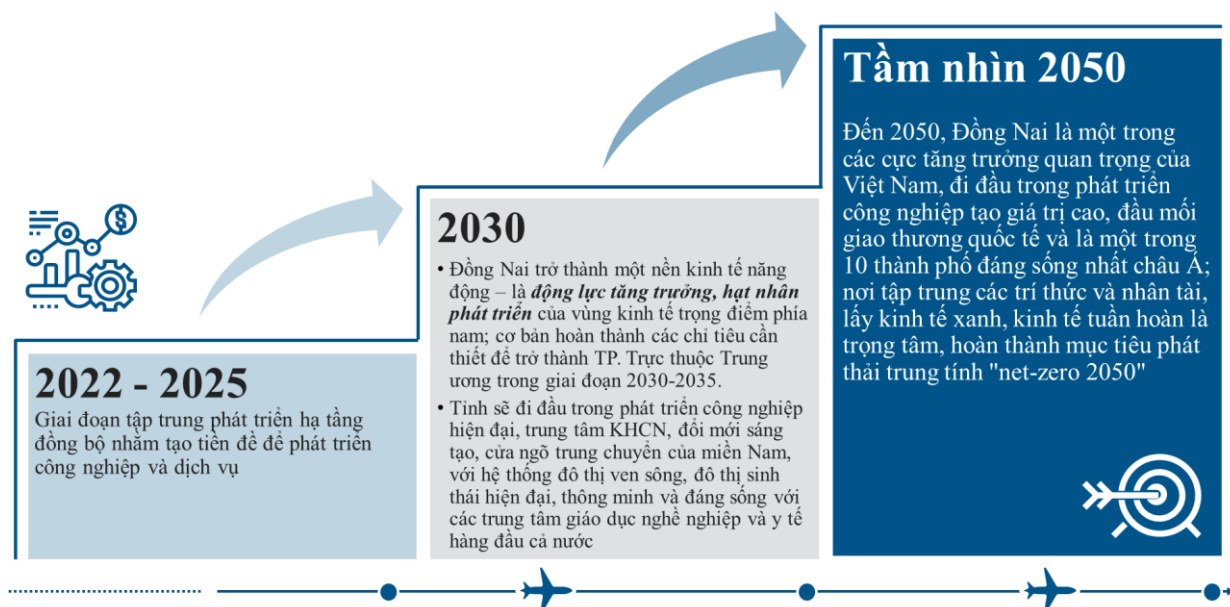
Trong đó, Quy hoạch tỉnh nhấn mạnh sáu (06) quan điểm xuyên suốt như sau:

- Lấy người dân làm trung tâm: Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng năng suất, đổi mới sáng tạo hiệu quả; nâng cao chất lượng đời sống, môi trường và phúc lợi xã hội
- Phát triển có chọn lọc: Chiến lược phát triển hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp hữu cơ, hiện đại; dịch vụ tổng hợp, trọng tâm du lịch và logistics
- Phát huy thế mạnh, tiềm năng: Tập trung đầu tư các địa phương có tiềm năng và dư địa lớn cần khai thác; lấy sân bay Long Thành làm vùng động lực mới cho phát triển đột phá
- Khả thi, hiệu quả: Phát triển chiến lược tuân thủ theo luật quy hoạch và phù hợp với năng lực của tỉnh, có sự phân công trách nhiệm thực hiện và lộ trình, giai đoạn rõ ràng
- Hướng tới tương lai: Đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn làm trọng tâm

- Bền vững: Phát triển hài hòa kinh tế, văn hóa, xã hội đi kèm với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và đối phó, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu.

## 2. Tầm nhìn, viễn cảnh Đồng Nai đến năm 2050

Với tư duy đột phá, phát huy tốt các tiềm năng và lợi thế, tỉnh Đồng Nai xác định tầm nhìn đến 2050 sẽ là một trong các cực tăng trưởng quan trọng của Việt Nam, đi đầu trong phát triển công nghiệp tạo giá trị cao, đầu mối giao thương quốc tế và là một trong 10 thành phố đáng sống nhất châu Á; nơi tập trung các trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm, hoàn thành mục tiêu phát thải trung tính "net-zero 2050".



## 3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

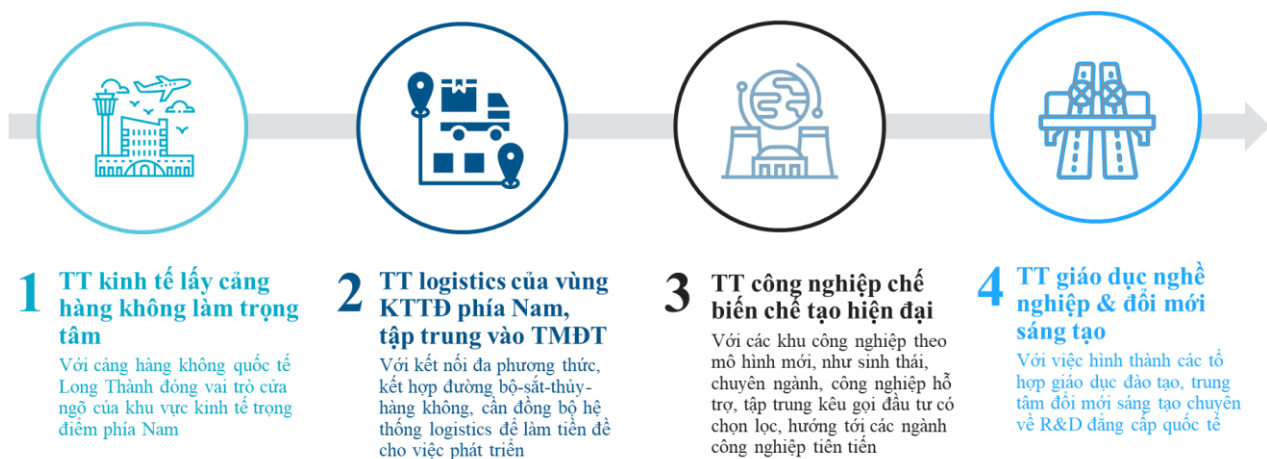
### 3.1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2030, Đồng Nai đặt mục tiêu trở thành một nền kinh tế năng động – là động lực tăng trưởng, hạt nhân phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu cần thiết để trở thành TP. Trực thuộc TW trong giai đoạn 2030-2035.

Tỉnh sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại, trung tâm KHCN, đổi mới sáng tạo, cửa ngõ trung chuyển của miền Nam lấy cảng hàng không quốc tế Long Thành làm hạt nhân; có hệ thống đô thị ven sông, đô thị sinh thái hiện đại, thông minh và đáng sống với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và y tế hàng đầu cả nước.

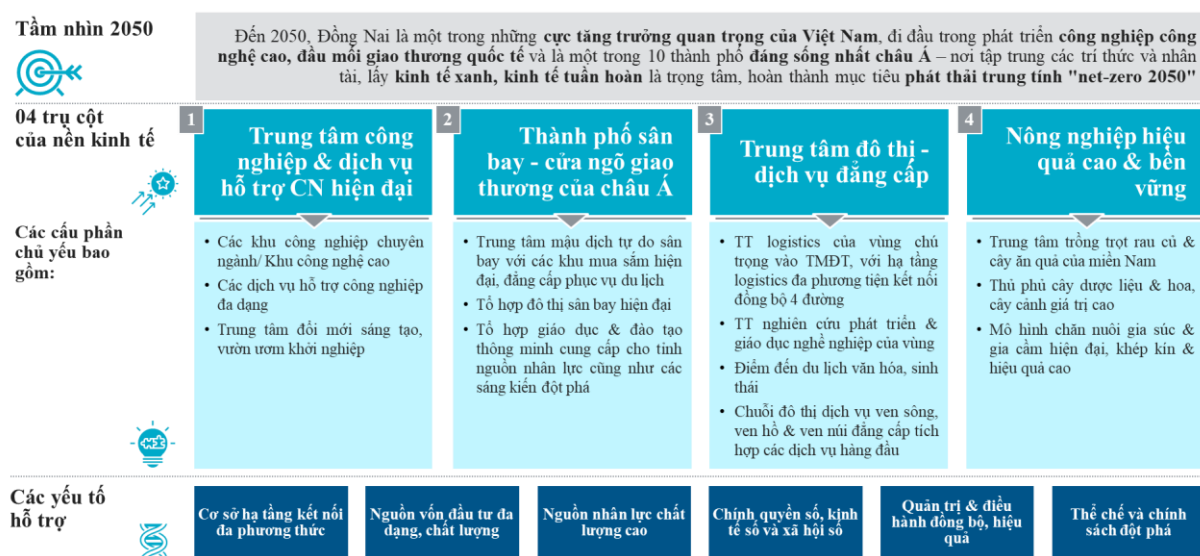
### 3.2. Bốn giá trị cạnh tranh đề xuất cho Đồng Nai





### 3.3. Các trụ cột phát triển

Một khung định hướng gồm bốn (04) trụ cột phát triển và sáu (06) yếu tố hỗ trợ làm nền tảng để Đồng Nai hiện thực hóa mục tiêu 2030 và tầm nhìn đến 2050.



Hình 1: Khung chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2050 của tỉnh Đồng Nai

Nguồn: Roland Berger

Cụ thể như sau:

a) 4 trụ cột phát triển bao gồm:

- Trụ cột 1: Trung tâm công nghiệp & dịch vụ hỗ trợ CN hiện đại**, với các giá trị chủ lực:
  - Các khu công nghiệp chuyên ngành / Khu công nghệ cao
  - Các dịch vụ hỗ trợ công nghiệp đa dạng
  - Trung tâm đổi mới sáng tạo, R&D, khoa học công nghệ, vườn ươm khởi nghiệp
  - Trung tâm giáo dục – đào tạo nghề nghiệp chất lượng quốc tế
- Trụ cột 2: Thành phố sân bay - cửa ngõ giao thương của châu Á**, với các giá trị chủ lực:
  - Trung tâm logistics hàng không, với hạ tầng logistics đa phương tiện kết nối đồng bộ 4 đường (đường hàng không, cảng trung chuyển, đường bộ, đường sắt)

- Trung tâm mật dịch tự do sân bay với các khu mua sắm hiện đại, đẳng cấp phục vụ du lịch
- Tổ hợp đô thị sân bay thông minh hiện đại
- Tổ hợp giáo dục và đào tạo thông minh cung cấp cho tỉnh nguồn nhân lực cũng như các sáng kiến đột phá
- Trung tâm hội nghị, triển lãm, xúc tiến thương mại quốc tế
- **Trụ cột 3: Trung tâm đô thị - dịch vụ đẳng cấp khu vực**, với các giá trị chủ lực:
  - Đô thị sinh thái ven sông hiện đại – trung tâm dịch vụ tổng hợp của miền Nam
  - Đô thị sinh thái, khu nghỉ dưỡng ven núi, ven hồ và ven rừng
  - Quần thể văn hóa, giải trí, thể thao đẳng cấp
- **Trụ cột 4: Nông nghiệp hiệu quả cao & bền vững**, với các giá trị chủ lực:
  - Trung tâm trồng trọt rau củ và cây ăn quả của miền Nam
  - Thủ phủ cây dược liệu và hoa, cây cảnh giá trị cao
  - Mô hình chăn nuôi gia súc và gia cầm hiện đại, khép kín & hiệu quả cao
  - Điểm đến du lịch sinh thái nông nghiệp

#### b) 06 yếu tố hỗ trợ

Giúp phát triển hiệu quả các trụ cột trên, Đồng Nai cần tăng cường 06 yếu tố hỗ trợ bao gồm:

- Cơ sở hạ tầng kết nối đa phương thức;
- Nguồn vốn đầu tư đa dạng, chất lượng;
- Nguồn nhân lực chất lượng cao;
- Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số;
- Quản trị & điều hành đồng bộ, hiệu quả;
- Thể chế, chính sách đột phá.

### 3.4. Mục tiêu cụ thể

Dự báo dân số tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 và 2050 (kịch bản khả thi)

Quy mô dân số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 đạt khoảng 3,47 triệu người, năm 2030 đạt khoảng 3,80 triệu người và năm 2050 đạt khoảng 4,78 triệu người.

**Bảng 1: Dự báo dân số tỉnh Đồng Nai đến 2050**

TT	Chỉ tiêu	2020	2030	2040	2050	Tăng BQ (%/năm)		
						2020-2030	2030-2040	2040-2050
I	Dân số TB	3,177,400	4,000,000	4,500,000	4,800,000	2.3%	1.2%	0.6%
1	Nam	1,613,110	2,080,000	2,295,000	2,448,000	2.6%	1.0%	0.6%
2	Nữ	1,564,290	1,920,000	2,205,000	2,352,000	2.1%	1.4%	0.6%
3	Thành thị	1,406,730	3,120,000	3,780,000	4,320,000	8.3%	1.9%	1.3%
4	Nông thôn	1,770,670	880,000	720,000	480,000	-6.8%	-2.0%	-4.0%



II	Tỷ trọng %							
1	Nam	51	52	51	51			
2	Nữ	49	48	49	49			
3	Thành thị	44	78	84	90			
4	Nông thôn	56	22	16	10			

Nguồn: Roland Berger, VIUP

Các mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

**Bảng 2: Dự báo tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu theo kịch bản kỳ vọng (lựa chọn)**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn/năm		
			2021-2025	2026-2030	2021-2030
<b>1</b>	<b>Tăng trưởng GRDP bình quân năm</b>	<b>%/năm</b>	<b>7,5</b>	<b>12,4</b>	<b>10,0</b>
1.1	Công nghiệp - Xây dựng	%/năm	8,2	11,8	10,0
1.2	Dịch vụ	%/năm	8,6	17,1	12,8
1.3	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%/năm	3,1	2,8	3,0
<b>2</b>	<b>GRDP bình quân đầu người (Giá hiện hành)</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2030</b>
2.1	Đồng Việt Nam	Tr. đ/người	115	180	330
2.2	USD	USD/người	5,111	8,000	14,650
<b>3</b>	<b>Cơ cấu kinh tế tổng sản phẩm GRDP</b>		<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2030</b>
	Tổng		100	100	100
3.1	Công nghiệp - Xây dựng	%	59	61	59
3.2	Dịch vụ	%	22	24	29
3.3	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	11	9	6
3.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	8	6	6
<b>4</b>	<b>Huy động vốn đầu tư (Giá hiện hành)</b>		<b>2021-2025</b>	<b>2026-2030</b>	<b>2021-2030</b>
4.1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ VND	680.000	1.664.000	2.343.000

	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ USD	29,5	72,3	101,8
4.2	Nhu cầu vốn/năm	Tỷ VND	136.000	322.000	234.000
4.2	Hệ số ICOR (Lần)	Lần	4,40	4,38	4,38

*Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của dự án*

Cụ thể hơn, các chỉ tiêu kinh tế chính của tỉnh như sau:

- (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân thời kỳ 2021-2030 khoảng 10%/năm<sup>1</sup>. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 khoảng 14.650 USD<sup>2</sup>;
- (2) Cơ cấu kinh tế (GRDP) đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng khoảng 59%; dịch vụ 29%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 6%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) khoảng 6%.
- (3) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 67%;
- (4) Nền kinh tế dựa trên trụ cột chính là: (i) Công nghiệp; (ii) Dịch vụ (bao gồm dịch vụ logistics, du lịch, vui chơi giải trí, giáo dục, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo); (iii) nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- (5) Hoàn thành đầu tư khung hệ thống kết cấu hạ tầng: (i) Cảng Hàng không quốc tế Long Thành; (ii) đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Biên Hòa – Vũng Tàu, Đường Vành Đai 4; (iii) Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu; (iv) Hạ tầng số đủ năng lực thúc đẩy và nâng cao hiệu quả chuyển đổi số; (v) Hạ tầng đô thị cơ bản được đầu tư hiện đại và tổ chức tốt; (vi) Hạ tầng khoa học công nghệ và đào tạo phát triển, giúp hình thành một tổ hợp giáo dục & đào tạo thông minh nhằm cung cấp cho tỉnh nguồn nhân lực cũng như các sáng kiến đột phá.

## **b) Về xã hội**

- (1) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%<sup>3</sup>. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 49,1% vào năm 2025 và 62,8% vào năm 2030<sup>4</sup>.
- (2) Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%; không chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ 157,5 cm
- (3) Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm;
- (4) Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế giảm còn 30%;
- (5) Duy trì 100% tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về Y tế và 100% tỷ lệ trạm y tế xã/ phường/ thị trấn có bác sỹ làm việc; 100% trạm y tế xã/ phường/ thị trấn đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;
- (6) Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong

<sup>1</sup> Mục tiêu Vùng ĐNB tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 bình quân 8-8,5%/năm.

<sup>2</sup> Vùng ĐNB bình quân 14.500USD.

<sup>3</sup> Vùng ĐNB bình quân 35-40%.

<sup>4</sup> Vùng ĐNB khoảng 55%.

trẻ em: Dưới 5 tuổi còn dưới 10‰; dưới 1 tuổi còn dưới 5‰.

- (7) Phần đầu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.
- (8) Đạt 32 giường bệnh/vạn dân, 11 bác sĩ/vạn dân, 3,0 dược sĩ đại học/vạn dân, 33 điều dưỡng/vạn dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt trên 20%.
- (9) Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.
- (10) Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

### c) Về môi trường

- (1) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 28%;
- (2) Diện tích đất nuôi trồng thủy sản ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thân thiện môi trường đạt trên 40%; khoảng 20% cơ sở nuôi thủy sản thâm canh áp dụng công nghệ xử lý nước thải, chất thải trước khi thải ra môi trường, tăng khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên;
- (3) 100% cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi đều phải có giải pháp kiểm soát môi trường theo quy định, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, sản xuất năng lượng tái tạo, chăn nuôi côn trùng,...
- (4) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp/GDP nông nghiệp của tỉnh đến cuối năm 2025 xuống 20% so với năm 2020 và đến cuối năm 2030 xuống 10% so với năm 2025.

## 4. Các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá phát triển của tỉnh

### 4.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

*Một là:* tập trung phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung hoàn thiện các dự án hạ tầng trọng điểm, chú trọng đào tạo nhân lực, cải cách hành chính. Thu hút các ngành công nghiệp có chọn lọc, các ngành dịch vụ tiên tiến, hiện đại hóa và năng suất lao động thông qua giáo dục đào tạo và đổi mới sáng tạo. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.

*Hai là:* hài hòa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, con người. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao điều kiện thụ hưởng văn hóa cho nhân dân, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

*Ba là:* tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Xây dựng "thế trận lòng dân" và lực lượng vũ trang cách mạng; nâng cao năng lực dự báo và tham mưu của cơ quan quân sự và công an; duy trì ổn định chính trị, bảo đảm an ninh chính trị và an toàn xã hội.

*Bốn là:* xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; đổi mới công tác tư tưởng và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực và uy tín

*Năm là:* bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tập trung vào bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, giữ gìn các nguồn tài nguyên và đa dạng sinh học. Đồng thời, thực hiện phát triển bền vững, đảm bảo sự cân đối giữa phát triển kinh tế và

bảo vệ môi trường, gắn kết với ứng phó với biến đổi khí hậu và sự thích ứng với tác động của nó. Xây dựng các chính sách, quy định và các giải pháp thích hợp để đảm bảo sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Nai

## 4.2. Các khâu đột phá chiến lược của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch

Để hoàn thành các mục tiêu về phát triển kinh tế xã hội tới năm 2030, tư vấn xác định 4 khâu phát triển đột phá và 5 yếu tố hỗ trợ tỉnh cần thực hiện bằng năng lực nội tại nhằm tạo cú hích, khơi thông điểm nghẽn, giúp tỉnh hiện thực hóa mục tiêu của mỗi trụ cột kinh tế. Cụ thể như sau:



**Hình 2: Các đột phá phát triển tỉnh Đồng Nai đến năm 2030**

*Nguồn: Roland Berger*

- **Đột phá 1:** Xây dựng nền công nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ công nghiệp hiện đại, đặt nền tảng cho các chuỗi giá trị công nghiệp chuyên sâu trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đẩy mạnh các nhóm ngành công nghiệp chủ lực có giá trị cao. Đồng thời, hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển các nhóm ngành tiềm năng. Tỉnh cũng hướng tới hiện đại hóa các khâu, công đoạn trong chuỗi giá trị, nhằm giảm các ngành mang tính thâm dụng lao động cao và nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm.
- **Đột phá 2:** Đồng Nai cần thúc đẩy triển khai mô hình Thành phố sân bay, với lõi là Cảng HKQT Long Thành với hệ thống trung tâm logistics thông minh, đồng bộ, kết hợp tối ưu các hạ tầng vận tải, kho bãi hiện hữu trên địa bàn. Đồng thời, thúc đẩy các nền tảng dịch vụ đô thị, lưu trú và mô hình du lịch MICE với các tiện ích, hạ tầng đa dạng, thông minh.
- **Đột phá 3:** Phát triển các tổ hợp giáo dục, đào tạo chuyên sâu cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, bao gồm hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, đào tạo KHCN, khuyến khích sáng tạo khởi nghiệp mang tính đổi mới.
- **Đột phá 4:** Thiết lập các quần thể đô thị, dịch vụ giải trí sinh thái, tận dụng các điểm mạnh về tài nguyên thiên nhiên như sông, núi, hồ. Từ đó, thúc đẩy phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, giải trí, thể thao đẳng cấp, mang tính cạnh tranh cao trong khu vực.

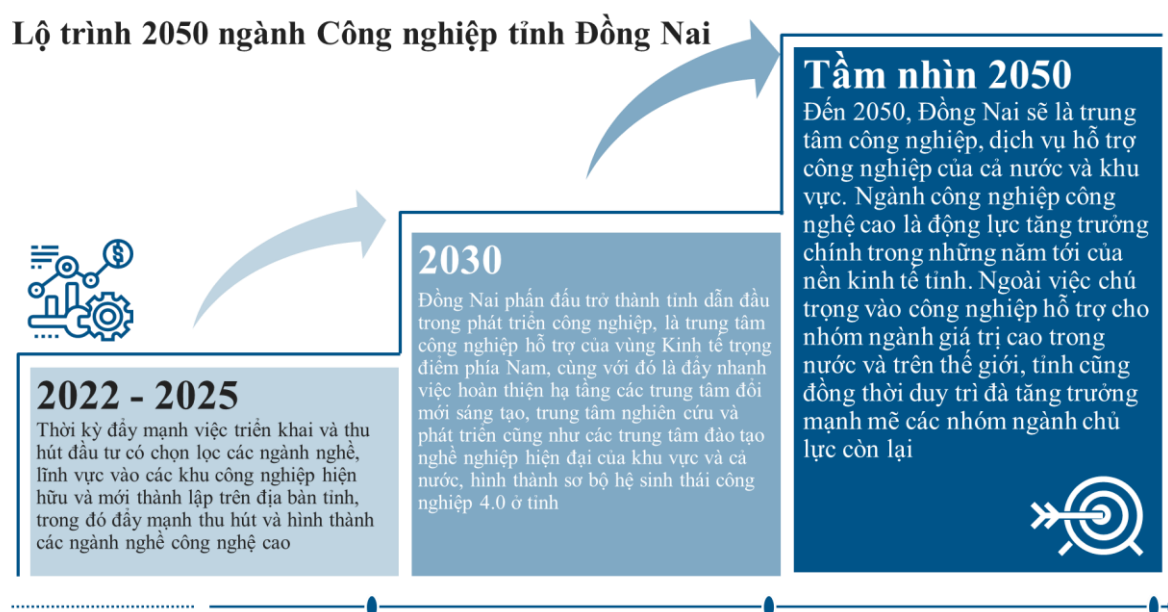
## II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Định phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh

#### 1.1. Định hướng phát triển ngành công nghiệp

##### 1.1.1. Mục tiêu chung

Tầm nhìn đến năm 2050, ngành công nghiệp của Đồng Nai dẫn đầu cả nước với các ngành công nghiệp công nghệ cao, là động lực tăng trưởng chính trong những năm tới của nền kinh tế. Trong đó, tỉnh chú trọng vào công nghiệp hỗ trợ cho nhóm ngành giá trị cao trong nước và trên thế giới và song song đó, duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ các nhóm ngành chủ lực còn lại. Nền tảng cho ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai bứt phá trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2050 là các bước tiến trong khoa học kỹ thuật, ứng dụng mô hình công nghiệp 4.0, mô hình sản xuất thông minh (SMART) vào hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo nâng cao giá trị, phát triển bền vững và hướng tới hoàn thiện toàn bộ chuỗi giá trị của các ngành nghề, lĩnh vực thế mạnh.



**Hình 3: Lộ trình 2050 của ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai**

*Nguồn: Roland Berger*

##### 1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Dựa trên mục tiêu tổng quát của ngành, các mục tiêu cụ thể được đặt ra cho Đồng Nai đến năm 2030 như sau:

- Giai đoạn 2022-2030, tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp-xây dựng đạt 10,0% hằng năm, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt tốc độ trung bình 9,8%/năm; giai đoạn 2021-2025 tăng trưởng công nghiệp đạt 8,2%/năm và giai đoạn 2026-2030 đạt 11,8%/năm;
- Tỷ trọng đóng góp ngành công nghiệp-xây dựng vào GRDP của Đồng Nai đạt 61% và 59% lần lượt vào năm 2025 và 2030;
- Năm 2030, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 94% trong tổng sản phẩm ngành công nghiệp Đồng Nai.

##### 1.1.3. Định hướng phát triển 5 ngành công nghiệp chủ lực



Nhóm ngành công nghiệp chủ lực bao gồm 5 ngành chính, với dư địa mở rộng chuỗi giá trị xuống tới các khâu thượng nguồn đối với tỉnh Đồng Nai là rất lớn. Dự kiến đến năm 2050, Đồng Nai hoàn toàn có thể đẩy sâu và tập trung vào các công đoạn mang tính nghiên cứu và thiết kế, đồng thời, hoàn thiện toàn bộ chuỗi giá trị. Từ đó, với chuỗi giá trị được khép kín hoàn toàn, 5 ngành chủ lực của tỉnh sẽ là các “thời nam châm” thu hút các công ty lớn đầu tư vào từng ngành. Từ đó, với nền tảng và vị thế hiện tại, 5 ngành chủ lực được định hướng sẽ vươn tới Top 1 – Top 3 GRDP trên cả nước vào 2050.

Đặc biệt, với việc phát triển sân bay Long Thành, Đồng Nai có tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp xuyên suốt chuỗi giá trị ngành hàng không, đặc biệt là tiềm năng lớn trong phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ trực tiếp vào chuỗi giá trị của ngành hàng không.

### i. Ngành chế tạo máy và cơ khí chính xác

Ngành công nghiệp chế tạo máy và cơ khí chính xác được xác định là ngành công nghiệp chủ lực trong danh mục các ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh Đồng Nai. Với lợi thế về nguồn nhân lực và nền tảng hiện hữu, Đồng Nai có thể đẩy mạnh phát triển ngành này trong thời kỳ quy hoạch, trong đó chú trọng vào nhóm sản phẩm linh kiện giá trị cao để cung cấp cho các công ty công nghiệp lớn trên toàn cầu như máy móc sản xuất công, nông nghiệp, các thiết bị, máy móc thể hệ mới,... và tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị của ngành, hướng đến tham gia mạnh mẽ vào bước R&D trong tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở ứng dụng công nghệ 4.0, các công nghệ sản xuất thông minh và định hướng phát triển bền vững.

Cụm ngành chế tạo máy và cơ khí chính xác trên địa bàn phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm 27,6%/năm bình quân thời kỳ 2021-2030, trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 27,9%/năm và giai đoạn 2026-2030 là 29,2%/năm. Mục tiêu đóng góp của ngành chế tạo máy và cơ khí chính xác của tỉnh Đồng Nai vào tổng GRDP ngành sẽ từ thuộc nhóm top 10 thành nhóm top 3 toàn quốc.

Chuỗi giá trị của ngành chế tạo máy gồm 3 giai đoạn: trước sản xuất, sản xuất/lắp đặt và tiêu thụ. Trong đó, Đồng Nai cần tập trung nâng cao giá trị khâu sản xuất/lắp ráp và hình thành trung tâm R&D chuyên biệt để có thể phát huy hết tiềm năng và giá trị của ngành.

Một phân ngành mũi nhọn, đang phát triển mạnh cùng với xu hướng công nghiệp 4.0 toàn cầu mà Đồng Nai có thể định hướng thu hút đầu tư là chế tạo rô-bốt công nghiệp (vd: cánh tay rô-bốt). Chuỗi giá trị sản xuất bao gồm nhiều công ty tập trung vào các giai đoạn và sản phẩm khác nhau, phù hợp với định hướng thu hút ngành kỹ thuật cao của tỉnh. Chuỗi giá trị ngành sản xuất cánh tay rô-bốt công nghiệp gồm 6 giai đoạn chính: từ sản xuất nguyên liệu thô/phụ tùng cơ bản cho đến phân phối, hậu mãi. Khả năng thu hút đầu tư vào phân ngành chế tạo rô-bốt ở Đồng Nai sẽ trải đều vào các khâu quyết định trực tiếp đến việc hình thành một mẫu rô-bốt hoàn thiện: sản xuất phụ tùng, linh kiện, sản xuất phụ tùng, linh kiện riêng cho rô-bốt, lắp ráp hoàn thiện, tích hợp hệ thống.

Đây không chỉ là cơ hội để mang lại nhiều doanh thu, giúp Đồng Nai tăng tốc để chạm tới mục tiêu năm 2030, mà còn là tiền đề để tạo nên một hệ sinh thái doanh nghiệp thu hút thêm nhiều đơn vị nghiên cứu và sản xuất chọn tỉnh Đồng Nai làm nơi đặt nhà



máy trực tiếp sản xuất các sản phẩm rô-bốt cần hàm lượng chất xám và công nghệ kỹ thuật cao.

Có thể đạt được mục tiêu đã đề ra nếu Đồng Nai thành công thu hút một số công ty chủ chốt trong ngành có phân khu phát triển sản xuất chuyên biệt để tạo lập hệ sinh thái giữa các nhóm ngành, nghề, ví dụ như sau:

- Trong công nghiệp, máy được điều khiển tự động, đa năng, có thể được cố định tại chỗ hoặc di động trong các ứng dụng tự động hóa công nghiệp. Đồng Nai sẽ là nơi cho ra đời các sản phẩm tiềm năng: tuabin, động cơ (không bao gồm ô tô, máy bay), cần cẩu, trục, giàn, thiết bị nâng đỡ, máy hàn, sơn, lắp ráp, tháo rời, đóng gói và dán nhãn, Máy móc sử dụng trong khai khoáng và xây dựng (máy khoan dầu khí, máy đục, máy đẽo,...), máy móc tự động hóa dệt may, chế biến, Cánh tay robot, robot hợp tác, robot công nghiệp, drone – rô-bốt bay không người lái.
- Trong nông nghiệp, tập trung sản xuất thiết bị để tăng số lượng và chất lượng sản phẩm đồng thời tối ưu hóa sức lao động của con người như máy tự động phân bón, phân bón và giám sát cây trồng, máy gặt, sấy, agribots trồng cây, làm cỏ và thu hoạch.
- Trong y học, rô-bốt được sử dụng trong lĩnh vực y tế để thực hiện các nhiệm vụ khó khăn đòi hỏi độ chính xác cao bao gồm rô-bốt phẫu thuật, rô-bốt phục hồi chức năng, rô-bốt khử trùng, rô-bốt sinh học.
- Trong Nghiên cứu, rô-bốt được chế tạo cho mục đích khoa học và R&D: rô-bốt khám phá các địa hình, địa chất, rô-bốt thám hiểm biển sâu, rô-bốt dạy học, rô-bốt khám phá ngoài không gian.

Trong nỗ lực bắt kịp xu thế của thế giới đang mạnh mẽ chuyển mình với những đột phá về công nghệ, thay thế dần căn bản nền tảng phát triển của công nghiệp sản xuất, Đồng Nai có thể bắt đầu dồn sức vào khâu Lắp ráp, sản xuất linh kiện cơ bản cho máy móc thiết bị và nhanh chóng hướng tới làm chủ hoạt động Nghiên cứu, Tích hợp hệ thống ở giai đoạn sau.

## ii. Ngành điện, điện tử

Là một trong những ngành quan trọng trong việc phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Đồng Nai trong thời kỳ quy hoạch, định hướng ngành công nghiệp điện, điện tử đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao giá trị thương hiệu của tỉnh Đồng Nai trong việc hình thành ngành công nghiệp hỗ trợ cho các đối tác lớn trong nước và khu vực. Tầm nhìn đến 2050, ngành công nghiệp điện, điện tử của tỉnh Đồng Nai sẽ bao trùm toàn bộ các mắt xích của chuỗi giá trị của ngành, trong đó nổi bật là sự phát triển của khâu R&D, định vị sự khác biệt và tăng tính cạnh tranh của tỉnh trong phạm vi khu vực và quốc tế.

Cụm ngành công nghiệp điện, điện tử trên địa bàn phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm 18,2%/năm bình quân thời kỳ 2021-2030, trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 18,3%/năm và giai đoạn 2026-2030 là 18,1%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, ngành điện, điện tử của Đồng Nai thuộc top 10 tỉnh có mức đóng góp vào GRDP của ngành trên cả nước, nhảy bật từ vị trí hiện tại trong top 20 (giai đoạn 2010-2020) và tiến đến trở thành top 3 trong tầm nhìn đến 2050.

Chuỗi giá trị của ngành Điện - điện tử gồm 3 giai đoạn: trước sản xuất, sản xuất/lắp đặt và tiêu thụ. Trong đó, Đồng Nai cần tập trung nâng cao giá trị khâu sản xuất/lắp ráp linh kiện để chuỗi giá trị được phát huy hết tiềm năng, hướng đến tạo dựng sự tham gia sâu vào bước R&D và phân phối & hậu mãi trong tương lai.

Các sản phẩm của ngành điện tử, điển hình là các cảm biến, chip điều khiển gắn liền với máy móc là thành phần quan trọng trong cách mạng công nghiệp 4.0. Giai đoạn sau, tỉnh sẽ bắt đầu phát triển các sản phẩm cảm biến, mạch, chip điện tử đòi hỏi hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao.

### iii. Ngành sản xuất phương tiện vận tải

Với lợi thế sân bay quốc tế Long Thành, Đồng Nai hoàn toàn có thể thu hút các ngành đầu tư trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng và lắp ráp máy bay của khu vực. Bằng cách tích hợp với chuỗi giá trị ngành điện, điện tử, ngành hoá chất và chế tạo máy, cùng với sự hình thành của trung tâm R&D, Đồng Nai có thể tạo đột phá cho ngành phương tiện vận tải của tỉnh với các sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm thế hệ mới của cả nước.

Cụm ngành công nghiệp sản xuất phương tiện vận tải trên địa bàn phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm 17,0%/năm bình quân thời kỳ 2021-2030, trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 13,5%/năm và giai đoạn 2026-2030 là 20,5%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, ngành sản xuất phương tiện vận tải của Đồng Nai thuộc top 10 tỉnh có mức đóng góp vào GRDP của ngành trên cả nước và tiếp tục vươn lên trở thành top 3 tỉnh trong ngành đến năm 2050.

Chuỗi giá trị của ngành phương tiện vận tải gồm 3 giai đoạn: Trước sản xuất, sản xuất/lắp đặt và tiêu thụ. Trong đó, Đồng Nai cần tập trung nâng cao giá trị khâu sản xuất/lắp ráp linh kiện, hình thành các nền tảng cho bước R&D để chuỗi giá trị được phát huy tối đa.

Đồng Nai sẽ tập trung thu hút các doanh nghiệp lớn trong ngành sản xuất linh kiện ô tô, xe tải, xe thế hệ mới (xe điện) và linh kiện máy bay, định hướng đến 2050 sẽ tham gia sâu vào bước R&D và trở thành trung tâm sản xuất linh kiện phương tiện vận tải của vùng.

### iv. Ngành hóa chất

Phát triển bền vững và bao trùm cụm ngành công nghiệp hoá chất, đặc biệt là trong bước R&D, với vai trò là công nghiệp vật liệu của tỉnh, của vùng và cả nước, kết hợp với các ngành công nghiệp khác như sản xuất, chế biến thực phẩm sẽ củng cố lợi thế và khai thác hiệu quả tiềm năng ngành công nghiệp của tỉnh Đồng Nai. Song song đó, tỉnh cần chú trọng lựa chọn phát triển các sản phẩm hoá chất đúng đắn và cần thiết để hướng đến hoạt động công nghiệp bền vững trong tương lai.

Cụm ngành công nghiệp hoá chất và sản phẩm cơ bản từ hoá chất trên địa bàn phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm 12,6%/năm bình quân thời kỳ 2021-2030, trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 12,3%/năm và giai đoạn 2026-2030 là 12,9%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, ngành công nghiệp hoá chất của Đồng Nai thuộc top 3 tỉnh có mức đóng góp vào GRDP của ngành trên cả nước và tiếp tục duy trì thứ hạng này đến năm 2050.

Ngành hóa chất tỉnh Đồng Nai cần tận dụng tối đa lợi thế tại địa phương để phát triển thành tổ hợp sản xuất lớn nhất cả nước. Chuỗi giá trị của ngành hóa chất, hóa dầu gồm 3 giai đoạn: trước sản xuất, sản xuất và tiêu thụ. Trong đó, Đồng Nai cần tập trung nâng cao giá trị khâu Sản xuất và hình thành trung tâm R&D của ngành để chuỗi giá trị được phát huy hết mức.

Để đạt được mục tiêu phát triển mạnh mẽ, Đồng Nai cần thu hút một số công ty chủ chốt trong ngành hóa chất, hóa dầu để tạo lập hệ sinh thái và có phân khu phát triển sản xuất chuyên biệt. Một số sản phẩm chủ lực trong tương lai cùng với nhà đầu tư tiềm năng của ngành hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất gồm có:

#### v. Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm

Với lợi thế có ngành trồng trọt và chăn nuôi phát triển mạnh, cùng với đó là liên kết nội tỉnh, liên kết vùng mạnh mẽ với khu vực miền Đông Nam Bộ, ĐBSCL và khu vực Tây Nguyên tạo nên nguồn nguyên liệu lớn và sẵn sàng, Đồng Nai phấn đấu trở thành thủ phủ chế biến nông sản và thức ăn gia súc, gia cầm hiện đại. Tại tỉnh, sẽ có sự hiện diện rộng khắp chuỗi giá trị của ngành, tận dụng lợi thế của khu trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) để mở rộng và phát triển mạnh mẽ hơn ở khâu nghiên cứu.

Cụm ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm trên địa bàn phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm 5,1%/năm bình quân thời kỳ 2021-2030, trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 3,0%/năm và giai đoạn 2026-2030 là 7,2%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, ngành sản xuất, chế biến thực phẩm của Đồng Nai giữ vững vị trí trong top 5 tỉnh có mức đóng góp vào GRDP của ngành trên cả nước và tiến đến trở thành top 1 trong tầm nhìn đến 2050.

Tỉnh Đồng Nai đã có sự hiện diện nhiều ở các bước thu mua nguyên liệu, chế biến sơ và thứ cấp cũng như phân phối tiêu thụ. Vì vậy, tỉnh cần tập trung nâng cao giá trị sản phẩm tạo ra, tiến dần đến chủ động trong nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới.

Một số phân ngành thu hút đầu tư sẽ bao gồm chế biến thực phẩm xuất khẩu và hướng tới các sản phẩm xử lý công nghệ cao như thịt có nguồn gốc thực vật, các sản phẩm thuần chay, thực phẩm ready-to-cook. Các nhà đầu tư tiềm năng của ngành chế biến gồm có Minh Phú, CPF, WH Group (xử lý sơ cấp); Vinamit, ADM, Givaudan, Cargill, Fimex, VFM (xử lý thứ cấp); Nissin, Ottogi, Pan Food, Vifon (xử lý cấp ba); Blue Nalu, Harvest Gourmet (xử lý công nghệ cao).

#### 1.1.4. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp tiềm năng

Ngành sản phẩm thuốc, hóa dược và dược liệu cấu thành nhóm ngành CN tiềm năng – mặc dù đóng góp GRDP khiêm tốn hiện tại nhưng nhiều dự địa tăng trưởng trong tương lai.

Ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm thuốc, hóa dược và dược liệu được xem là nhóm ngành công nghiệp tiềm năng trong sự phát triển của ngành công nghiệp của tỉnh Đồng Nai trong thời kỳ quy hoạch với hai lĩnh vực chính cần chú trọng thu hút phát triển là (i) sản phẩm phục vụ y tế như các thiết bị sử dụng trong quy trình khám, chữa bệnh và (ii) các sản phẩm thuốc, hoá dược và dược liệu. Ứng dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến thời kỳ 4.0, mô hình sản xuất thông minh và hướng đến phát triển bền vững, hai lĩnh vực nêu trên sẽ cùng các nhóm ngành, lĩnh vực khác tạo dựng hệ sinh thái

công nghiệp trên địa bàn tỉnh và cùng nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới, sáng tạo và có giá trị gia tăng cao.

Cụm ngành công nghiệp sản phẩm thuốc, hóa dược và dược liệu trên địa bàn phần đầu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm 17,6%/năm bình quân thời kỳ 2021-2030, trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 10,0%/năm và giai đoạn 2026-2030 là 25,7%/năm. Phần đầu đến năm 2030, ngành sản xuất các sản phẩm thuốc, hóa dược và dược liệu của Đồng Nai thuộc top 1 tỉnh có mức đóng góp vào GRDP của ngành trên cả nước và tiếp tục duy trì thứ hạng này đến năm 2050.

Trước hết, Đồng Nai sẽ tập trung chính vào khâu sản xuất, đóng gói dược phẩm và hướng tới mở trung tâm nghiên cứu R&D toàn diện với tầm nhìn 2050.

#### **1.1.5. Định hướng các ngành công nghiệp duy trì và tái cấu trúc**

Các ngành công nghiệp còn lại nằm trong nhóm ngành duy trì & tái cấu trúc, với định hướng tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động và hướng tới giảm dần tỷ lệ sau này. Bao gồm:

##### **i. Ngành dệt may, da giày**

Định hướng ngành giày da, quần áo, dệt may trong thời kỳ quy hoạch tỉnh Đồng Nai là hạn chế mở rộng quy mô, thu hút doanh nghiệp mới vào tỉnh, chủ yếu đầu tư nâng cấp, thay thế máy móc, thiết bị, cải tiến quy trình sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm với định hướng chính là ổn định an sinh xã hội cho người lao động và hướng đến giảm dần tỷ lệ đóng góp của ngành trong tương lai. Ngành giày da, quần áo, dệt may trên địa bàn tỉnh hiện chủ yếu tham gia vào bước nhuộm, cắt, dệt, may, ráp,..., thực hiện OEM cho các công ty thời trang lớn và sản xuất sợi dệt, vải các loại, có tính chất thâm dụng lao động cao. Tầm nhìn đến năm 2050, ngành sẽ mở rộng chuỗi giá trị hiện có, tập trung phát triển ở bước R&D với công nghệ sản xuất tiên tiến, thông minh.

##### **ii. Ngành chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ**

Công nghiệp chế biến gỗ, nội thất gỗ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được định hướng là ngành công nghiệp duy trì, tái cơ cấu, và hỗ trợ trong quá trình chuyển dịch từ ngành công nghiệp thâm dụng lao động sang thâm dụng vốn. Trong thời kỳ quy hoạch, ngành sẽ hạn chế các dự án đầu tư thu hút mới, tập trung thay đổi quy trình sản xuất hướng đến công nghệ tiên tiến, thông minh, mở rộng chuỗi giá trị và chú trọng hơn vào bước R&D. Định hướng giảm dần quy mô ngành đến năm 2050 qua việc xem xét di dời địa điểm nhà máy khi hết thời hạn thuê cũng như tái cấu trúc sang các hình thức sản xuất bền vững hơn.

#### **1.1.6. Các nhóm ngành chế biến, chế tạo khác**

Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khác trên địa bàn, gồm các ngành sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản xuất đồ chơi, sản xuất giấy, các sản phẩm thuốc lá và dịch vụ in ấn, phần đầu đạt mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm bình quân giai đoạn 2021-2025 là 2,0%/năm và giai đoạn 2025-2030 là 2,4%/năm. Ưu tiên phát triển các sản phẩm dùng nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tỉnh và trong nước, thu hút đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất, ứng dụng công nghệ 4.0, công nghệ thông minh. Định hướng duy trì quy mô các nhóm ngành này, không thu hút đầu tư mới và giảm dần quy mô ngành qua các năm, đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động, đồng thời tổ chức đào tạo lại nguồn lao động để bổ sung cho các nhóm ngành nghề, lĩnh vực khác trong hệ sinh thái công nghiệp của tỉnh.

### 1.1.7. Nhu cầu sử dụng đất công nghiệp

#### i. Nhu cầu đất công nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

Đến năm 2020, diện tích đất công nghiệp được quy hoạch của Đồng Nai đến năm 2020 là 11.561 ha, xếp thứ 2 cả nước, chỉ sau Bình Dương.

Tuy nhiên, so sánh với các tỉnh công nghiệp đứng đầu cả nước, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp trên diện tích đất công nghiệp của Đồng Nai ở mức thấp (18 tỷ đồng/ha) so với trung bình các tỉnh công nghiệp (22 tỷ đồng/ha). Các tỉnh công nghiệp đứng đầu cả nước được chia thành 3 nhóm theo giá trị tăng thêm trên diện tích đất công nghiệp. Cụ thể:

Nhóm 1: TP. Hồ Chí Minh

- Giá trị tăng thêm công nghiệp trên diện tích đất công nghiệp: 43 tỷ đồng/ha
- Đặc điểm: Tập trung chủ yếu các doanh nghiệp FDI sản xuất hàng công nghệ cao, giá trị cao như Intel, Samsung, Sanofi,...

Nhóm 2: Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh

- Giá trị tăng thêm công nghiệp trên diện tích đất công nghiệp: 22 - 31 tỷ đồng/ha
- Đặc điểm: Nhóm tỉnh thu hút được một số doanh nghiệp FDI sản xuất hàng công nghệ cao như Samsung tại Thái Nguyên, Bắc Ninh và Foxconn tại Bắc Giang. Ngoài ra còn xen lẫn một số ngành công nghiệp thâm hụt lao động

Nhóm 3: Bình Dương, Đồng Nai, Hải Dương, Quảng Ninh

- Giá trị gia tăng công nghiệp trên diện tích đất công nghiệp: 10 - 19 tỷ đồng/ha
- Đặc điểm: Diện tích đất công nghiệp lớn, nhiều ngành công nghiệp sản xuất, tuy nhiên giá trị sản xuất hàng hóa chưa cao, và còn nặng các ngành thâm hụt lao động. Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI sản xuất hàng công nghệ cao.

Do đó, trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, Đồng Nai cần tập trung thu hút các doanh nghiệp FDI sản xuất hàng hóa giá trị cao nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất công nghiệp, hướng tới mô hình thu hút các nhà đầu tư của các tỉnh nhóm 2 gồm Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh.

Với việc thu hút thành công các doanh nghiệp FDI sản xuất hàng hóa công nghệ cao như Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, dự kiến hiệu quả sử dụng đất công nghiệp có thể tăng 37% lên mức 24.7 tỷ VNĐ/ha.

Đặt mục tiêu tăng trưởng ngành công nghiệp 9,6% trong giai đoạn 2021-2030, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai dự kiến đạt 507 nghìn tỷ đồng vào năm 2030. Vì vậy, nhu cầu đất công nghiệp đến năm 2030 dự kiến đạt 20.551 ha, bao gồm diện tích đất khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Với định hướng không phát triển thêm các cụm công nghiệp, duy trì diện tích cụm công nghiệp ở mức 2.008 ha đến năm 2030, nhu cầu diện tích đất khu công nghiệp đến năm 2030 là 18.543 ha.





**Hình 4: Tính toán nhu cầu sử dụng đất công nghiệp đến năm 2030**

*Nguồn: Roland Berger*

### ii. Lựa chọn và đề xuất phát triển các khu công nghiệp

Trong giai đoạn 2021-2030, 5 khu công nghiệp được mở rộng với diện tích 869,11 ha, và 8 khu công nghiệp đã được Thủ tướng cho phép đưa vào quy hoạch đến năm 2030 với diện tích 3.702 ha (phân kỳ một phần diện tích 2 khu lớn nhất là Xuân Quế-Sông Nhạn và Bàu Cạn-Tân Hiên ra sau năm 2030).

Cùng với đó, 13 khu công nghiệp mới được các huyện đề xuất và Đơn vị tư vấn đánh giá tiềm năng về vị trí, tính kết nối và khả năng thu hút đầu tư, được đề xuất thêm vào quy hoạch trong thời kỳ 2021-2030 với tổng diện tích 3.739ha.

Như vậy tổng diện tích đất Khu công nghiệp của tỉnh đến năm 2030 là 18.532 ha và đến 2050 là khoảng 22.750 ha.

### iii. Lựa chọn và đề xuất phát triển các cụm công nghiệp

Hiện nay, trong 27 cụm công nghiệp được quy hoạch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2020, 22 cụm được tiếp tục quy hoạch trong giai đoạn 2021-2030 với tổng diện tích là 1.265 ha và 5 cụm đã có quyết định /đề xuất bãi bỏ quy hoạch có diện tích 230 ha, không có đề xuất bổ sung quy hoạch CCN mới trên địa bàn tỉnh. Phần lớn các CCN đều vẫn đang trong giai đoạn đầu tư hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp, vì vậy tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN của Đồng Nai vẫn còn khá thấp

Trong thời kỳ 2021-2030, 10 cụm công nghiệp mới được đề xuất đưa vào quy hoạch, nâng tổng số cụm công nghiệp của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 là 32 cụm, với tổng diện tích 1.907 ha.

#### 1.1.8. Giải pháp chủ yếu cho ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai

Để hiện thực hóa tầm nhìn trung tâm công nghiệp lớn của cả nước, Đồng Nai cần thực hiện đồng bộ và toàn diện 5 nhóm giải pháp sau:

- Quy hoạch, tái định vị các KCN theo ngành trọng tâm
- Thu hút các nhà đầu tư chủ chốt trong các ngành ưu tiên
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm



- Kết nối chuỗi giá trị với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

Theo đó, về ngắn hạn, tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện CSHT và thu hút đầu tư, lấp đầy các KCN chuyên biệt sẵn có. Về trung hạn, tỉnh sẽ tái định vị các KCN hiện hữu có tỷ lệ lấp đầy thấp và KCN mới cho vào quy hoạch theo hướng chuyên sâu vào nhóm ngành ưu tiên. Về dài hạn, quy hoạch các khu công nghiệp chuyên sâu mới phục vụ cho nhóm ngành ưu tiên. 6 nhóm ngành ưu tiên sẽ được quy hoạch thành các cụm nhằm tối ưu hóa hệ sinh thái và phù hợp với nhu cầu của ngành, điều kiện của địa phương bao gồm: Chế tạo máy, điện – điện tử, phương tiện vận tải, hoá chất – hoá dầu, dược phẩm, chế biến thực phẩm. Theo đó, tùy vào từng đặc thù của từng nhóm, 3 cụm ngành được thiết lập bao gồm cụm ngành chế tạo, cụm hoá chất và cụm công nghệ sinh học. Từ đó, hình thành 2 thung lũng công nghiệp chủ đạo, bao gồm: Thung lũng công nghệ (gồm cụm ngành chế tạo) và thung lũng hóa dược phẩm (gồm cụm hóa chất và cụm công nghệ sinh học

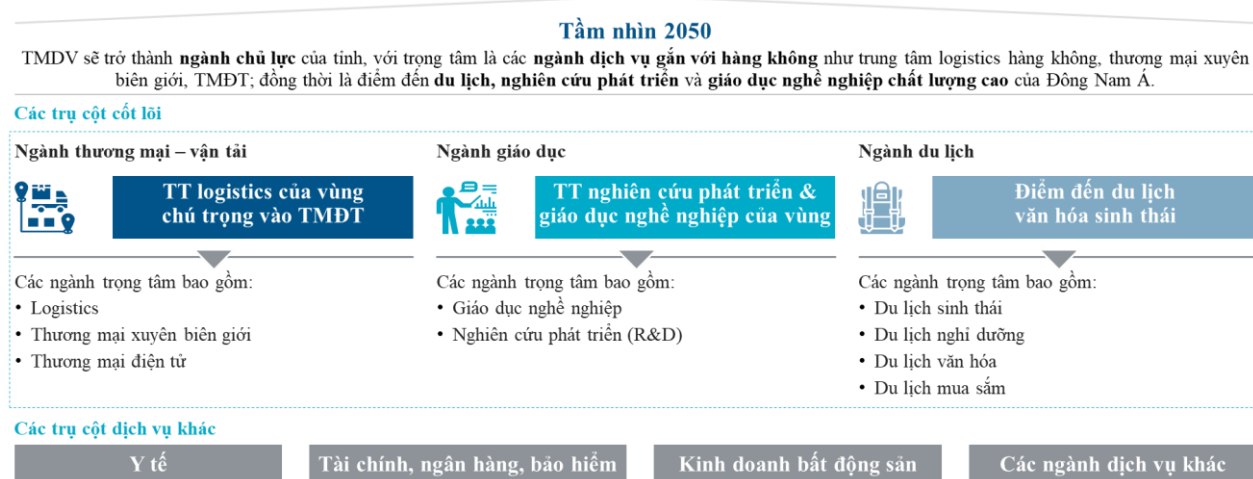
Từ đó, các cụm liên kết sẽ có khả năng cộng hưởng phát triển, tạo lập thành hệ sinh thái công nghiệp hiện đại, có tính liên kết giữa nội bộ các ngành, đồng thời, liên kết mạnh mẽ trong vùng Đông Nam Bộ và quốc tế.

## 1.2. Phương hướng phát triển ngành dịch vụ

### 1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Đưa ngành dịch vụ trở thành mũi nhọn và động lực phát triển lớn của nền kinh tế. Phát triển đồng bộ, đa dạng, hiện đại, bền vững các ngành thương mại, dịch vụ tổng hợp, đặc biệt là các ngành có thế mạnh. Thúc đẩy ngành dịch vụ logistics, giáo dục và dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

Tăng cường liên kết với các tỉnh lân cận, kết nối liên vùng, quốc gia và quốc tế. Phát triển toàn diện hệ thống hạ tầng giao thông, thương mại, hệ thống vận tải kho bãi để trở thành trung tâm giao thương quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tận dụng Cảng hàng không quốc tế Long Thành và hệ thống cảng biển để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa gắn với các khu công nghiệp, thương mại điện tử và dịch vụ vận chuyển hành khách. Phát triển nâng cao các ngành dịch vụ hỗ trợ nền kinh tế như dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học công nghệ, viễn thông và các dịch vụ khác.



Tầm nhìn đến năm 2050, Đồng Nai trở thành trung tâm giao thương quốc tế với nền dịch vụ phát triển mạnh mẽ, hiện đại và toàn diện, có mối liên kết chặt chẽ liên tỉnh,

vùng và quốc tế. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ quan trọng như logistics, xuất nhập khẩu, thương mại điện tử, tài chính... đáp ứng đủ nhu cầu phát triển của tỉnh và vùng. Nền du lịch và giáo dục phát triển thành ngành kinh tế quan trọng, là động lực thúc đẩy thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực hỗ trợ khác, góp phần vào cơ cấu nền kinh tế hiện đại, xanh, bền vững.

### 1.2.2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) nhóm ngành dịch vụ đạt bình quân 10,0%/năm (trong đó, giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 8,6%/năm; giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân 17,1%/năm).

Tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu GRDP của tỉnh năm 2025 chiếm 24%, đến năm 2030 chiếm khoảng 29%.

### 1.2.3. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ quan trọng của Đồng Nai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050

#### a. Ngành logistics

Đến năm 2050, ngành logistics của Đồng Nai sẽ khẳng định vị thế là cửa ngõ giao thương của Châu Á, với các hệ thống & cơ sở hạ tầng logistics gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo ra giá trị cộng hưởng tối đa. Ngành sẽ hỗ trợ đắc lực cho các công ty & sản phẩm chủ lực của vùng Đông Nam Bộ, thông qua phương thức vận tải đa dạng, dịch vụ logistics chất lượng cao, thúc đẩy mạnh mẽ bởi các trung tâm logistics hiện đại. Logistics sẽ là cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của tỉnh, thúc đẩy bởi các quy trình được số hóa & tự động hóa nhờ vào Logistics 4.0. Đồng Nai sẽ tập trung thu hút được nguồn lao động tay nghề cao trong ngành logistics, đưa chất lượng ngành lên tầm cao mới toàn vùng.

Với tầm nhìn đến năm 2050 như trên, ngành logistics của Đồng Nai sẽ hướng đến sự hiện đại, tân tiến, lấy sự hài lòng của khách hàng sẽ phương châm phát triển. Những đánh giá tích cực của khách hàng cũng đồng thời tăng nhu cầu thâm nhập vào Đồng Nai đối với các nhà sản xuất cũng như các DN logistics. Tỉnh Đồng Nai hướng tới hoàn thiện 3 mục tiêu chính:

- Thiết lập hệ thống Kho hàng tân tiến cho các nhà sản xuất trong nước
- Trở thành điểm giao thương cho các nhà sản xuất quốc tế
- Trở thành trung tâm Fulfilment center cho các công ty TMĐT hàng đầu

Để phát triển toàn diện hệ thống logistics nhằm đạt được 3 mục đích nêu trên, 5 yếu tố về hạ tầng sẽ cần được chú trọng trong thời gian tới, bao gồm sân bay, cảng biển, cảng cạn/ ICD, trung tâm logistics và đường sắt/ cao tốc.

Đặc biệt, cho cảng cạn/ ICD và Trung tâm logistics, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, định hướng phát triển 01 trung tâm logistics cấp vùng, 01 trung tâm logistics cấp tỉnh (Trung tâm cấp 3). Cùng với đó, Tỉnh cần phát triển 9 cảng cạn cùng hạ tầng kỹ thuật kết nối Cảng cạn, đặc biệt trong đó là hệ thống hạ tầng giao thông như: Đường bộ (các trục cao tốc, các tuyến Quốc lộ, đường Vành Đai, các trục đường liên cảng, các tuyến đường tỉnh), đường sắt (Đường sắt Bắc-Nam, ĐS. Trảng Bom-Hòa Hưng, ĐS. Biên Hòa-Vũng Tàu, ĐS. Định hướng phát triển các trung tâm kho vận nhỏ lẻ tư nhân phục vụ tại chỗ cho hoạt động logistics tại các khu, cụm công nghiệp của địa phương: Trung tâm kho vận Huyện Vĩnh Cửu, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc,...

- Tốc độ tăng trưởng dịch vụ logistics đạt khoảng 30-35%/năm, tỷ trọng đóng góp vào GDP ngành dịch vụ của tỉnh từ 20-25%
- Vận chuyển hàng hóa đáp ứng nhu cầu đạt khoảng 80,707 triệu tấn, trong đó đường bộ chiếm 70-74% và đường thủy nội địa chiếm 6-8%, đường biển đạt 16-18%
- Các trung tâm logistics mới theo quy hoạch đảm nhận 60-70% tổng lượng hàng hóa có nhu cầu cung ứng dịch vụ logistics của tỉnh Đồng Nai; còn lại các trung tâm và khu vực cung ứng dịch vụ logistics truyền thống đảm nhận 30-40%
- Đáp ứng nhu cầu lượng hàng hóa thông qua cảng đạt từ 45-52 triệu tấn/năm; trong đó, lượng hàng container thông qua cảng cạn từ 2,07-2,78 triệu TEU/năm
- Đáp ứng lượng hàng hóa thông qua kho hàng không sân bay Long Thành khoảng 3,19 triệu tấn/năm
- Đến năm 2030, phấn đấu giảm 10% chi phí giao thông vận tải trong tổng chi phí logistics, từ đó giảm Tổng chi phí logistics bằng khoảng 90% so với hiện tại
- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực logistics, đảm bảo tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo ngành logistics đạt 60% năm 2020; 70% năm 2025 và đạt 80% năm 2030

Hình thành các hạ tầng trung tâm logistics cấp vùng, cấp tỉnh và các trung tâm dịch vụ hỗ trợ các ngành công nghiệp – thương mại - dịch vụ khác. Phát triển đồng bộ với quy hoạch hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin và truyền thông, thu hút các nhà đầu tư cung cấp dịch vụ cũng như phục vụ người sử dụng dịch vụ logistics.

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông đa phương tiện, tổ chức phân luồng hiệu quả tại các điểm nút, đầu mối giao thông tại các cửa ngõ đến cảng hàng không, cảng thủy nội địa, các trạm chuyển tải và cảng biển, hỗ trợ quá trình luân chuyển hàng hoá, dịch vụ nhanh chóng và thuận tiện, tránh các trường hợp thiếu kết nối, ùn tắc giao thông.

Kết nối các dịch vụ giữa trung tâm logistics tỉnh Đồng Nai, cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt và hệ thống giao thông vận tải đường bộ bằng hệ thống công nghệ thông tin. Xây dựng Cổng thông tin giao dịch thương mại (mô hình Trade-Exchange) liên kết với các bên tham gia trong chuỗi cung ứng và hỗ trợ các giao dịch liên quan.

Nâng cao hiệu quả và thống nhất của các hoạt động quản lý Nhà nước tại trung tâm dịch vụ logistics và các kho cung ứng dịch vụ logistics cấp tỉnh khác, làm cơ sở nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, khai thác cảng biển, ga đầu mối, cảng hàng không, nâng cao chất lượng dịch vụ logistics; thu hút đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ logistics.

Hoàn chỉnh khung pháp lý và nâng cao năng lực hoạch định, thực thi các chính sách phát triển hoạt động logistics, vận tải và an ninh chuỗi cung ứng, thương mại quốc tế, tài chính và đầu tư, phát triển nguồn vốn con người, quản lý chất lượng dịch vụ, quản lý dự án kết hợp công-tư với các định chế tài chính lớn như World Bank, ADB,...

Đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ công, các gói chính sách hỗ trợ cho các bên tham gia vào chuỗi logistic như các nhà đầu tư phát triển hạ tầng, các nhà cung cấp dịch vụ logistics, các nhà sản xuất sản phẩm phục vụ logistics, các tổ chức thực hiện đào tạo nhân lực ngành logistics chất lượng cao.

Phát triển các dịch vụ vận tải đa phương thức và các dịch vụ liên quan trực tiếp đến giao nhận và kho bãi; áp dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong quản lý các thủ tục liên quan đến phương tiện, hàng hóa để nâng cao năng lực xử lý, phân phối hàng hoá; hiện đại hóa phương tiện bốc xếp, nâng cao năng lực bốc xếp, phân loại hàng, giảm thời gian và chi phí của khách hàng.

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ vận tải đa phương thức, giao nhận và thanh toán, kết hợp giữa hệ thống vận tải sức chứa lớn và các phương thức vận tải đường bộ, đường thủy feeder từ các chân hàng.

Tổ chức kết nối chặt chẽ với các cảng cạn nội địa (ICD), trung tâm phân phối để kết hợp với cảng hàng không, cảng biển tạo thành hệ thống liên hoàn, sẵn sàng đón nhận các chuỗi cung ứng hàng hóa từ Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Bình Dương di chuyển về kho bãi, cảng tại Đồng Nai, sẵn sàng cho việc phân phối hàng hoá trong và ngoài nước.

Tổ chức các kho ngoại quan, kho bảo thuế, kho CFS chuyên dùng để phục vụ hàng quá cảnh và trung chuyển Quốc tế.

Nhằm đạt được tầm nhìn năm 2050 cho ngành logistics, hạ tầng logistics cấp vùng và cấp tỉnh sẽ được phát triển xuyên suốt, với vị trí thuận lợi xung quanh cảng hàng không quốc tế Long Thành và Tổng kho trung chuyển Miền Đông tại Trảng Bom, Đồng Nai. Các trung tâm logistics sẽ dựa vào nền tảng hệ thống có sẵn và đóng vai trò kết nối các hoạt động liên quan đến vận chuyển, tổ chức, tách, điều phối và phân phối hàng hóa cho vận chuyển quốc gia và quốc tế. Ba nhóm chức năng cơ bản của trung tâm logistics tại tỉnh sẽ bao gồm:

- Chức năng phục vụ hàng hóa như xếp/dỡ, lưu kho/bãi, bảo quản, đóng gói, dán nhãn, phân loại hàng, làm sạch, giám định và kiểm định chất lượng hàng...
- Chức năng vận tải và phân phối như chuyên chở, thu gom, phân phối hàng hóa bằng các phương tiện vận tải khác nhau...
- Chức năng hỗ trợ như thông quan, thủ tục - chứng từ, tư vấn, tài chính, bảo hiểm, sửa chữa - bảo dưỡng phương tiện vận tải, cung cấp xăng dầu, hotel, ăn nghỉ...

Các trung tâm logistics sẽ có hệ sinh thái toàn diện và chuyên sâu để phục vụ Đồng Nai cũng như cả khu vực. Phát triển logistics điện tử thay thế các hình thức mua bán trực tiếp tại các trung tâm lớn, xu hướng logistics xanh thân thiện môi trường, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong quản trị logistics; phát triển thương mại điện tử trong hoạt động logistics; phát triển sàn giao dịch logistics nhằm tối ưu hóa vận tải hai chiều hàng hóa, container.

#### **b. Dịch vụ giáo dục**

Phát triển ngành giáo dục đào tạo, giáo dục nghề tỉnh Đồng Nai thành một ngành kinh tế, dịch vụ hỗ trợ công nghiệp mũi nhọn của tỉnh, đứng đầu khu vực về đào tạo nghề và nghiên cứu đào tạo cho các ngành công nghiệp, công nghệ cao.

Ngành giáo dục – đào tạo tỉnh Đồng Nai sẽ phát triển dựa trên 3 trụ cột chính:

**Trụ cột 1 – Hệ sinh thái nghiên cứu và đào tạo KHCN:** bao gồm các tổ chức giáo dục hàng đầu, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành công nghiệp cả nước. Các cơ sở giáo dục được liên kết với các chương trình quốc tế, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng như với các cơ sở R&D để hỗ trợ nhau về mặt tri thức và chuyên môn. Đào tạo theo hướng tập trung theo từng cụm chuyên môn, thu hút người lao động mới và lao động có nhu cầu đào tạo lại.

**Trụ cột 2 – Hỗ trợ thử nghiệm sản xuất:** Là nơi thử nghiệm và sản xuất, chế tạo, đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, góp phần mở rộng chuỗi giá trị của các ngành, đặc biệt là các ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh, thực tiễn phát huy thành công của các cơ sở R&D;

**Trụ cột 3 – Trụ cột hỗ trợ dịch vụ đô thị:** Cung cấp các dịch vụ đô thị, dịch vụ lưu trú và dịch vụ MICE phục vụ cho nhu cầu sinh sống chuyên gia và người lao động tới nghiên cứu, học tập, và các nhu cầu gắn kết cộng đồng trong hệ sinh thái trung tâm giáo dục, nghiên cứu phát triển này.

Trong đó, để xây dựng và hoạt động thành công trung tâm giáo dục, giáo dục nghề và nghiên cứu phát triển, các nguyên tắc phát triển được đặt ra để đảm bảo sự phát triển đồng đều giữa 3 trụ cột.

Hình thành hệ sinh thái nghiên cứu – đào tạo tại tỉnh, trong đó tập trung vào: (1) đào tạo chuyên môn, (2) đào tạo kỹ năng và (3) trung tâm nghiên cứu phát triển. Các cơ sở giáo dục đào tạo sẽ tập trung vào phát triển nguồn nhân lực trình độ kỹ thuật cao cung ứng chính cho ngành công nghiệp của tỉnh và cả nước với các chương trình giảng dạy hiện đại, thực tiễn đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Việc hình thành một khu vực tập trung cho công tác giáo dục và R&D mang lại lợi ích gắn kết thông qua cả chương trình hợp tác lẫn cơ sở hạ tầng cho người học, định hướng rõ ràng các cơ hội đào tạo và nghề nghiệp cho người lao động.

Trụ cột hỗ trợ thứ 2 của trung tâm giáo dục đào tạo nghề là thử nghiệm và sản xuất, chế tạo, đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp, góp phần mở rộng chuỗi giá trị của các ngành, đặc biệt là các ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh, thực tiễn phát huy thành công của các cơ sở R&D. Trong đó, việc trang bị các cơ sở hạ tầng cứng (cơ sở vật chất như văn phòng, phòng thử nghiệm...) và hạ tầng mềm (nguồn nhân lực, ngân sách...) là điều kiện cần thiết để tạo nên sức hút cho Trung tâm.

Ngoài ra, các dịch vụ đô thị, dịch vụ lưu trú và dịch vụ MICE sẽ phục vụ cho nhu cầu sinh sống chuyên gia và người lao động tới nghiên cứu, học tập, và các nhu cầu gắn kết cộng đồng trong hệ sinh thái trung tâm giáo dục, nghiên cứu phát triển này. Các cơ sở vật chất cơ bản bao gồm các khu lưu trú cho người học và các chuyên gia, khu vực dịch vụ đô thị (trung tâm mua sắm, dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí,...), trung tâm hội nghị, triển lãm và khu sinh thái nhằm hình thành một hệ sinh thái bên trong trung tâm này. Sự thành công của hệ sinh thái giáo dục đào tạo, nghiên cứu thử nghiệm tại đây sẽ nâng cao vị thế của trung tâm nói riêng và tỉnh Đồng Nai nói chung trong lĩnh vực đào tạo nghề và nghiên cứu sáng tạo, nhất là đối với ngành công nghiệp, thu hút được nhiều học viên, các cơ sở giáo dục, nguồn nhân lực và sự tham gia của các bên doanh nghiệp lớn đến với tỉnh hơn.



### c. Định hướng phát triển ngành du lịch

Khôi phục hoạt động du lịch; hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ với các ngành và địa phương triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, an ninh trật tự, an toàn cho du khách, vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch và nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về phát triển du lịch. Tiếp tục tổ chức các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch có trọng tâm, trọng điểm. Liên kết, hợp tác với các địa phương trong phát triển du lịch. Đẩy mạnh hoạt động du lịch trong điều kiện thích ứng an toàn với dịch bệnh Covid-19.

Hình thành một số khu, điểm du lịch, dịch vụ tổng hợp ở các địa phương nhất là các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch; trong đó có một số khu du lịch lớn, tạo sức lan tỏa cho phát triển du lịch của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Đồng Nai trở thành địa phương trọng điểm du lịch của vùng Đông Nam Bộ và phát triển du lịch trở thành một trong các trụ cột kinh tế quan trọng của tỉnh Đồng Nai.

Đến năm 2030, phát triển du lịch trở thành trung tâm mua sắm, vui chơi giải trí đẳng cấp; điểm đến sinh thái, nông nghiệp – nông thôn đặc sắc và du lịch văn hóa tâm linh hàng đầu Việt Nam, nổi tiếng trong khu vực:

- Tổ chức tổng thể không gian du lịch trên địa bàn tỉnh, liên kết các không gian du lịch trong tỉnh và không gian du lịch các vùng có liên quan, quốc gia và quốc tế.
- Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng lực quản lý, dự báo và trải nghiệm của khách du lịch.
- Phát triển du lịch "xanh", du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm; gắn hoạt động du lịch với mục tiêu gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa, sinh thái và bảo vệ môi trường.
- Phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh, trong đó tập trung vào (i) Du lịch mua sắm, vui chơi giải trí; (ii) Du lịch sinh thái, nông nghiệp; (iii) Du lịch văn hóa, hành hương.
- Phát triển du lịch tập trung vào thế mạnh của từng vùng: vùng đô thị Tây Nam phát triển du lịch mua sắm, vui chơi giải trí gắn với sân bay Long Thành; vùng phía Bắc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; vùng Đông Nam phát triển du lịch văn hóa, hành hương.

#### Tầm nhìn đến 2050

Đồng Nai sẽ là điểm đến thiên nhiên tươi đẹp hàng đầu Việt Nam, với trung tâm mua sắm, vui chơi giải trí đẳng cấp cùng du lịch văn hóa hành hương nổi tiếng trong khu vực. Tỉnh sẽ là điểm dừng chân du lịch nổi tiếng, có hệ thống giải trí, nghỉ dưỡng, mua sắm sôi động với các loại hình sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo. Ngành du lịch của tỉnh có trình độ phát triển cao, thực sự trở thành động lực thúc đẩy thương mại, dịch vụ và các ngành, lĩnh vực khác, góp phần quan trọng hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại dựa trên nền tảng tăng trưởng xanh bền vững.

#### Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng khách du lịch giai đoạn 2026-2030 tăng bình quân 15,2%/năm
- Tổng lượt khách đạt 9 triệu lượt khách; trong đó có 210.000 lượt khách quốc tế



- Số ngày lưu trú trung bình đạt 1,85 ngày trở lên
- Chi tiêu bình quân lượt khách đạt 1.100.000 đồng/ngày/người
- Doanh thu từ các hoạt động du lịch đạt 10.000 tỷ đồng; tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 22,8%/năm; VA du lịch đóng góp khoảng 34,0% VA dịch vụ vào năm 2030
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghề, bồi dưỡng kiến thức cho 100% người lao động làm việc tại các cơ sở du lịch và cán bộ quản lý nhà nước về du lịch
- Giải quyết việc làm cho 12.000 lao động trực tiếp và 22.000 lao động gián tiếp

### **Định hướng phát triển sản phẩm du lịch**

Căn cứ vào tiềm năng và các yếu tố, điều kiện đặc thù cho phát triển du lịch trên địa bàn, dự kiến tỉnh Đồng Nai sẽ phát triển các sản phẩm du lịch nhằm tạo thương hiệu điểm đến cho Đồng Nai:

- Du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp
- Du lịch mua sắm, vui chơi giải trí
- Du lịch du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh
- Du lịch du lịch cộng đồng, làng nghề
- Du lịch hội nghị, hội thảo, MICE
- Du lịch chăm sóc sức khỏe, làm đẹp

### **Định hướng phát triển thị trường khách du lịch**

Tận dụng sân bay quốc tế Long Thành, tập trung khai thác mạnh thị trường chính như Đông Bắc Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Duy trì nhóm khách Đông Bắc Á, ASEAN và khách chuyên gia sinh sống tại Việt Nam; tăng cường nhóm khách tiềm năng từ châu Âu, Úc, Bắc Mỹ. Mở rộng thị trường mới nổi có số lượng khách tăng như: Ấn Độ, khu vực Trung Đông...

Duy trì khách nội địa ngân sách trung bình và thấp; tăng cường nhóm khách tiềm năng nội địa ngân sách cao và khách hội nghị, hội thảo. Tập trung ưu tiên khai thác thị trường 20 triệu dân khu vực Đông Nam Bộ. Hướng tới phân khúc cao cấp, cán bộ, công nhân viên từ các trung tâm đô thị trong vùng như TP.Hồ Chí Minh, TP.Biên Hòa, Thủ Dầu Một; chú trọng khai thác thị trường công nhân viên tại các khu công nghiệp, nhà máy, công ty.

Tập trung khai thác nguồn khách du lịch tại các khu vực liền kề như Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ.

Tích cực khai thác nguồn khách các vùng, các tỉnh phía Bắc; trong đó chú trọng thị trường khách du lịch với mục đích nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo, nghỉ cuối tuần và du lịch mua sắm

## **1.3. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản**

### **1.3.1. Mục tiêu tổng quát**

Hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn đồng thời phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ dựa trên lợi thế

cạnh tranh của địa phương, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính.

Phát triển vùng sản xuất tập trung cây trồng vật nuôi phù hợp với các nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ nông nghiệp theo hướng hiện đại, chế biến sâu và đa dạng hóa sản phẩm sau chế biến. Hỗ trợ phát triển liên kết, hợp tác trong và ngoài tỉnh, đặc biệt chú trọng thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị; hỗ trợ mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu, xúc tiến đầu tư, thương mại. Hướng đến xây dựng Đồng Nai trở thành trung tâm công nghiệp - chế biến sâu nông sản hàng đầu của Việt Nam.

Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa. Nâng cao thu nhập và đời sống dân cư, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm trong tình hình mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao vị thế của người dân nông thôn, củng cố và phát triển cộng đồng. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nông thôn xanh sạch, đẹp, đảm bảo an ninh với hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ tiệm cận với khu vực đô thị. Hướng tới xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

Quản lý bền vững, bảo tồn lâu dài tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, chống suy thoái đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

Xây dựng và phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, hiện đại, bền vững ngang tầm khu vực Đông Nam Á với các đặc trưng:

- Nông nghiệp công nghệ cao với các mô hình nông nghiệp xanh, sạch, an toàn, bền vững;
- Có sức cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế;
- Hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đủ sức chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai;
- Xây dựng và phát triển tiềm lực ứng dụng và làm chủ công nghệ mới;
- Môi trường sinh thái phát triển;
- Đời sống nông thôn phát triển theo hướng hiện đại, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị.



**Hình 5: Khung chiến lược phát triển ngành nông lâm thủy sản tỉnh Đồng Nai**

*Nguồn: Roland Berger*

### 1.3.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổng GRDP ngành nông lâm thủy sản tăng trưởng 3,0%/năm giai đoạn 2021-2030; trong đó, nông nghiệp tăng 2,9%; lâm nghiệp tăng 2,6%; thủy sản tăng 4,5%. Cơ cấu ngành năm 2030: nông nghiệp 88,2%; lâm nghiệp 5,6%; thủy sản 6,2%.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân 3 - 3,5%; giá trị sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 190 - 200 triệu đồng/ha.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 70%; tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương trên 50%; tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 8 - 10%/năm; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt trên 70%; tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 9%/năm.
- Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 70%; trên 80% hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả; thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 2,0 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.
- Diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 2,0% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp; tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất trên địa bàn tỉnh đạt 50%; tăng tỷ lệ thuốc bảo vệ thực vật sinh học sử dụng trong sản xuất lên trên 60%; tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước đạt trên 60%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 28,3%, nâng cao chất lượng rừng; tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận đạt từ 45 - 50%. Giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020.
- Tỉnh hoàn thành 100% xã đạt chuẩn NTM nâng cao, có ít nhất 60% xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; 6 - 7 huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và 2 - 3 đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

TT	Tổng sản phẩm (giá ss 2020)	Theo năm			Tốc độ tăng BQ (%/năm)		
		2021	2025	2030	2021-2025	2026-2030	2021-2030
	<b>Nông, lâm, thủy sản</b>	<b>41,240</b>	<b>46.691</b>	<b>53.566</b>	<b>2,79%</b>	<b>3,08%</b>	<b>2,97%</b>
1	Nông nghiệp	36.630	41.362	47.252	3,08%	3,01%	2,89%
2	Lâm nghiệp	2.369	2.635	2.982	2,70%	2,66%	2,60%
3	Thủy sản	2.241	2.693	3.332	4,70%	4,63%	4,52%

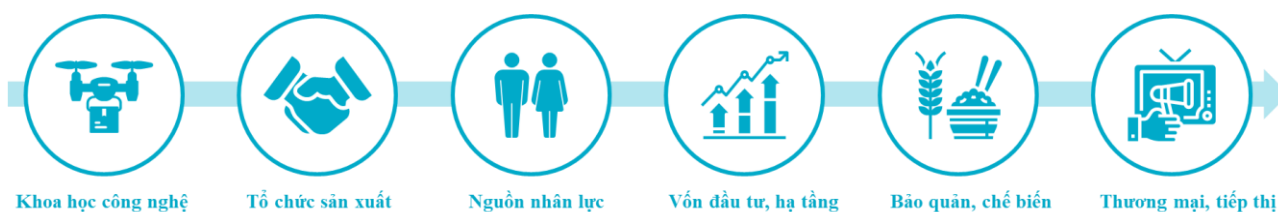
### 1.3.3. Định hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Ngành nông nghiệp Đồng Nai sẽ hoàn thiện chuỗi giá trị, tập trung vào chăn nuôi và trồng trọt, lấy khoa học công nghệ làm nền tảng để phát triển bền vững; hướng đến mô hình sản xuất hữu cơ, sinh thái.

Ngành nông, lâm thủy sản sẽ phát triển theo 2 trụ cột chính và 3 trụ cột hỗ trợ:

- **Trụ cột 1** – Trồng trọt: Phát triển chuỗi giá trị trồng trọt, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng năng suất bằng khoa học công nghệ, gắn với công nghiệp chế biến; hướng tới thí điểm các mô hình hữu cơ, sinh thái với 3 nhóm sản phẩm: (1) Chủ lực – cây ăn quả, cây rau, hoa màu ngắn ngày; (2) Tiềm năng – Cây dược liệu, hoa, cây cảnh, cây công trình; (3) Duy trì và tái cơ cấu – cây lương thực (lúa, bắp, khoai) và cây công nghiệp lâu năm.
- **Trụ cột 2** – Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi heo và gia cầm hiện đại, ưu tiên theo hướng trang trại, với sự dẫn dắt của các doanh nghiệp có năng lực tham gia toàn bộ chuỗi giá trị: con giống - thức ăn - chăn nuôi - giết mổ, sơ chế, chế biến - tiêu thụ. Ba nhóm sản phẩm: (1) Chủ lực – lợn, gia cầm lấy thịt và trứng; (2) Tiềm năng – vật nuôi mới; (3) Duy trì và tái cơ cấu – bò, dê, cừu.
- **Trụ cột hỗ trợ 1** – Thủy sản: Hình thành các loài thủy sản nuôi trồng chủ lực nước ngọt và nước lợ như tôm, cá; gia tăng diện tích nuôi trồng thâm canh, tăng tỷ lệ tiêu thụ qua liên kết và chế biến; nhắm tới thị trường nội địa.
- **Trụ cột hỗ trợ 2** – Lâm nghiệp: Gia tăng diện tích cây trồng đạt chuẩn FSC để tăng giá trị, đảm bảo nguồn cung ổn định cho ngành sản xuất gỗ nội tỉnh.

### 1.3.4. Giải pháp chủ yếu



Để đạt được mục tiêu phát triển đề ra, ngành nông, lâm, thủy sản tỉnh Đồng Nai sẽ hướng tới thực hiện các giải pháp hỗ trợ chính gồm:

- Khoa học công nghệ: Lấy ứng dụng khoa học công nghệ làm nền tảng cho sự phát triển, hiện đại hóa công cụ sản xuất; phát triển nông nghiệp 4.0 và thực hiện các giải pháp canh tác bền vững, sinh thái.
- Tổ chức sản xuất: Đề áp dụng hiệu quả nông nghiệp công nghệ cao trên diện rộng, cần thiết có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn, có năng lực tổ chức sản xuất đồng bộ và kết nối chuỗi giá trị. Đồng thời, củng cố kinh tế hợp tác (hợp tác xã, tổ hợp tác) và liên kết hình thành các vùng chuyên canh.
- Nguồn nhân lực: Phát triển dựa trên nền tảng khoa học kỹ thuật đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, cần đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực hiện hữu, đồng thời thu hút nguồn nhân lực mới đặc biệt trong ứng dụng khoa học kỹ thuật và thực nghiệm các mô hình, giống mới.
- Thu hút đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng: Đẩy mạnh các cơ chế, chính sách tích tụ ruộng đất và khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp CNC. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư, nguồn nhân lực.
- Bảo quản, chế biến: Gắn sản xuất nông nghiệp với ngành công nghiệp chế biến nông sản, cung ứng lạnh.
- Thương mại, tiếp thị: Xây dựng và phát triển thương hiệu cho nông sản của tỉnh. Hỗ trợ thâm nhập, mở rộng thị trường tiêu thụ..

## 2. Phương án phát triển các ngành khác

### 2.1. Phát triển dịch vụ thương mại

#### a. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạnh thương mại nội địa đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú, đa dạng của sản xuất và tiêu dùng, đảm bảo cho thị trường phát triển lành mạnh, ổn định; chú trọng phát triển hệ thống phân phối nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và hàng tiêu dùng cuối cùng; xây dựng và phát triển các loại hình hạ tầng thương mại phù hợp trên cơ sở kết hợp các loại hình thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn: Đô thị, nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Là đầu mối trung chuyển hàng hóa giữa khu vực tam giác Nam Trung Bộ - Đông Nam Bộ - Nam Tây Nguyên.

Phát triển thương mại nông thôn ngày càng vững mạnh, theo hướng văn minh, hiện đại với sự tham gia của các thành phần kinh tế và sự đa dạng của các loại hình tổ chức phân phối, các hoạt động dịch vụ và phương thức kinh doanh; góp phần định hướng và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển; đáp ứng đủ, kịp thời nhu cầu sản xuất, tiêu dùng ở địa bàn nông thôn, trên cơ sở đó góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, xóa đói giảm nghèo, tạo tiền đề để chủ động hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế thành công ở địa bàn nông thôn.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thương mại quốc tế, đặc biệt là xuất khẩu; phát triển các dịch vụ hỗ trợ buôn bán quốc tế, trở thành trung tâm đầu mối xuất nhập khẩu hàng hóa của vùng, liên vùng. Là trung tâm đầu mối giao lưu thương mại, dịch vụ logistics xuất nhập khẩu hàng hóa trong nội địa ở khu vực Đông Nam Bộ, phía Đông Bắc thành phố Hồ Chí Minh; là trung tâm thương mại, dịch vụ hậu cần sau cảng của các cụm cảng Đồng Nai, cụm cảng Cái Mép - Vũng Tàu và cụm cảng Sài Gòn ở khu vực Đông Nam Bộ phía Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh. Hình thành các tổ hợp



mua sắm đẳng cấp xung quanh sân bay Long Thành phục vụ nhu cầu tiêu dùng của tầng lớp trung lưu và khá giả.

Xây dựng lực lượng doanh nghiệp thương mại trong tỉnh ngày càng lớn mạnh, tham gia tích cực vào quá trình phát triển nhanh thị trường trong và ngoài nước. Phát triển nhanh các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu, doanh nghiệp phân phối lớn có phạm vi hoạt động rộng với nhiều phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng phù hợp.

### **b. Mục tiêu cụ thể**

Tốc độ tăng trưởng GDP của ngành thương mại cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP của nền kinh tế. Tăng trưởng giá trị gia tăng ngành thương mại đạt bình quân 9-10%/năm giai đoạn 2021 – 2025 và tiếp tục tăng lên 15-16%/năm giai đoạn 2026 – 2030, trung bình giai đoạn 2021 – 2030 tăng trưởng 12-13%.

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng (chưa loại trừ yếu tố giá) tăng trưởng bình quân 15-16%/năm giai đoạn 2021 – 2025, đạt 290 nghìn tỷ đồng đến năm 2025 và bình quân 18-20%/năm, đạt 664 nghìn tỷ đồng đến năm 2030.

Kim ngạch xuất khẩu đạt 27,6 tỷ USD vào năm 2025; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 đạt 8%/năm. Đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu đạt 58 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 đạt 16%/năm, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2021 – 2030 đạt 12%/năm. Ngoài các thị trường truyền thống tập trung phát triển thêm các thị trường có tiềm năng như thị trường châu Âu như Pháp, Anh, Đức và các trường mới khác.

Về thương mại điện tử: ít nhất 50% doanh nghiệp có tham gia hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử, trên các ứng dụng di động. Đến năm 2030, sàn giao dịch thương mại điện tử có sự tham gia ít nhất 1.000 thương nhân trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2030, quy mô thị trường, ứng dụng thương mại điện tử: doanh số thương mại điện tử chiếm 20-25% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh. Tỷ lệ dân số trên địa bàn tỉnh tham gia mua sắm trực tuyến đạt 35% vào năm 2025 và 50% vào năm 2030. Phần đầu đạt top 5 tỉnh/thành về xếp hạng thương mại điện tử.

Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, đa dạng, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn; tổ chức vận hành hiệu quả các hệ thống cung ứng, phân phối các nhóm hàng hóa chủ yếu trên thị trường; cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh.

### **c. Định hướng phát triển**

#### *Đối với thương mại nội địa*

Phát triển đồng bộ hệ thống thị trường từ thị trường sản xuất tập trung vào hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, hàng nông sản. Trong đó định hướng các thị trường hàng công nghiệp tiêu dùng tập trung tại khu vực thành thị với các hình thức bán lẻ hiện đại như trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị và các chợ đầu mối quy mô lớn kết hợp với các phương thức bán hàng hiện đại như thương mại điện tử, phát triển các trung tâm logistics để đồng bộ các dịch vụ phụ trợ thương mại. Tại khu vực nông thôn, các hoạt động thương mại bám sát vào hoạt động sản xuất tại các vùng hàng hóa nông

sản tập trung, xây mới, hoàn thiện mạng lưới chợ truyền thống tại trung tâm các cụm xã, xã có tập trung đông dân cư, đặc biệt là các vùng còn khó khăn của tỉnh.

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trong tỉnh; củng cố thiết lập trật tự thị trường thích ứng với bối cảnh, tình hình mới, từng bước phát triển thương mại ổn định và bền vững; tăng dần tỷ trọng đóng góp của lĩnh vực thương mại trong phát triển kinh tế của tỉnh. Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển hệ thống bán buôn, bán lẻ trên địa bàn trong đó quan tâm đến các doanh nghiệp bán lẻ nước ngoài nhằm góp phần hiện đại hóa ngành thương mại, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các loại hình dịch vụ phân phối có chất lượng cao, quy mô lớn, hiện đại.

Phát triển các dịch vụ phụ trợ cho thương mại như bảo quản, lưu kho, sắp xếp và phân loại hàng hóa có khối lượng lớn, bốc dỡ và phân phối lại đối với hàng hóa có khối lượng nhỏ, dịch vụ giao hàng, dịch vụ bảo quản, kho bãi... tại các trung tâm bán buôn, chợ đầu mối, trung tâm mua sắm... Thu hút các nguồn lực theo hướng xã hội hóa vào phát triển các dịch vụ phụ trợ của ngành.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thương mại, xây dựng đa dạng mô hình kinh doanh thương mại thuộc các thành phần kinh tế gắn với các khu, cụm công nghiệp, vùng sản xuất hàng hóa, các khu dân cư, các trục giao thông chính.

Phát triển đa dạng phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại trong tỉnh; tổ chức vận hành hiệu quả các hệ thống cung ứng, phân phối các nhóm hàng hóa chủ yếu trên thị trường; cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh. Phát triển thương mại điện tử trở thành giao dịch phổ biến trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh và hoạt động tiêu dùng hàng ngày của người dân để khai thác có hiệu quả hơn xu hướng số hóa với sự phát triển của phương thức thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt; tăng cường đầu tư, phát triển công nghệ, kết nối hạ tầng, đầu tư cho công nghệ thông tin để đảm bảo tính an toàn và thuận tiện cho người tiêu dùng trong quá trình tham gia giao dịch thương mại điện tử cũng như nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển thương mại và hội nhập; đổi mới toàn diện công tác xúc tiến thương mại, lựa chọn các công cụ và biện pháp xúc tiến thương mại phù hợp nhằm bảo đảm đúng đối tượng, đạt được các mục tiêu và hiệu quả cao.

#### *Đối với thương mại xuất nhập khẩu*

- Phát triển các mặt hàng đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu. Xác định các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng công nghiệp dệt may; giày dép; gỗ và sản phẩm gỗ; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng; phương tiện vận tải và phụ tùng; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, thực phẩm chế biến. Đồng thời, chú trọng chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng gia tăng các sản phẩm chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao. Việc phát triển các mặt hàng này cần hướng đến việc đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu ngày càng khắt khe khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tập trung vào các thị trường của các nước thành viên ký kết FTA với Việt Nam; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu theo hướng tận dụng lợi thế so sánh của tỉnh. Khai thác hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế.

- Phát triển hạ tầng logistics phù hợp với quy hoạch ngành, đáp ứng nhu cầu trung chuyển hàng hóa phục vụ xuất nhập khẩu.

## 2.2. Phương án phát triển ngành giáo dục – đào tạo

### a. Mục tiêu phát triển

Phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai theo hướng đổi mới toàn diện, hiện đại, phù hợp với đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh, với chất lượng và hiệu quả, đáp ứng mục tiêu phát triển con giáo viên, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH; đồng thời đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Từng bước nâng tầm giáo dục đào tạo của tỉnh ở vào nhóm các địa phương hàng đầu của cả nước về chất lượng giáo dục đào tạo, tiếp cận với trình độ quốc tế, tương xứng là tỉnh công nghiệp hóa trong thời gian tới.

### b. Phương hướng phát triển

Đến năm 2025: Thực hiện theo kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại cơ sở giáo dục, toàn tỉnh có 401 trường mầm non, trong đó có 230 trường công lập; có 296 trường tiểu học, trong đó công lập có 280 trường; có 166 trường THCS; có 53 trường THPT.

Đến năm 2030: Toàn tỉnh có 465 trường mầm non, trong đó 275 trường công lập; có 348 trường tiểu học; có 210 trường THCS; có 55 trường THPT.

Tầm nhìn năm 2050: toàn tỉnh có 569 trường mầm non; có 455 trường tiểu học; 257 trường trung học cơ sở; 67 trường trung học phổ thông

#### *Giáo dục phổ thông*

Phát triển mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT đáp ứng nhu cầu của nhân dân theo hướng khuyến khích, hỗ trợ việc thành lập trường ngoài công lập ở khu tập trung đông dân cư (các khu công nghiệp, khu đô thị mới...).

- Giai đoạn 2021-2025: nâng cấp, mở rộng các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT hiện có, thành lập thêm các trường có chất lượng cao, ưu tiên thành lập và phát triển loại trường ngoài công lập; sắp xếp, sáp nhập các điểm trường lẻ để đảm bảo cho trẻ được chăm sóc, giáo dục ở các điểm trường tập trung, điểm trường trung tâm. Kêu gọi đầu tư phát triển mô hình trường học liên cấp, các trường liên cấp quốc tế.
- Giai đoạn 2026-2030: tiếp tục nâng cấp và mở rộng các trường có diện tích chưa đảm bảo; xây mới các công trình, trường học xuống cấp và lâu đời; sáp nhập các trường có diện tích, quy mô nhỏ thành trường có quy mô thích hợp, trường có nhiều cấp học; Phát triển mạnh mẽ các trường nhiều cấp học, trường chất lượng cao và trường liên cấp quốc tế.
- Tầm nhìn đến năm 2050: phát triển mạnh mẽ các trường nhiều cấp học, trường chất lượng cao và trường liên cấp quốc tế, phù hợp với nhu cầu học tập và giảng dạy của nền giáo dục thế giới năm 2050.

#### *Giáo dục nghề nghiệp*

Đa dạng hóa các hình thức học tập ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, mở rộng liên thông, liên kết giữa các trung tâm và các cơ sở giáo dục, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh để tổ chức các hình thức học tập khác, thí điểm mở các lớp đào tạo từ xa, đào tạo văn hóa kết hợp với học nghề. Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động tại các cơ sở giáo dục, tạo điều kiện cho mọi người được học tập thường xuyên, góp phần xây dựng xã hội học tập.

Tăng cường đầu tư cho các trường đào tạo nghề trọng điểm để thực hiện đào tạo lực lượng lao động có chất lượng cao theo tiêu chuẩn thế giới và khu vực ASEAN. Cùng cố, phát triển quy mô các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, mỗi thành phố, huyện bố trí quỹ đất để thu hút đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp trên cơ sở các tiêu chuẩn nghề quốc gia và khu vực, bám sát yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với kỹ thuật, công nghệ mới, trình độ quản lý; đảm bảo liên thông giữa các trình độ đào tạo.

Tạo mối quan hệ liên thông và gắn kết giữa trường đào tạo - cơ sở sản xuất - trung tâm giới thiệu việc làm; thiết lập “Kênh phân phối lao động” với nguồn thông tin rõ ràng, đảm bảo cho việc chủ động nắm tình hình và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường nguồn nhân lực;

Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các công ty liên doanh, các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Để đạt được các đột phá trong các khía cạnh kinh tế - xã hội, ngoài việc phát triển & hoàn thiện hệ thống giáo dục cơ bản, tỉnh Đồng Nai cần phát triển các tổ hợp nghiên cứu phát triển & GD nghề nghiệp, được định hướng trở thành Tổ hợp giáo dục lớn nhất tại Việt Nam về nghiên cứu và đào tạo các ngành công nghiệp, công nghệ cao mũi nhọn của cả nước.

Cụ thể hơn, tổ hợp nghiên cứu giáo dục KH-CN tại Đồng Nai cần hoàn thiện hệ sinh thái, bao gồm cả khu nghiên cứu & đào tạo, khu thử nghiệm sản xuất chế tạo và khu đô thị dịch vụ. Trong đó, hệ sinh thái bao gồm các chi tiết cụ thể sau:

- Các cơ sở giáo dục – đào tạo làm lõi để thu hút người lao động tới tổ hợp, quy hoạch các cơ sở giáo dục đào tạo theo các cụm lĩnh vực chuyên môn
- Các cơ sở thử nghiệm, khu sản xuất nhằm phát huy tính thực tiễn của việc đào tạo và nghiên cứu
- Các cơ sở nghiên cứu KH-CN được quy hoạch liên kết với các cơ sở giáo dục – đào tạo để hỗ trợ về mặt tri thức, kỹ thuật chuyên môn
- Đô thị dịch vụ, MICE để phục vụ nhu cầu sinh sống cho chuyên gia và người lao động tới nghiên cứu, học tập, và các nhu cầu gắn kết cộng đồng trong hệ sinh thái

Vị trí của tổ hợp nên được đặt ở khu vực có khả năng kết nối tốt, và không quá xa các KCN đang trong quy hoạch để đón đầu nhu cầu về nguồn lao động. Qua đó, Đơn vị tư vấn đề xuất đặt ở phía Bắc của sân bay Long Thành, do sở hữu vị trí đắc địa: gần sân bay Long Thành, Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu và các Khu công nghiệp, CNC mới, được mở rộng.

#### *Giáo dục đại học và sư phạm*

Thúc đẩy hợp tác Quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp, thực hiện liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài; hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

Mở rộng đầu tư cũng như đảm bảo cơ chế tự chi của một số trường đầu tư kinh phí để nâng cao chất lượng đào tạo cho các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên ở các thành phố và các huyện.

Tiếp tục khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn tỉnh và thực hiện tốt công tác xã hội hóa đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Phân đầu có ít nhất 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục được thành lập mới và hoạt động hiệu quả.

*Giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập*

Thúc đẩy hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đủ năng lực, quy mô, tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ giáo dục có chất lượng cho tất cả người khuyết tật; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

Triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước nhằm phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

Khuyến khích, huy động các nguồn lực cộng đồng, xã hội hóa phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người khuyết tật, hướng tới mục tiêu công bằng xã hội trong giáo dục người khuyết tật.

### **2.3. Phương án phát triển ngành y tế**

#### **a. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc phải như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ quốc tế. Nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi sản xuất, cung ứng dược phẩm, dịch vụ y tế. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### **b. Mục tiêu cụ thể**

Thực hiện bao phủ CSSK toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ CSSK cơ bản có chất lượng. Không để dịch bệnh lớn xảy ra; từng bước kiểm soát các yếu tố có hại đến sức khỏe liên quan đến môi trường, an toàn thực phẩm, lối sống và hành vi của người dân.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế; bảo đảm sự phối hợp, kết nối và lồng ghép giữa các tuyến, giữa dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và dịch vụ phòng bệnh; giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên; phát huy vai trò của các trung tâm y tế chuyên sâu, y tế kỹ thuật cao trong việc chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn cho toàn mạng lưới cung ứng dịch vụ hiện đại hóa và phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

Duy trì mức sinh thấp hợp lý; khống chế tốc độ tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh; giảm dị tật và bệnh bẩm sinh, góp phần nâng cao chất lượng dân số; đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ KHHGD của người dân; tăng khả năng tiếp cận dịch vụ CSSKSS có



chất lượng. Bảo đảm cân đối hợp lý trong phân bổ, sử dụng nguồn nhân lực y tế giữa các vùng, các tuyến, giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế.

Phát triển BHYT toàn dân, nâng cao hiệu quả trong phân bổ và sử dụng ngân sách. Phát triển cơ sở hạ tầng y tế; phát triển y tế ở vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa và hỗ trợ cho người nghèo các đối tượng chính sách trong KCB.

Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu và TTBYT có chất lượng với giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc và TTB hợp lý, an toàn và hiệu quả.

Nâng cao năng lực quản lý và năng lực thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế trong giai đoạn mới. Củng cố và hoàn thiện tổ chức mạng lưới ngành y tế các tuyến, thu gọn đầu mối để nâng cao hiệu quả hoạt động, đầu tư.

*Đến năm 2030:*

- Tuổi thọ trung bình khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm;
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho chăm sóc y tế giảm còn 30%;
- Duy trì 100% tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về Y tế và 100% tỷ lệ trạm y tế xã/ phường/ thị trấn có bác sỹ làm việc; 100% trạm y tế xã/ phường/ thị trấn đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;
- Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95% với 14 loại vắc xin. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn dưới 10‰; dưới 1 tuổi còn dưới 5‰.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%; không chế tỉ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ 157,5 cm.
- Phấn đấu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.
- Đạt 32 giường bệnh/vạn dân, 11 bác sỹ/vạn dân, 3 dược sỹ đại học/vạn dân, 33 điều dưỡng/vạn dân. Tỉ lệ giường bệnh tư nhân đạt trên 20%.
- Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.
- Cơ bản chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét.

### **c. Định hướng phát triển**

Xây dựng mạng lưới y tế Đồng Nai phát triển đồng đều cả về y tế nhà nước và y tế tư nhân, đầu tư phát triển cả về y tế phổ cập và y tế chuyên sâu, phục vụ nhân dân tốt nhất và hiệu quả cao; phát triển mạng lưới y tế các tuyến theo hướng dự phòng chủ động và tích cực; phát triển quy mô và địa điểm cơ sở y tế hợp lý với điều kiện của địa phương, thuận lợi với người dân trong quá trình khám và chữa bệnh.

- Củng cố hệ thống y tế công lập
- Tập trung thu hút và cải thiện hệ thống y tế ngoài công lập
- Phát triển mạnh nguồn nhân lực y tế
- Phát triển dược, cây dược liệu, kiểm nghiệm thuốc

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế
- Phát triển thông tin Y tế, ứng dụng CNTT trong ngành y tế
- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện; bảo đảm an ninh, trật tự tại các bệnh viện, cơ sở y tế
- Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở
- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế tài chính y tế
- Hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

## 2.4. Phương án phát triển thông tin - truyền thông

### a. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển mô hình cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện, giữ vững vai trò thông tin chủ đạo, định hướng dư luận; đưa tin xác thực; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chính sách của đảng và nhà nước.

Xây dựng một nền xuất bản, in và phát hành hàng đầu khu vực cả về trình độ phát triển công nghệ, chất lượng dịch vụ, khả năng thích ứng, cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng hàng hóa của địa phương và khu vực; nâng cao mức thụ hưởng sách, đồng hành cùng xã hội học và xây dựng thành công văn hóa đọc của địa phương làm nền tảng phát triển văn hóa đọc của người Việt Nam.

Xây dựng và phát triển thông tin điện tử trở thành một trong các kênh truyền tải thông tin chủ lực trong tuyên truyền chủ chương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội, phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Phát triển mạng lưới thông tin cơ sở hiện đại, đồng bộ thống nhất từ Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện đến xã, phường, thị trấn trong một hệ sinh thái thông tin đa ngành, đa lĩnh vực, tương tác và phản ánh nhanh nhạy trước những tác động của đời sống kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ đất nước.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo dựng sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các địa phương với địa phương khác trong vùng, giảm thiểu sự bất bình đẳng giữa các vùng, miền; bảo đảm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương và lợi ích hội nhập vùng, quốc tế.

### b. Định hướng phát triển

*Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, cơ sở xuất bản*

Ổn định hoạt động của 4 cơ quan báo chí địa phương và các Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Các cơ quan báo chí địa phương không ngừng nâng cấp chất lượng tin bài, thể hiện được tiếng nói của cấp ủy và chính quyền địa phương.

Đầu tư trang thiết bị, hệ thống phần mềm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (BigData), ảo hóa quy trình và lưu trữ trên môi trường đám mây (Icloud)... trong hoạt động nghiệp vụ, lưu trữ tại các cơ quan báo chí chủ lực của tỉnh.

Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực xuất bản.

Hoạt động của các cơ sở in, cơ sở phát hành đảm bảo tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng theo quy định của Luật xuất bản.

*Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử*

Quan tâm đầu tư cho hệ thống thông tin cơ sở, đảm bảo nâng cao chất lượng phủ sóng tuyên truyền đến các xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

Nội dung thông tin đảm bảo tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, của cấp ủy và chính quyền nhân dân trong tỉnh, Thông tin về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương và những vấn đề quan trọng của đất nước, góp phần nâng cao dân trí, phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong tỉnh.

Phát triển hạ tầng công nghệ kỹ thuật sản xuất, phát sóng và phân phối đa nền tảng, thực hiện quá trình chuyển đổi số và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tác nghiệp đối với hoạt động phát thanh, truyền hình.

Ứng dụng các nền tảng công nghệ cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân được nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Trao đổi thông tin hai chiều với người dân trong hoạt động thông tin cơ sở thông qua các ứng dụng trên mạng xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật số hiện đại, ứng dụng số hóa trong sản xuất, lưu trữ và truyền dẫn các chương trình phát thanh của hệ thống truyền thanh - truyền hình các cấp.

## **2.5. Phương án phát triển văn hóa, thể dục thể thao**

### **a. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai là một trong 10 địa phương có hoạt động văn hoá - thể thao lớn nhất cả nước về cơ sở vật chất, thành tích thể thao, chất lượng vận động viên. Tạo dựng một xã hội ổn định và phát triển trên cơ sở gia đình là hạt nhân.

Xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai trở thành trung tâm văn hóa, thể thao của Vùng Đông Nam Bộ.

Tập trung xây dựng nền văn hóa và con người Đồng Nai phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, mang nét đặc trưng của tỉnh Đồng Nai. Xây dựng, phát triển gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, văn hóa, tiên bộ và phát triển bền vững.

Tiếp tục giữ vững vị trí là một trung tâm thể dục thể thao mạnh của cả nước. Phát triển sâu rộng phong trào thể dục thể thao; tập trung đầu tư phát triển thể thao thành tích cao có trọng tâm, trọng điểm.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đồng bộ, hiện đại, đủ điều kiện tổ chức các hoạt động tại địa phương, quốc gia và quốc tế.

Xây dựng tỉnh Đồng Nai có môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh, hiện đại. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng con người Đồng Nai phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh và đất nước; xây dựng gia đình no ấm, tiên bộ, hạnh phúc.

Đến năm 2050 xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai là một trong 5 địa phương có hoạt động văn hóa - thể thao lớn nhất cả nước về cơ sở vật chất, thành tích thể thao là điểm đến du lịch thân thiện, văn minh hàng đầu của cả nước.

Tiếp tục củng cố và nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trọng điểm của tỉnh, bao gồm khu liên hợp thể thao, sân vận động, nhà hát, hệ thống tượng đài chính, các hệ thống sân chơi, bãi tập từ tỉnh đến huyện, thành phố, xã,... để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về tinh thần và rèn luyện sức khỏe của nhân dân trong tỉnh ngày càng cao và là điểm đến của các cuộc thi đấu trong nước và quốc tế.

## **b. Định hướng phát triển**

### *Lĩnh vực văn hoá*

- *Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa*

Bảo tồn và phát huy có hiệu quả những giá trị của di sản văn hoá tỉnh Đồng Nai, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế của tỉnh.

Huy động sức mạnh của toàn xã hội đóng góp vào việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá; từng bước ngăn chặn nguy cơ xuống cấp các di tích và sự mai một của các loại hình di sản văn hoá phi vật thể.

Phát triển đa dạng hóa các loại hình bảo tàng. Khuyến khích thành lập các bảo tàng tư nhân, bộ sưu tập tư nhân thông qua các hình thức đầu tư, huy động nguồn lực xã hội hóa.

- *Nghệ thuật biểu diễn*

Trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, cần phát triển và bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống như Đờn ca tài tử, múa rối nước, nghệ thuật cải lương. Đồng thời, đào tạo tài năng trẻ, xây dựng cơ sở luyện tập và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho các đoàn nghệ thuật, hỗ trợ và đãi ngộ diễn viên chuyên nghiệp, cùng với việc xã hội hóa nghệ thuật biểu diễn để thu hút sự tham gia và hỗ trợ từ cộng đồng.

Xây dựng đơn vị nghệ thuật nhà nước và đội ngũ nghệ thuật quần chúng, đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ diễn viên, thực hiện chế độ quản lý đặc thù cho đội thông tin lưu động và đội văn nghệ quần chúng, xây dựng một nhà hát lớn phục vụ cộng đồng, và xã hội hóa nghệ thuật biểu diễn để đáp ứng nhu cầu văn hóa của nhân dân, đặc biệt là ở các khu vực khó khăn và vùng sâu, xa.

- *Điện ảnh, chiếu phim*

Đầu tư vào trang thiết bị kỹ thuật và cơ sở vật chất để khai thác phim theo công nghệ hiện đại và đạt chuẩn quốc tế về hình ảnh và âm thanh. Phát triển ngành điện ảnh theo hướng dân tộc và hiện đại để hấp dẫn mọi tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu giải trí của cư dân trong các khu đô thị, khu kinh tế công nghiệp và khu đại học.

Tạo mô hình liên doanh và liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để đầu tư và phát triển ngành điện ảnh. Đồng thời, xây dựng chế độ hỗ trợ và đãi ngộ cho các đội chiếu bóng lưu động phục vụ ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số.

- *Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm*

Đưa mỹ thuật và nhiếp ảnh tỉnh Đồng Nai phát triển ngang tầm quốc gia và từng bước theo kịp khu vực.

Phát triển nền mỹ thuật, nhiếp ảnh của tỉnh theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa đa dạng của công chúng. Đưa mỹ thuật, nhiếp ảnh tỉnh Đồng Nai phát triển toàn diện, có đầy đủ các loại hình và số lượng hội viên phát triển ổn định, bền vững.

Tỉnh đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo tác phẩm mỹ thuật, nhiếp ảnh để có được những tác phẩm lớn, chất lượng cao và tổ chức giới thiệu, phổ biến thông qua các giải thưởng của Nhà nước. Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ kinh phí thực hiện bảo tồn và phát huy mỹ thuật truyền thống. Huy động sức mạnh của toàn xã hội bảo tồn, phát huy giá trị di sản mỹ thuật dân tộc.

Phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm cả về số lượng và chất lượng, đạt nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi, triển lãm vùng, toàn quốc, khu vực và quốc tế. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh phong trào mỹ thuật cơ sở. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo về việc dạy nhạc, dạy vẽ trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trong toàn tỉnh. Chú trọng mảng mỹ thuật ứng dụng, đặc biệt trong công nghiệp, thủ công nghiệp, sản phẩm tiêu dùng, nội, ngoại thất, thời trang.

- *Văn học nghệ thuật*

Tạo điều kiện cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật phát triển, sáng tạo nhiều tác phẩm mới có giá trị thẩm mỹ, tiêu biểu cho tỉnh Đồng Nai và vùng Đông Nam Bộ. Thông qua các hoạt động sáng tạo và phổ biến tác phẩm văn hóa nghệ thuật nâng cao mức hưởng thụ nghệ thuật của nhân dân tỉnh, hướng mỗi cá nhân, cộng đồng vào giá trị chân, thiện, mỹ.

- *Thư viện*

Phát triển đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm Thư viện tỉnh; thư viện thành phố, huyện; thư viện cấp xã, phường, thị trấn.

Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị thư viện, theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện đáp ứng xu thế phát triển hiện nay.

Không ngừng mở rộng mạng lưới liên thông, liên kết hệ thống thư viện công cộng với thư viện các trường đại học, cao đẳng, trường dạy nghề, viện, trung tâm nghiên cứu khoa học trên địa bàn thành phố, cả nước và quốc tế. Phát triển Văn hóa đọc

Mỗi năm trung bình hệ thống thư viện công cộng bổ sung 20 nghìn bản sách.

- *Bảo tàng*

Tất cả các hoạt động bảo tàng đều phải dựa trên các bộ sưu tập hiện vật gốc có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa và khoa học; thường xuyên bổ sung tài liệu, hiện vật mới cho bảo tàng bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả việc mua các hiện vật, tài liệu quý hiếm. Ứng dụng một cách hợp lý và có hiệu quả các thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới trong trưng bày và bảo quản tài liệu, hiện vật bảo tàng; ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và thông tin tư liệu bảo tàng; nối mạng các bảo tàng từ tỉnh đến các huyện, thành phố. Chú trọng tính khoa học, tính hệ thống trong việc xây dựng ngân hàng dữ liệu về tài liệu, hiện vật bảo tàng. Phấn đấu, số tài liệu, hiện vật quý hiếm trong bảo tàng tỉnh được tin học hóa đạt 80% năm 2025 và 100% năm 2030.



- *Quảng cáo, cổ động trực quan và tuyên truyền lưu động*

Quản lý chặt chẽ quảng cáo văn hoá và kinh doanh trên phương tiện thông tin đại chúng, quảng cáo tầm lớn, và bảng điện tử, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy hoạch, và bảo vệ cảnh quan đô thị và trật tự giao thông.

Xây dựng hệ thống công cụ tuyên truyền trực quan đồng bộ, bao gồm pano, hộp đèn, băng rôn, cờ, và đầu tư vào bảng pano điện tử được bố trí khoa học từ tỉnh đến cơ sở. Tổ chức các ấn phẩm tuyên truyền tranh cổ động, triển lãm hình ảnh, và triển lãm ảo 3D để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương trong tỉnh.

Phổ biến thông tin thiết yếu về thời sự, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật, khoa học kỹ thuật, công nghệ, kinh tế - xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đến từng người dân để nâng cao nhận thức và cải thiện đời sống tinh thần, đóng góp vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

- *Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở*

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo cơ sở vật chất hiện đại và đồng bộ để tổ chức hoạt động, thu hút sự tham gia của nhân dân. Xây dựng thiết chế văn hóa thể thao phục vụ các đối tượng đặc thù như công nhân, sinh viên tại khu vực đô thị, khu công nghiệp, trường đại học.

Đẩy mạnh xã hội hóa trong xây dựng và duy trì hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. Phát triển phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá và xây dựng nông thôn mới theo hướng thực chất, hiệu quả.

Xây dựng khu vực nông thôn và đô thị có nếp sống văn minh, môi trường xã hội tiến bộ, lành mạnh; góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- *Đào tạo và Nghiên cứu khoa học*

Đầu tư vào đào tạo và bồi dưỡng cán bộ với phẩm chất chính trị, đạo đức và nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của ngành. Đặc biệt, cần chú trọng đào tạo lực lượng cán bộ có trình độ kỹ thuật cao trong công tác quản lý và chuyên môn.

Nâng cao tính thiết thực của công tác nghiên cứu, đẩy mạnh các đề tài nghiên cứu liên quan đến phát triển văn hóa, tổng kết lý luận và thực tiễn, xây dựng mô hình văn hoá. Đồng thời, gắn kết nghiên cứu với đào tạo và xây dựng hệ thống chương trình nghiên cứu lý luận.

- *Hợp tác quốc tế*

Ngoại giao văn hóa rất quan trọng đối với Đồng Nai. Giao lưu và hợp tác văn hóa với thế giới mang ý nghĩa phát triển và mở rộng hợp tác đa lĩnh vực. Đồng Nai cần tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức để bảo tồn bản sắc văn hóa, đóng góp vào sự đa dạng và phong phú của nền văn hóa thế giới, làm giàu văn hóa Đồng Nai và tiếp thu giá trị văn hóa nhân loại. Quan hệ quốc tế về văn hóa cần phát triển sâu sắc, chủ động và ổn định.

Xây dựng cơ chế phối hợp triển khai ngoại giao văn hóa, trao đổi, giới thiệu và phổ biến rộng rãi tác phẩm văn học, nghệ thuật của người Việt Nam, đặc biệt là Đồng Nai, với các quốc gia khác. Kết hợp hoạt động văn hóa, nghệ thuật với quảng bá du lịch, thúc đẩy thương mại và hợp tác đầu tư.

- *Văn hóa các dân tộc thiểu số*

Tổ chức các chương trình bảo tồn và phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật, đặc biệt là việc hỗ trợ phát triển ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc thiểu số.

Tăng cường bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc thiểu số thông qua hoạt động du lịch văn hóa có quản lý tốt, đóng góp vào cải thiện đời sống tinh thần, tạo việc làm và giảm nghèo cho các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch đối với các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Đầu tư và hoàn thiện Nhà văn hóa các dân tộc để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc bản địa.

- *Gia đình*

Xây dựng gia đình Việt Nam vì mục tiêu no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Đảm bảo các thành viên trong gia đình, đặc biệt là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi được thực hiện ngày càng đầy đủ các quyền và trách nhiệm một cách bình đẳng.

### **i. Lĩnh vực thể dục, thể thao**

#### *Thể dục thể thao quần chúng*

Phát triển nhóm 15 môn thể thao trong khu vực nông thôn, bao gồm các môn như thể dục dưỡng sinh, đi bộ, cờ tướng, cờ vua, vật dân tộc, kéo co, võ cổ truyền, đá cầu, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bơi, đẩy gậy, bi sắt và các trò chơi dân gian. Khuyến khích thành lập câu lạc bộ thể dục thể thao và mô hình cộng đồng làng xã để phát triển thể dục thể thao ở cấp xã, phường, thị trấn. Bồi dưỡng cán bộ TDTT cấp huyện.

Phát triển nhóm 30 môn thể thao trong khu vực đô thị, bao gồm các môn như thể dục dưỡng sinh, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bơi, bóng bàn, vật, cờ vua, bóng rổ, quần vợt, đá cầu, taekwondo, karatedo, judo, wushu, chạy việt dã, sport aerobic, khiêu vũ thể thao, bóng ném, thể thao giải trí, billiards, quyền anh, xe đạp, võ cổ truyền, cờ tướng, golf, kéo co và trò chơi dân gian. Khuyến khích phát triển thêm các nội dung thể thao giải trí mới. Thành lập câu lạc bộ và cơ sở dịch vụ tập luyện thể dục thể thao. Mở rộng khu vực thể thao giải trí.

Phát triển nhóm 15 môn thể thao trong cơ quan, đơn vị, bao gồm các môn như thể dục dưỡng sinh, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bơi, bóng bàn, cờ vua, quần vợt, võ thuật, chạy việt dã, sport aerobic, xe đạp, cờ tướng, kéo co, thể dục thể hình. Khuyến khích thành lập đội thể thao và câu lạc bộ thể dục thể thao trong công chức, viên chức.

Phát triển nhóm 11 môn thể thao trong doanh nghiệp, bao gồm các môn như thể dục dưỡng sinh, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bơi, bóng bàn, cờ vua, quần vợt, cờ tướng, kéo co và đua thuyền. Khuyến khích phát triển các nội dung thể thao giải trí khác. Thành lập đội thể thao và câu lạc bộ thể thao trong doanh nghiệp. Cải tiến hệ thống thi đấu thể thao và khuyến khích doanh nghiệp tham gia thi đấu ở các cấp.

## **2.6. Phương án phát triển lĩnh vực an sinh xã hội, trợ giúp xã hội**

### **a. Mục tiêu tổng quát**

Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở trợ giúp xã hội tiếp cận với các tỉnh, thành phố phát triển ở trong nước và khu vực, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng, bền vững, hiệu quả.

Là công cụ hiệu quả, hiệu lực của nhà nước để phục vụ việc hoạch định chính sách phát triển lĩnh vực trợ giúp xã hội; tổ chức không gian, quản lý mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; đề xuất các

giải pháp thực hiện quy hoạch cụ thể, phù hợp với từng địa phương, từng giai đoạn quy hoạch.

Là cơ sở để đưa ra lộ trình và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn cả nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ về cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội, đảm bảo tính khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và hiệu quả.

Nghiên cứu, đề xuất nâng dần mức trợ cấp cho các đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh để đảm bảo cuộc sống cũng như phù hợp với các mức sống trong xã hội; huy động các cá nhân, tổ chức tích cực tham gia các hoạt động giúp đỡ

## **b. Định hướng phát triển**

*Về công tác trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống cho các đối tượng trợ giúp xã hội*

Nâng cao năng lực quản lý cơ sở trợ giúp xã hội và thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực để cải thiện điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.

Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất tại cộng đồng, đặc biệt là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, và người tâm thần. Phát triển nghề công tác xã hội và cung cấp hỗ trợ phục hồi chức năng cho những người này.

Thực hiện hiệu quả các chương trình an sinh xã hội, Đề án, Quyết định liên quan đến đối tượng trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố.

*Về lĩnh vực trợ giúp xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt*

Tổ chức hiệu quả các chính sách và pháp luật về trẻ em. Xây dựng và thực hiện chương trình công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo các tiêu chí xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Nâng cấp và mở rộng cơ sở vật chất cho các cơ sở bảo trợ xã hội, mái ấm tình thương, cô nhi viện... Đầu tư vào kỹ thuật, trang thiết bị đạt tiêu chuẩn, có các phân khu chức năng phù hợp với sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

*Về lĩnh vực cai nghiện ma túy*

Rà soát và thống kê chính xác người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy để tập trung vào công tác cai nghiện.

Tăng cường công tác phòng ngừa và bảo vệ thể hệ trẻ khỏi ma túy. Cải tiến công tác tuyên truyền và giáo dục về tác hại của ma túy, đặc biệt là trong các trường học, nhà trọ và khu vực vùng sâu, vùng xa. Thúc đẩy sự tham gia của cả cộng đồng trong việc phòng chống ma túy và tố giác tội phạm liên quan đến ma túy. Quản lý chặt địa bàn và đối tượng để phát hiện và loại bỏ các đường dây vận chuyển và buôn bán ma túy trái phép.

*Về lĩnh vực trợ giúp, chăm sóc người khuyết tật*

Tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật tiếp cận các chính sách và dịch vụ. Khuyến khích và hỗ trợ người khuyết tật trong việc học tập, sống độc lập và hòa nhập xã hội. Xây dựng cơ chế và chính sách để người khuyết tật tham gia vào hệ thống bảo hiểm xã hội và mạng lưới an sinh xã hội.

Nghiên cứu và đề xuất tăng mức trợ cấp xã hội cho người khuyết tật. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách và pháp luật và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực người khuyết tật.

*Về lĩnh vực trợ giúp, chăm sóc người cao tuổi*

Triển khai chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe định kỳ, và lập sổ quản lý sức khỏe cho người cao tuổi tại cơ sở y tế tuyến xã. Thực hiện khám chữa bệnh tại nhà cho người cao tuổi không thể đến cơ sở y tế. Phát triển khoa lão khoa tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và bệnh viện tuyến huyện. Nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ y bác sỹ chuyên khoa để cung cấp chất lượng điều trị và chăm sóc người cao tuổi.

Xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm bệnh tật, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, và phẫu thuật chỉnh hình cho người cao tuổi. Mở rộng mạng lưới nhân viên chăm sóc để tư vấn chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi tại nhà và cộng đồng. Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát bằng mạng internet để theo dõi sức khỏe người cao tuổi tại địa phương và cung cấp can thiệp hoặc hỗ trợ điều trị sớm khi cần.

Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội để chăm sóc và phục hồi chức năng cho người cao tuổi, bao gồm cả cơ sở công lập và ngoài công lập. Hỗ trợ nâng cấp và sửa chữa cơ sở trợ giúp xã hội để đạt tiêu chuẩn quy định và đáp ứng nhu cầu chăm sóc người cao tuổi. Đào tạo và nâng cao năng lực chăm sóc, nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người cao tuổi tại cơ sở trợ giúp xã hội.

*Về lĩnh vực trợ giúp, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí*

Tập trung chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh lồng ghép khám bệnh, điều trị tâm thần và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí. Thực hiện chính sách giáo dục đối với trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí, bảo đảm phổ cập giáo dục và ưu đãi cho giáo viên tham gia giáo dục cho nhóm này.

Xây dựng mô hình hỗ trợ sinh kế và khởi nghiệp cho gia đình người tâm thần, trẻ tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí có nhu cầu và đủ điều kiện.

Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng cho người tâm thần và rối nhiễu tâm trí nặng, tăng cường cơ sở trợ giúp cho trẻ tự kỷ. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị cho Trung tâm Công tác xã hội tỉnh, đảm bảo tiêu chuẩn hoạt động chăm sóc, giáo dục và phục hồi chức năng.

*Về lĩnh vực giải quyết người lang thang*

Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm Công tác xã hội, phục vụ đối tượng xã hội và chăm sóc đối tượng lang thang tập trung. Tuyên truyền, giáo dục và xử lý kịp thời đối tượng lang thang, ăn xin, đeo bám khách để đảm bảo an ninh trật tự.

**2.7. Phương án phát triển khoa học - công nghệ****a. Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, Đồng Nai sẽ trở thành một Trung tâm khoa học-công nghệ lớn trong khu vực phía Nam, với các lĩnh vực tiên tiến, tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của một tỉnh công nghiệp hiện đại, thông minh và có hạ tầng hiện đại.

Các tổ chức Khoa học-Công nghệ (KH&CN) sẽ thực hiện hoạt động mở, linh hoạt, hiện đại và hiệu quả để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, doanh nghiệp, người dân và yêu cầu ngày càng cao về hoạt động nghiên cứu và ứng dụng, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ là động lực cho phát triển kinh tế-xã hội của Đồng Nai, hướng đến công nghiệp công nghệ cao, logistic, du lịch và thương mại, để tỉnh trở thành tiêu biểu trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Cơ chế hoạt động của tổ chức KH&CN sẽ được đổi mới, tăng cường tự chủ, trách nhiệm và cấp kinh phí thường xuyên theo nhiệm vụ. Đầu tư vào các tổ chức KH&CN dựa trên hiệu quả hoạt động và kết quả.

Liên kết giữa các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp sẽ được tăng cường trong việc nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực và cung cấp dịch vụ. Sự gắn kết giữa khoa học, công nghệ và giáo dục sẽ được đảm bảo. Liên kết giữa các lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật sẽ được thực hiện thông qua nghiên cứu liên ngành để giải quyết vấn đề kinh tế-xã hội và phát triển bền vững.

Các tổ chức KH&CN sẽ từng bước nâng cao năng lực nội sinh và khuyến khích tiếp nhận thành tựu khoa học công nghệ từ thế giới, sử dụng và phát huy năng lực ngoại sinh. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ sẽ được đẩy mạnh để tận dụng cơ hội từ quá trình toàn cầu hóa.

Nhà nước sẽ tập trung đầu tư trọng điểm, kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật với đào tạo nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đồng thời, khuyến khích xã hội hóa hoạt động khoa học công nghệ và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu, ứng dụng và đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

#### **b. Mục tiêu cụ thể**

<b>Các chỉ tiêu phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ</b>	<b>Đến năm 2030</b>
Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	50%
Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo	20%
Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	15-30%
Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trên tổng số doanh nghiệp	40%
Số nhân lực xã hội (nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển) có trình độ sau đại học trên vạn dân	12 người
Đầu tư cho khoa học và công nghệ trên tổng GRDP	1,5-2,0%
Số lượng phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế	02 phòng
Số lượng Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ tối thiểu/tổng số nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	08 người



## Các chỉ tiêu phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ Đến năm 2030

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn trên tổng số nhiệm vụ thực hiện	75%
Số giải thưởng quốc gia/ khu vực/quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	02-03 giải

### c. Định hướng phát triển

*Phương án phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao*

Tập trung vào chế biến và bảo quản nông-lâm sản, sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu và danh mục chủ lực của Đồng Nai. Nghiên cứu và nhân rộng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản phù hợp với vùng sinh thái, đáp ứng yêu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế-xã hội.

Phát triển các giống cây trồng, vật nuôi đặc sắc của Đồng Nai.

Xây dựng mô hình áp dụng khoa học về canh tác, tưới tiêu, thu hoạch, bảo quản, chế biến, phân bón và thuốc trừ sâu sinh học, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường. Xây dựng mô hình vùng trồng rau, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học. Ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông nghiệp 4.0 trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ.

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xây dựng nông nghiệp hiệu quả cao và bền vững với cây trồng, vật nuôi giá trị cao và du lịch sinh thái nông nghiệp. Tổ hợp nông trại trồng trọt chất lượng cao, tập trung vào rau củ, cây ăn quả và du lịch sinh thái nông nghiệp.

*Phương án phát triển các ngành công nghệ ưu tiên, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội*

Nâng cao ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến để phát triển sản phẩm chủ lực địa phương, công nghệ cao, sinh học, năng lượng mới, vật liệu mới, sạch và thân thiện với môi trường. Ngăn chặn nhập khẩu thiết bị, công nghệ lạc hậu và nguy hại. Không chuyển giao công nghệ cấm và tuân thủ quy định chuyển giao công nghệ.

Tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ cốt lõi, tạo động lực phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đặc biệt là KH&CN cho sản phẩm chủ lực xuất khẩu. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan, doanh nghiệp.

Tập trung nghiên cứu và phát triển công nghệ cho các ngành kinh tế mũi nhọn, sản phẩm chủ lực, nông sản, dược liệu, môi trường, chăm sóc sức khỏe dân cư theo hướng hiện đại và hiệu quả cao.

*Công nghệ cao, công nghệ sinh học*

Phát triển công nghệ sinh học để tạo giống cây trồng, vật nuôi chất lượng, chống chịu điều kiện khắc nghiệt, sản xuất chế phẩm sinh học, vắc-xin, thuốc bảo vệ thực vật sinh học phục vụ nông nghiệp an toàn, hữu cơ và công nghiệp sinh học.

Chuyên giao công nghệ cao, mô hình nông nghiệp 4.0 trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thâm canh, tự động hóa, cơ giới hóa, bảo quản sau thu hoạch và chuỗi liên kết sản xuất.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, giống cây trồng sạch bệnh, kỹ thuật tế bào trong giống vật nuôi, công nghệ vi sinh bảo vệ cây trồng và đất, bảo tồn nguồn gen quý hiếm.

*Công nghệ thông tin Phát triển ứng dụng internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo cho khu vực công, doanh nghiệp và người tiêu dùng.*

Nghiên cứu và ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin để đạt cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 cho doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh tế-xã hội và an ninh-quốc phòng. Nghiên cứu và phát triển thiết bị phần cứng, công nghệ cốt lõi của cách mạng công nghiệp 4.0.

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai dự án khoa học-công nghệ để cải tiến, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng, giảm giá thành, mở rộng thị trường, nâng cao cạnh tranh, nội địa hóa; phát triển công nghiệp phụ trợ. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ xanh xử lý rác thải, nước thải, khí thải. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sản xuất sạch.

Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hoá phục vụ sản xuất, kinh doanh, đời sống; hỗ trợ vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu và áp dụng công nghệ cải tiến, lựa chọn công nghệ phù hợp, tăng hiệu suất, tạo sản phẩm cạnh tranh. Nghiên cứu và ứng dụng năng lượng mới, tái tạo, sạch. Ứng dụng công nghệ thông tin phòng chống biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, giảm ô nhiễm.

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp.

*Công nghệ vật liệu mới*

Phát triển vật liệu kỹ thuật cao, như vật liệu Laser y tế, thép đặc biệt, vật liệu từ tính, vật liệu quang học, vật liệu Compozit, vật liệu bao bì phân hủy, vật liệu điện tử, nano. Nghiên cứu vật liệu từ nguồn trong nước, nguyên liệu sinh học, bê tông polyme. Đầu tư dây chuyền hiện đại, tự động hóa giảm ô nhiễm, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng. Lựa chọn công nghệ phù hợp cho xây dựng, sản xuất vật liệu. Tăng cường kiểm soát chất lượng, ứng dụng thiết bị thông minh.

*Công nghệ y, dược*

Nghiên cứu, phát triển công nghệ cao trong y tế như sinh học phân tử, y học hạt nhân. Công nghệ dự phòng và điều trị các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm. Sản xuất nguyên liệu dược chất, nội địa hóa nguyên liệu. Làm chủ công nghệ và tiếp nhận công nghệ 4.0 trong chăm sóc sức khỏe. Phát triển công nghiệp dược, khai thác nguồn dược liệu. Tạo vùng dược liệu lớn. Bảo tồn, khai thác nguồn gen quý hiếm. Tạo giống cây dược liệu. Ứng dụng công nghệ sinh học xử lý chất thải và sản xuất thân thiện với môi trường.

*Phương án phát triển tài sản trí tuệ, sở hữu trí tuệ*

Triển khai thực hiện Kế hoạch Chiến lược phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ về kế hoạch thực hiện

“chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030” (giai đoạn 2020-2025) bám sát Quyết định số 1068/QĐ-TTG ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Tăng cường đào tạo, phổ biến kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nâng cao hiệu quả khai thác thông tin sáng chế và sở hữu công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc thù và nông nghiệp. Thúc đẩy hoạt động sáng kiến. Đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đối với đặc sản địa phương. Hỗ trợ khai thác thương mại và quảng bá tài sản trí tuệ.

#### *Phương án phát triển năng lực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng*

Tăng cường quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận hợp chuẩn và đăng ký mã số, mã vạch. Áp dụng hệ thống quản lý xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa trong giai đoạn 2021-2030.

Triển khai đề án “Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Nghiên cứu, tham mưu xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp theo chương trình nâng cao năng suất quốc gia và luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2021-2025. Hỗ trợ doanh nghiệp về đo lường chất lượng, nâng cao năng suất hàng hóa. Áp dụng giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và tăng cường hoạt động đo lường.

Cụ thể hóa theo luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Đo lường. Triển khai KH&CN phát triển công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và cạnh tranh hàng hóa. Xây dựng hạ tầng đo lường đồng bộ, hiện đại và duy trì hệ thống chuẩn đo lường liên kết với chuẩn quốc gia. Thúc đẩy đo lường xã hội hóa, nghiên cứu khoa học công nghệ và thương mại hóa sản phẩm từ nghiên cứu.

#### *Phương án đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực*

Phát triển hệ thống phòng thí nghiệm; hỗ trợ đánh giá và công nhận phòng thí nghiệm của viện, trường, doanh nghiệp; ưu tiên hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh, nhà khoa học, công nghệ giỏi. Tăng đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thiết bị, cán bộ kỹ thuật của các phòng thí nghiệm nhà nước. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho tổ chức khoa học, công nghệ và Trung tâm Ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai để phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực.

Tăng cường đào tạo STEM và STEAM trong trường phổ thông, cao đẳng, đại học; định hướng nghề nghiệp và tư vấn lộ trình phát triển ngành KH&CN. Xây dựng đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, đào tạo nhân lực KH&CN trình độ cao và liên kết với trường đại học nước ngoài. Nâng cao chất lượng và số lượng nguồn nhân lực KH&CN, ĐMST cho doanh nghiệp. Chuyên dịch nguồn nhân lực KH&CN giữa khu vực công và tư, hỗ trợ thu hút nhân lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

*Phương án phân bố không gian phát triển mạng lưới các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp KH&CN, ..... phục vụ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo*

Tập trung đầu tư và thu hút các nhà khoa học hàng đầu cho khu nghiên cứu ứng dụng hạt nhân. Chuyển đổi Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai thành Khu công nghệ cao Đồng Nai, tập trung dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, nông

nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Rà soát, hoàn thiện cơ chế ưu đãi thu hút đầu tư tư nhân, phát triển mạnh khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin. Xây dựng công viên Khoa học và Công nghệ kết nối với sân bay Long Thành, đóng góp phát triển kinh tế địa phương. Thành lập Trung tâm Robot công nghiệp tỉnh Đồng Nai, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo kỹ thuật và nghiên cứu phát triển robot công nghiệp.

*Phương án tăng cường năng lực của tỉnh Đồng Nai để tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 trên địa bàn tỉnh*

Tăng cường thông tin khoa học và công nghệ, đẩy mạnh dịch vụ trong lĩnh vực này, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ vào sản xuất kinh doanh. Kết nối sản giao dịch công nghệ tỉnh với trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tổ chức trung gian số. Khuyến khích ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, quản lý chất lượng doanh nghiệp, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Triển khai Chương trình hỗ trợ tài sản trí tuệ, xây dựng quy định về đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đo lường chất lượng, ghi nhãn hàng hóa. Phát triển hệ thống thông tin khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ trong xây dựng nông thôn mới. Thực hiện Kế hoạch nâng cấp năng lực cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp, mỗi xã một sản phẩm trong tỉnh Đồng Nai. Ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp thông tin khoa học và công nghệ. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam.

Đẩy mạnh quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tạo thị trường quy mô lớn. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia thị trường công nghệ, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ để cạnh tranh cao. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, đổi mới, tăng năng suất lao động, khởi nghiệp sáng tạo trong cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

## **2.8. Công tác quốc phòng, an ninh**

### **a. Công tác quốc phòng**

*Quan điểm của Đảng về quốc phòng trong tình hình mới*

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải đầu tư nghiên cứu, tiếp tục làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về CNXH mà thực tiễn đang đặt ra hiện nay. Đồng thời, khắc phục các hạn chế của nó, xây dựng CNXH thực sự ưu việt. Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) nhấn mạnh sự cần thiết phải gắn bó chặt chẽ giữa bảo vệ tổ quốc với các yếu tố tự nhiên, lịch sử với yếu tố chính trị - xã hội; đặc biệt là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc phải gắn với bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN.

Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của đất nước, nhất là vai trò của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc. Cấp ủy, chính quyền các cấp phải gắn bó mật thiết với nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, giải quyết kịp thời những vướng mắc trong nhân dân và điều cốt yếu là phải đem lại lợi ích ngày càng nhiều hơn cho nhân dân. Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) nhấn mạnh: phải “thường xuyên bám sát cơ sở, nắm chắc

tình hình, chủ động xử lý đúng đắn, kịp thời mọi tình huống gây mất ổn định chính trị - xã hội”; “củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận”.

Kế thừa tư tưởng “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, Đảng ta đã không ngừng phát triển, hoàn thiện tư duy, nhận thức của mình về bảo vệ tổ quốc trong điều kiện mới; trong đó, giữ nước phải được thực hiện ngay từ thời bình là một trong những quan điểm cơ bản.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Để thực hiện “trong âm, ngoài êm”, thêm bạn bớt thù, cùng với xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta cần “quán triệt đường lối độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa; thêm bạn, bớt thù, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Tăng cường hợp tác tạo thế đan xen lợi ích chiến lược giữa nước ta với các nước, nhất là các nước lớn, các đối tác chiến lược, các nước láng giềng và các nước trong khu vực; tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc”.

Xây dựng lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.

#### *Nhiệm vụ của quốc phòng trong tình hình hiện nay*

Công tác quốc phòng ở các bộ, ngành và các địa phương là một nội dung quan trọng trong toàn bộ công tác quốc phòng của Nhà nước, bao gồm:

- Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân.
- Kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, đối ngoại với quốc phòng.
- Xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, xây dựng và huy động lực lượng dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ tiềm lực quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững chắc.
- Thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng - quân sự trong thời bình, thời chiến và công tác phòng thủ dân sự; chuẩn bị, tiến hành công tác tuyên quân và động viên nền kinh tế quốc dân cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống.
- Bảo đảm ngân sách đối với sự nghiệp quốc phòng, thực hiện chính sách hậu phương quân đội và các chính sách xã hội có liên quan đến công tác quốc phòng.

#### *Mục tiêu về lĩnh vực quốc phòng*

Trên cơ sở đặc điểm, thế mạnh của tỉnh; kế thừa, phát huy và phát triển các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án đã và đang triển khai. Phát triển công nghiệp theo hướng chiều sâu, gắn với bảo vệ môi trường, trong đó tập trung thu hút công nghiệp có trình độ công nghệ cao. Tiếp tục phát triển mô hình công nghiệp gắn với phát triển logistics.

Phát huy và khai thác hiệu quả hệ thống đường bộ, đường sông, các trạm trung chuyển cửa ngõ phía đông của vùng kinh tế trọng điểm phía Đông thành phố Hồ Chí Minh.

Phát triển du lịch chất lượng cao, du lịch sinh thái, đa dạng các sản phẩm du lịch, phát triển du lịch bền vững kết hợp với bảo vệ môi trường.



Quán triệt và thực hiện nghiêm Quyết định số 2412/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về quy hoạch những khu vực địa hình có tầm quan trọng trong quy hoạch thế trận khu vực phòng thủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tích cực tham gia góp ý phát triển các dự án kinh tế xã hội theo Nghị định 164/2018/NĐ-CP của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng.

*Giải pháp đảm bảo công tác quốc phòng trên địa bàn tỉnh*

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng
- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững mạnh
- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư nguồn lực

#### **b. Công tác an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội**

*Quan điểm, nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh*

Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là một yếu tố khách quan. Nội dung quan điểm này bao gồm:

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh.
- Kết hợp quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Sự phối hợp hài hòa giữa đối ngoại và an ninh, quốc phòng là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi, một bài học thành công của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Phối hợp hoạt động giữa đối ngoại và quốc phòng, an ninh phải được thực hiện trong mối liên hệ giữa hội nhập quốc tế và giữ vững độc lập, tự chủ và giữ gìn chủ quyền và bản sắc văn hóa dân tộc.

Tăng cường quốc phòng giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân.

Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt, có trách nhiệm quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ văn hoá và kiến thức ngày càng cao, quý trọng và hết lòng phục vụ nhân dân, trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc; có năng lực chỉ huy và tác chiến thắng lợi trong bất cứ tình huống nào; sẵn sàng chiến đấu và sức chiến đấu cao; kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và an ninh quốc gia; ngăn chặn và đẩy lùi các tội phạm nguy hiểm và các tệ nạn xã hội, bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội.

### **III. LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **1. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh**

### 1.1. Các công trình, dự án quan trọng đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh

Các công trình, dự án quan trọng đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh bao gồm:

#### Sân bay:

Định hướng, tỉnh Đồng Nai sẽ có một (01) cảng hàng không quốc tế Long Thành đạt cấp 4F (mức cao nhất) theo tiêu chuẩn ICAO

#### Cao tốc:

1/. *Cao tốc Bắc-Nam phía Đông (CT.01)*: đoạn đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai, quy hoạch trước năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cao tốc quy mô 6-10 làn xe. Gồm các đoạn tuyến như sau:

- Cao tốc Phan Thiết (Bình Thuận) - Dầu Giây (Đồng Nai): Chiều dài tuyến 99km. Điểm đầu: tại km43+125,64 cao tốc Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây; Điểm cuối: giao đường từ QL.1 đi Thạnh Mỹ (Ba Bàu-Bình Thuận). Đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài khoảng 51 km Quy mô 6 làn xe, giai đoạn thực hiện trước năm 2030.
- Cao tốc Dầu Giây - Long Thành (Đồng Nai): Chiều dài đoạn tuyến này là 21km; Điểm đầu nút giao QL.51; Điểm cuối nút giao thông Dầu Giây. Quy mô 10 làn xe. Giai đoạn thực hiện trước năm 2030.
- Cao tốc Long Thành (Đồng Nai) - Bến Lức (Long An): Chiều dài tuyến 58,0 km, Điểm đầu giao cao tốc Hồ Chí Minh-Trung Lương ở xã Mỹ Yên-huyện Bến Lức; Điểm cuối giao cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu xã Phước Thái-huyện Long Thành. Đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 28,7 Km. Trên tuyến có 2 cầu dây văng lớn là Bình Khánh và Phước Khánh (Vượt sông Soài Rạp và Lòng Tàu). Quy mô 8 làn xe. Giai đoạn thực hiện trước năm 2030.

2/. *Cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.27)*: chiều dài toàn tuyến 220 km. Đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 60 km; có điểm đầu Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Đồng Nai, điểm cuối Tân Phú, Đồng Nai; quy mô 4 làn xe; Giai đoạn thực hiện trước năm 2030.

3/. *Cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu (CT.28)*: chiều dài toàn tuyến 54 km, đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 34,6 km; quy hoạch trước năm 2030:

4/. *Cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (Đồng Nai) (CT.29)*: đoạn đi qua địa bàn tỉnh nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, dài 30km, quy hoạch trước năm 2030

#### Đường vành đai:

1/. *Vành Đai 3 (CT.40)*: có chiều dài 92km; điểm đầu đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Nhơn Trạch, Đồng Nai; điểm cuối đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Bến Lức, Long An; đoạn đi trên địa phận tỉnh Đồng Nai dài khoảng 11,26 km; quy mô 8 làn xe; quy hoạch trước năm 2030. Đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 100 km/giờ.

2/. *Vành Đai 4 (CT.41)*: có chiều dài 199km; điểm đầu đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu; điểm cuối Cảng Hiệp Phước, Thành phố

Hồ Chí Minh; đoạn đi trên địa phận tỉnh Đồng Nai dài khoảng 45 km quy mô 8 làn xe; quy hoạch trước năm 2030. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 60-80 km/giờ.

### **Đường sắt**

Tuyến đường sắt Bắc-Nam: Nâng cấp, hiện đại hóa đạt tiêu chuẩn đường sắt từ cấp I, đường đôi, khổ 1.000 mm, vận tốc bình quân đạt 80-90 km/h với tàu khách và 50-60 km/h đối với tàu hàng.

Đầu tư xây mới đường sắt Tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu từ ga Trảng Bom đến ga Vũng Tàu: chiều dài khoảng 84 km, khổ 1.435 mm; trong đó, đoạn Biên Hòa - Thị Vải đường đôi, đoạn Thị Vải - Vũng Tàu đường đơn. Điểm đầu, đối với vận chuyển hàng hóa tại ga Trảng Bom (tương ứng km 1677+886 đường sắt Thống Nhất) thuộc xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom; đối với vận chuyển hành khách tại ga Biên Hòa mới (km 0+00) thuộc xã An Hòa. Điểm cuối tại ga Thị Vải (km 45+540) thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đề xuất mở mới khoảng 11km đoạn đường sắt từ đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối vào Cảng Phước An phục vụ hàng hóa ra vào cảng.

Tuyến đường sắt cao tốc Hồ Chí Minh-Nha Trang: Từ ga Thủ Thiêm, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đi song song về bên phải đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây, sau đó chạy song song bên phải tuyến cao tốc Dầu Giây-Phan Thiết, kết thúc tại ga Nha Trang (Khánh Hòa). Chiều dài toàn tuyến là 366 km, quy mô đường sắt đôi, khổ 1435 mm, đường sắt tốc độ >300 km/h, điện khí hóa.

Tuyến đường sắt nhẹ Thủ Thiêm-Sân bay Quốc tế Long Thành: Tuyến đi qua địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai với tổng chiều dài 37,35 km. Điểm đầu Ga Thủ Thiêm (km 0+00) thuộc phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; Điểm cuối ga cảng hàng không Quốc tế Long Thành (được bố trí tích hợp trong nhà ga hàng không). Hướng tuyến như sau: Từ ga Thủ Thiêm, đi song song về bên phải đường cao tốc Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây và đường sắt cao tốc Hồ Chí Minh-Nha Trang, đến km 9+200 rẽ phải vượt qua đường Vành đai 3, sau đó đi song song về bên trái Đ.Vành đai 3, tiếp tục vượt sông Đồng Nai tại vị trí cách tim cầu Đồng Nai trên Vành đai 3 khoảng 100m về phía thượng lưu, sau đó bám sát Đ.Vành đai 3 và đi vào giải phân cách bên trái của Đ.Vành đai 3. Sau đó rẽ trái và đi vào giải phân cách giữa ĐT.25B, tới km 29+100 rẽ phải đi vào hướng sân bay Long Thành. Trên tuyến bố trí tổng cộng 18 ga, trong đó đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai có 11 ga. Quy mô, xây dựng đường sắt đôi, khổ 1435mm, đường sắt trên cao, điện khí hóa, hoàn thành trước 2030.

Đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: Ga đầu mỗi hàng hóa là ga Trảng Bom.

### **Cảng biển**

- Khu bến Phước An, Gò Dầu, Phước Thái (trên sông Thị Vải).

- Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước trên sông Thị Vải thuộc huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

- *Chức năng*: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Đông Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên; có bến tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng/khí.
- *Cỡ tàu*: trọng tải đến 60.000 tấn phía hạ lưu cầu Phước An và đến 30.000 tấn phía thượng lưu cầu Phước An đến Gò Dầu, Phước Thái phù hợp với điều kiện khai thác tuyến luồng hàng hải và tính không công trình vượt sông.

## 1.2. Các khu bảo tồn

Hệ thống các khu bảo tồn, vườn quốc gia thuộc rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

- Vườn Quốc gia Cát Tiên
- Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai

## 2. Phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng

Các kết cấu hạ tầng của tỉnh giúp với vùng và quốc gia bao gồm:

### *Kết nối đường bộ*

- 1/. Hành lang Bắc - Nam: là hành lang vùng, quốc gia. Hành lang quan trọng của cả nước do QL.1 và cao tốc Bắc-Nam đảm nhận.
- 2/. Hành lang cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây: kết nối tỉnh Đồng Nai với các tỉnh Tây Nguyên;
- 3/. Hành lang QL.51, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu: kết nối tỉnh Đồng Nai với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hệ thống cảng biển nước sâu Cái Mép – Thị Vải.
- 4/. Hành lang cao tốc Dầu Giây – Liên Khương và Quốc lộ 20 kết nối với tỉnh Lâm Đồng.
- 5/. Hành lang đường Vành đai 4 kết nối tỉnh Đồng Nai với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Tp.HCM, Long An.

### *Kết nối đường thủy*

Có 1 tuyến vận tải quốc gia đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai, hướng tuyến đi qua các sông Đồng Nai.

### *Kết nối đường hàng không*

Thông qua Cảng hàng không quốc tế Long Thành và sân bay lưỡng dụng Biên Hòa

Cụ thể, tính kết nối của Đồng Nai với các địa phương lân cận và trong vùng sẽ hình thành thông qua hạ tầng kết nối như sau:

### **Kết nối thành phố Hồ Chí Minh**

Ngoài các kết nối hiện hữu (cầu Đồng Nai trên QL.1), cầu Long Thành trên tuyến CT. HCM-Long Thành, và kết nối đã được định trong Quy hoạch đường bộ quốc gia như cầu Bình Khánh trên các tuyến cao tốc Bến Lức-Long Thành, cầu Nhơn Trạch đường vành đai 3. Tư vấn đề xuất thêm phương án cầu kết nối với với thành phố Hồ Chí Minh:

- Cầu Phú Mỹ 2 kết nối Đường ĐT.769 F với đường Huỳnh Tấn Phát- Q.7 thành phố Hồ Chí Minh.
- Cầu Đồng Nai 2 nối ĐT.777B với đường vành Đai 3 phía thành phố Hồ Chí Minh.
- Cầu Cát Lái ngay tại vị trí phà Cát Lái hiện hữu..

### **Kết nối với tỉnh Bình Dương**

Ngoài các kết nối đã được định trong Quy hoạch đường bộ quốc gia trên các tuyến quốc lộ, đường vành đai. Để tăng cường kết nối giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương, các đơn vị thông nhất bổ sung 05 vị trí cầu bắc qua sông Đồng Nai, sông Bé như sau:

- Cầu Hiếu Liêm 2
- Cầu Tân An – Lạc An
- Cầu Tân Hiền – Thường Tân
- Cầu Thạnh Hội 2
- Cầu Xóm Lá kết hợp Đường Phạm Văn Điều kết nối trực tiếp tỉnh Bình Dương với Sân Bay Biên Hòa.

### **Kết nối tỉnh Bình Phước**

Đồng Nai kết nối với Tỉnh Bình Phước thông qua tuyến Vành Đai 4 và tuyến Đồng Phú-Bình Dương kết nối lên phía QL.14.

### **Kết nối tỉnh Lâm Đồng**

Ngoài các kết nối hiện hữu QL.20, Cầu Đạ Teh, Cầu Đắc Lua và tuyến cao tốc Tân Phú-Bảo Bảo Lộc. Tư vấn đề xuất thêm phương án cầu kết nối với với Lâm Đồng như sau:

- Cầu Đắc Lua 2: bắc qua sông Đồng Nai tại xã Đắc Lua huyện Tân Phú với xã Đức Phổ huyện Cát Tiên, quy mô dự kiến 4 làn xe.
- Đường Madaguoi nâng cấp thành tuyến đường huyện. Điểm đầu giao ĐT.774 (Đường 600A) xã phú An, Huyện Tân Phú; Điểm cuối giao với đường Lê Hồng Phong, xã Madaguoi huyện Đạ Teh. Quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 32m.
- Cầu Đạ Têh: bắc qua thượng nguồn nhánh sông Đồng Nai nối đường Trường Sơn Đông (phía Lâm Đồng) với Tà Lài-Trà cổ (ĐT.774 phía Đồng Nai).

### **Kết nối tỉnh Bình Thuận**

Ngoài các kết nối hiện hữu QL.1 và Cao tốc Dầu Giây – Phan Thiết theo quy hoạch đường bộ Quốc gia. Đề xuất nâng cấp các kết nối hiện hữu gồm ĐT.774 (30/4); ĐT. 775 (Cao Cang) và ĐT.766 đến năm 2030 nôm cấp tuyến đạt tối thiểu 4 làn xe.

### **Kết nối tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

Ngoài các kết nối hiện hữu (QL.51, QL.56) và Quy hoạch đường bộ quốc gia đã được định như CT. BH-VT, Vành Đai 4, QL.51C, cầu Phước An... theo quy hoạch đường bộ quốc gia đã được duyệt.



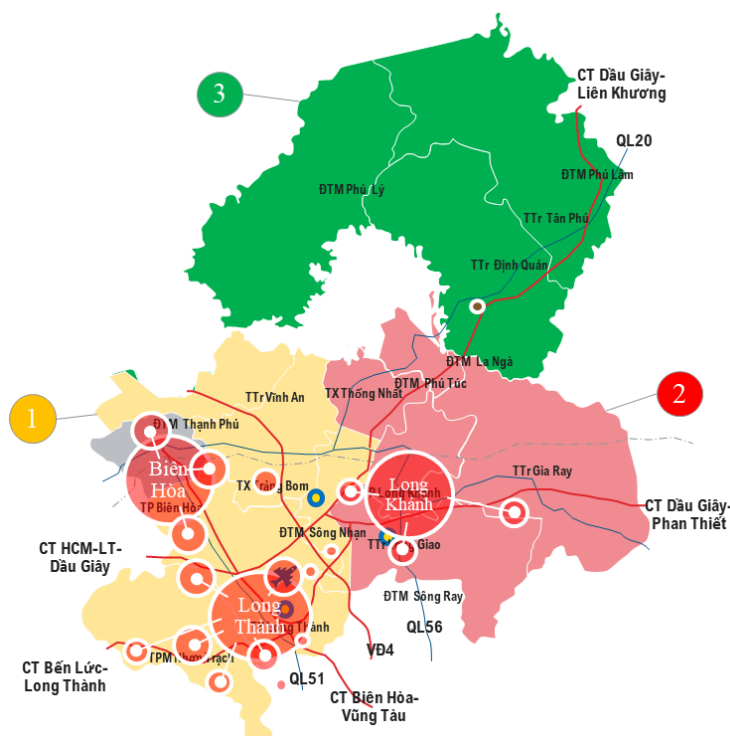
Để tăng cường kết nối giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đề xuất nâng cấp các kết nối hiện hữu gồm ĐT.764; ĐT. 765 đến năm 2030 nâng cấp tuyến đạt tối thiểu 4-6 làn xe.

Ngoài ra tư vấn đề xuất đầu tư nâng cấp một số tuyến đường huyện hết nối với tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ĐH. Phước Bình-Bàu Cạn từ địa phận huyện Long Thành kết nối ĐT.770B đến đường Mỹ Xuân-Ngãi Giao trên địa phận TX. Phú Mỹ. Quy mô 2-4 làn xe.
- Đường khu công nghiệp sinh học (Đồng Nai) kết nối với đường ĐT.995C tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quy mô 2-4 làn xe.
- Đường ĐH.21, ĐH.22, ĐH.24, ĐH.25B, ĐH.29C của Bà Rịa-Vũng Tàu kết nối với ĐT.764 và ĐT.765B Phía Đồng Nai. Quy mô các tuyến đường huyện kết nối tối thiểu đạt cấp IV-2 làn xe.

### 3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh

Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội xác định các vùng trọng điểm, động lực phát triển kinh tế của tỉnh, là các vùng tập trung các hoạt động kinh tế, xã hội có vai trò như hạt nhân phát triển, dẫn dắt, lôi kéo sự phát triển các vùng xung quanh



**Hình 19: Định hướng phân vùng chức năng kinh tế tỉnh Đồng Nai 2021-2030**

*Nguồn: Roland Berger*

Đến nay, về cơ bản trên phần lãnh thổ của tỉnh Đồng Nai đã cơ bản được định hình qua nhiều giai đoạn phát triển, với sự hình thành 3 vùng lãnh thổ phát triển, tương ứng với các trụ cột phát triển kinh tế của tỉnh. Như đã phân tích ở phần điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức cho thấy quy hoạch bố trí không gian phát triển kinh tế của

tỉnh hiện nay cơ bản đảm bảo phân vùng phát triển hợp lý; vừa phát huy được tiềm năng, lợi thế của từng vùng lãnh thổ, vừa giảm thiểu tác động xung đột giữa các ngành kinh tế trụ cột: Công nghiệp, thương mại dịch-dịch vụ, nông nghiệp; đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững với tầm nhìn dài hạn.

Tuy nhiên, để tiếp tục phát huy tiềm năng và hiệu quả sử dụng không gian cho phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội cần nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh sử dụng không gian của tỉnh trong thời kỳ mới (2021-2030) với 03 vùng chức năng, đồng thời hình thành các trục động lực phát triển, nhằm vừa phát huy được tiềm năng, lợi thế của từng vùng lãnh thổ, vừa giảm thiểu tác động xung đột giữa các ngành kinh tế trụ cột: Công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp; đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững với tầm nhìn dài hạn

Đánh giá lợi thế về kết nối và các nền tảng cấp huyện/ xã mà tỉnh đã xây dựng trong thời kỳ quy hoạch trước, trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030, tầm nhìn 2050 tổng thể toàn lãnh thổ tỉnh Đồng Nai sẽ được phân chia làm 3 tiểu vùng động lực với các chức năng kinh tế khác nhau.

### **3.1. Vùng phía Tây Nam: vùng chức năng công nghiệp – dịch vụ - đô thị - đổi mới sáng tạo**

#### **a. Phạm vi không gian vùng**

Nằm phía Tây của tỉnh, từ Vành đai 4 (tương lai) đến sông Đồng Nai. Bao gồm toàn TP Biên Hòa, toàn huyện Long Thành, toàn huyện Nhơn Trạch, Trảng Bom, và các xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tâm, Tân An, Vĩnh Tân, Trị An và thị trấn Vĩnh An của huyện Vĩnh Cửu; Lộ 25 của huyện Thống Nhất; Thừa Đức, Sông Nhạn của huyện Cẩm Mỹ. Trong đó, hạt nhân phát triển chính là thành phố Biên Hòa và TP sân bay Long Thành

#### **b. Định hướng chức năng phát triển vùng**

Lấy công nghiệp, thương mại, dịch vụ gắn với đô thị hóa quy mô lớn làm động lực chủ đạo. Đây sẽ là khu vực tập trung phát triển các dịch vụ tài chính, Logistics và các dịch vụ phục vụ cảng Hàng không Quốc tế Long Thành.

Hướng đến phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao, đây cũng là nơi thích hợp để phát triển các loại hình du lịch gắn liền với các đô thị hiện đại, gắn với cảng hàng không quốc tế và hệ thống đô thị ven sông Đồng Nai.

Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu của vùng như:

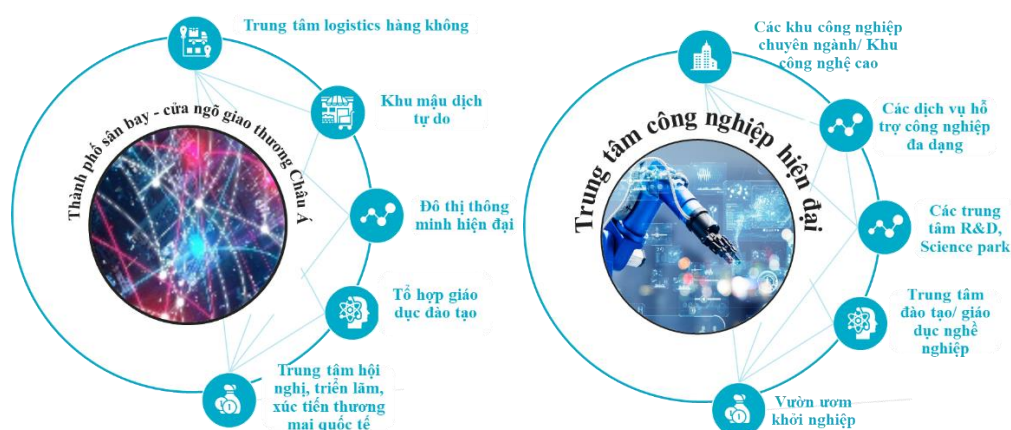
- *Ngành chế tạo máy và cơ khí chính xác*: chú trọng vào nhóm sản phẩm linh kiện giá trị cao để cung cấp cho các công ty công nghiệp lớn trên toàn cầu như máy móc sản xuất công, nông nghiệp, các thiết bị, máy móc thể hệ mới,... và tiến sâu hơn vào chuỗi giá trị của ngành, hướng đến tham gia mạnh mẽ vào bước R&D trong tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở ứng dụng công nghệ 4.0, các công nghệ sản xuất thông minh và định hướng phát triển bền vững
- *Ngành điện, điện tử*: tập trung nâng cao giá trị khâu sản xuất/lắp ráp linh kiện để chuỗi giá trị được phát huy hết tiềm năng, hướng đến tạo dựng sự tham gia sâu vào bước R&D
- *Ngành sản xuất phương tiện vận tải*: thu hút các ngành đầu tư trong lĩnh vực

sản xuất linh kiện, phụ tùng và lắp ráp máy bay của khu vực

- *Ngành hóa chất tiêu dùng:* Phát triển bền vững và bao trùm cụm ngành công nghiệp hoá chất, đặc biệt là trong bước R&D, với vai trò là công nghiệp vật liệu của tỉnh, của vùng và cả nước, kết hợp với các ngành công nghiệp khác như sản xuất, chế biến thực phẩm, hóa mỹ phẩm...
- *Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm:* thu hút đầu tư sẽ bao gồm chế biến thực phẩm xuất khẩu và hướng tới các sản phẩm xử lý công nghệ cao như thịt có nguồn gốc thực vật, các sản phẩm thuần chay, thực phẩm ready-to-cook
- *Ngành sản phẩm thuốc, hóa dược và dược liệu:* tập trung chính vào khâu sản xuất, đóng gói dược phẩm và hướng tới mở trung tâm nghiên cứu R&D toàn diện

Việc hiện đại hóa các ngành công nghiệp hiện hữu sẽ giúp vùng phía Tây Nam tỉnh Đồng Nai tiến nhanh hơn tới việc hình thành hệ sinh thái Công nghiệp 4.0 toàn diện:

- *Xây dựng hệ sinh thái Đô thị sân bay toàn diện* với các dịch vụ đẳng cấp trong vùng, tập trung vào các lĩnh vực logistics – đào tạo – du lịch
- *Hệ sinh thái kinh tế sân bay:* tạo lập hệ sinh thái tạo cơ chế hợp tác để khai thác tối đa hiệu quả các dịch vụ gắn với cảng hàng không quốc tế Long Thành
- *Trung tâm logistics hàng không:* Xây dựng trung tâm logistics với kết nối đa phương tiện (đường bộ - thủy – sắt – hàng không) nằm cạnh sân bay Long Thành
- *Khu mậu dịch tự do:* Lập khu mậu dịch tự do, thúc đẩy thương mại, xuất khẩu cho cả khu vực
- *Đô thị thông minh hiện đại:* Xây dựng đô thị thông minh hàng đầu Việt Nam, với hạ tầng CNTT hiện đại, bền vững, nằm ngoài vi sân bay phục vụ cho chuyên gia khách quốc tế lưu trú, mua sắm và giải trí
- *Tổ hợp giáo dục đào tạo:* Thành lập các tổ hợp giáo dục đào tạo quốc tế hiện đại nằm ngoài vi sân bay
- *Trung tâm hội nghị, triển lãm, xúc tiến thương mại quốc tế:* Thành lập các trung tâm hội nghị triển lãm đẳng cấp khu vực, nhằm tới sản phẩm du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, và sự kiện (MICE), nhằm định vị Đồng Nai là trung tâm hội nghị của Châu Á.



### c. Định hướng phân bố không gian vùng

Trong vùng chức năng này hình thành 02 trục động lực phát triển, cụ thể:

Hành lang Chơn Thành – Biên Hòa – Vũng Tàu

- Liên kết: VĐ4+ĐS, QL51+CT+ĐS, Metro 1+, Sông ĐN
- Đặc điểm: hành lang chính, tập trung phát triển công nghiệp và dịch vụ chính của vùng KTTĐPN xương sống phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ của tỉnh Đồng Nai, kết nối hạ tầng cảng biển và cảng hàng không quốc tế

Hành lang TPHCM-Nhơn Trạch-Long Thành-Dầu Giây, trục đổi mới - sáng tạo

- Liên kết: CT HCM-LT-DG, CT BL-LT-DG, CT DG-PT, ĐS HCM-LT, sân bay LT
- Đặc điểm: kết nối TP. HCM, Nhơn Trạch, Long Thành Long Khánh, phát triển đô thị ĐMST, logistics quốc tế

Hành lang sông Đồng Nai

- Liên kết: sông ĐN, đại lộ ven sông, hệ thống cảng biển nhóm 5
- Đặc điểm: hang hải, logistics đường sông, ĐT cao cấp, cảnh quan sinh thái

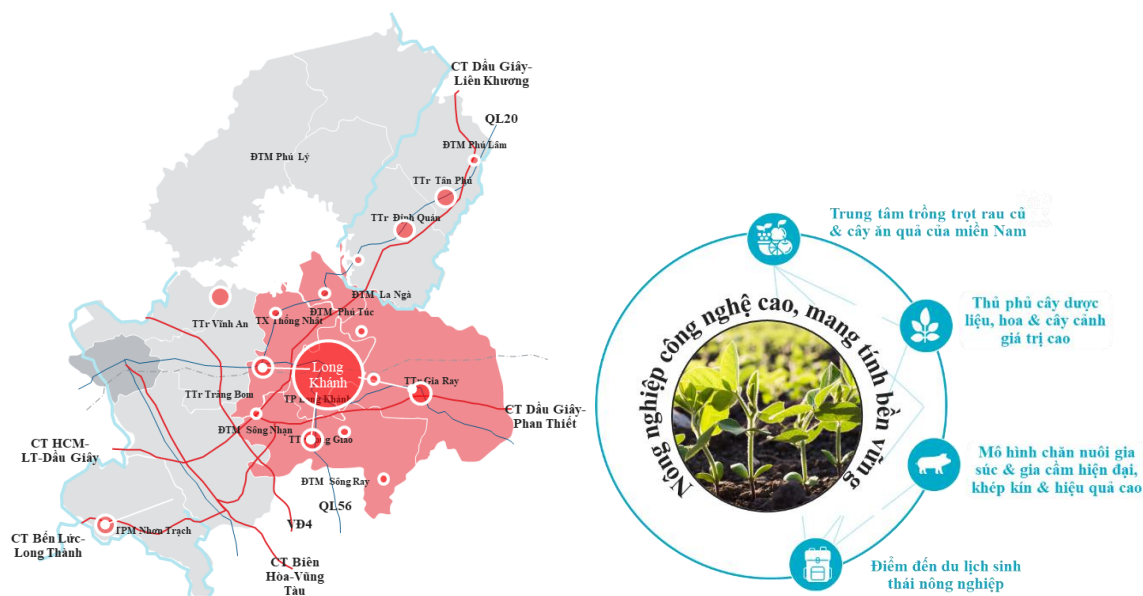
### 3.2. Vùng phía Đông: vùng chức năng công nghiệp mật độ thấp - nông nghiệp công nghệ cao – du lịch

#### a. Phạm vi không gian vùng

Địa bàn chủ yếu phía Nam hồ Trị An, phía Tây Vành đai 4, bao gồm toàn TP Long Khánh, toàn huyện Cẩm Mỹ, Toàn huyện Xuân Lộc, toàn huyện Thống Nhất (trừ xã Lộ 25), các xã Suối Nho, Phú Túc, Túc Trưng, Phú Cường, La Ngà của huyện Định Quán. Trong đó, lấy Long Khánh làm đô thị trung tâm.

#### b. Định hướng chức năng phát triển vùng

Lấy phát triển nông nghiệp cùng đô thị hóa quy mô vừa và nhỏ làm động lực chủ đạo. Định hướng vùng này sẽ phát triển các ngành công nghiệp chuyên ngành, kết hợp với hình thành dần các trung tâm dịch vụ, thương mại



### c. Định hướng phân bố không gian vùng

Hành lang TPHCM – Biên Hòa – Phan Thiết (Trục xuyên quốc gia truyền thống)

- Liên kết: QL1, ĐSBN, CT DG-PT
- Đặc điểm: đô thị, dịch vụ hỗ trợ công nghiệp và các dịch vụ tổng hợp trên nền tảng các đô thị hiện hữu

### 3.3. Vùng phía Bắc: vùng chức năng nông nghiệp – du lịch - sinh thái

#### a. Phạm vi không gian vùng

Địa bàn chủ yếu nằm ở phía Bắc hồ Trị An và sông La Ngà, gồm Phần còn lại của huyện Vĩnh Cửu, phần còn lại của huyện Định Quán, toàn huyện Tân Phú. Lấy vành đai đô thị du lịch quanh Hồ Trị An và tuyến đô thị QL.20 làm trung tâm.

#### b. Định hướng chức năng phát triển vùng

Lấy bảo tồn, phát triển các giá trị sinh thái đặc trưng bản địa, gắn với đô thị hóa quy mô nhỏ làm động lực chủ đạo. Đây cũng là vùng chăn nuôi chính của tỉnh và vùng chuyên canh các cây công nghiệp lâu năm, động lực để phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Vùng phát triển nông nghiệp và cân bằng sinh thái ngoài vai trò phát triển kinh tế, ổn định đời sống dân cư khu vực nông thôn, đồng thời còn có vai trò rất lớn vào việc tăng mật độ che phủ của cây xanh, qua đó góp phần to lớn vào việc cân bằng sinh thái, điều chỉnh vi khí hậu, cải thiện môi trường; đặc biệt là bảo vệ nguồn nước ngọt cung cấp cho toàn bộ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân cả thành thị, đã phát huy lợi thế về quỹ đất, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước, đồng thời kết nối không gian sản xuất với vùng sản xuất nông nghiệp của các tỉnh Đồng Nai và Bình Thuận.

Tại vùng kinh tế này được nghiên cứu hình thành phát triển các vùng nông nghiệp nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và phát triển bền vững:

(1). Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, sinh thái, hữu cơ. Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ nguồn nước ngọt, ưu tiên bảo vệ và gia tăng chất lượng mật độ cây xanh.

(2). Các hoạt động sản xuất công nghiệp, dịch vụ, khai thác khoáng sản... trong khu vực này cần được quản lý chặt chẽ theo quy hoạch, bảo đảm các yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường.

(3). Phát triển và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật một số CCN quy mô hợp lý, để tổ chức di dời toàn bộ các cơ sở công nghiệp trước đây đầu tư không theo quy hoạch vào các CCN.

(4). Phát triển một số điểm công nghiệp quy mô nhỏ tại các trung tâm xã, để phát triển các ngành nghề công nghiệp nông thôn không có nước thải trong quy trình sản xuất gia công.

(5). Có chính sách ưu tiên vốn đầu tư công thực hiện các chương trình phát triển nông thôn, đặc biệt là khu vực phía Bắc thuộc địa bàn các huyện Định Quán, Tân Phú và Vĩnh Cửu, nơi quy hoạch yêu cầu hạn chế phát triển công nghiệp phát thải cao, các hoạt động chăn nuôi để bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.



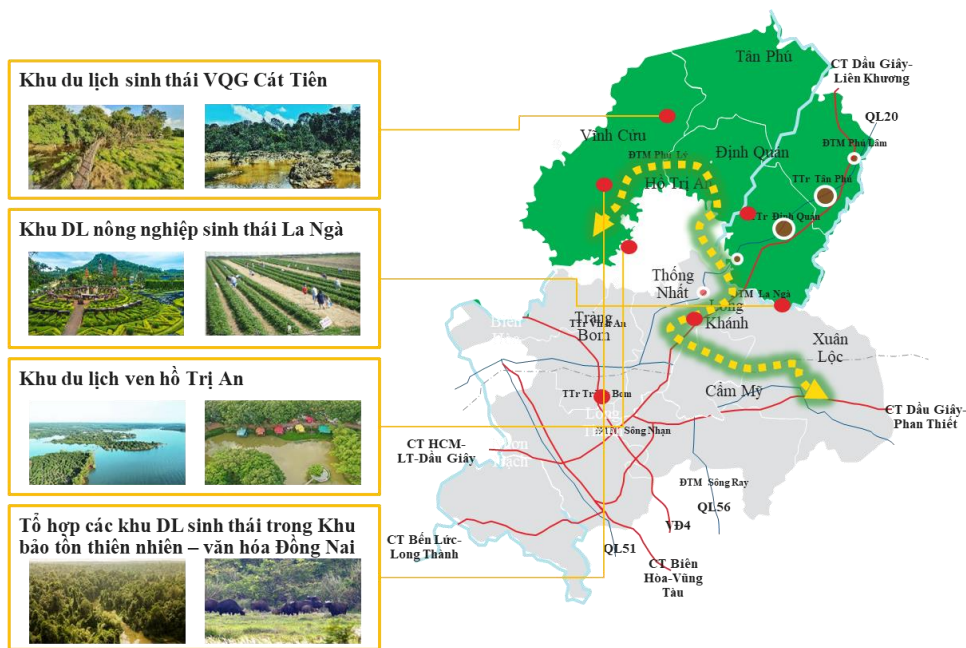
Tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng nông thôn, đảm bảo điều kiện để hình thành các vùng nông thôn trù phú với không gian sống tiện nghi, hiện đại và văn minh.

**c. Định hướng phân bố không gian vùng**

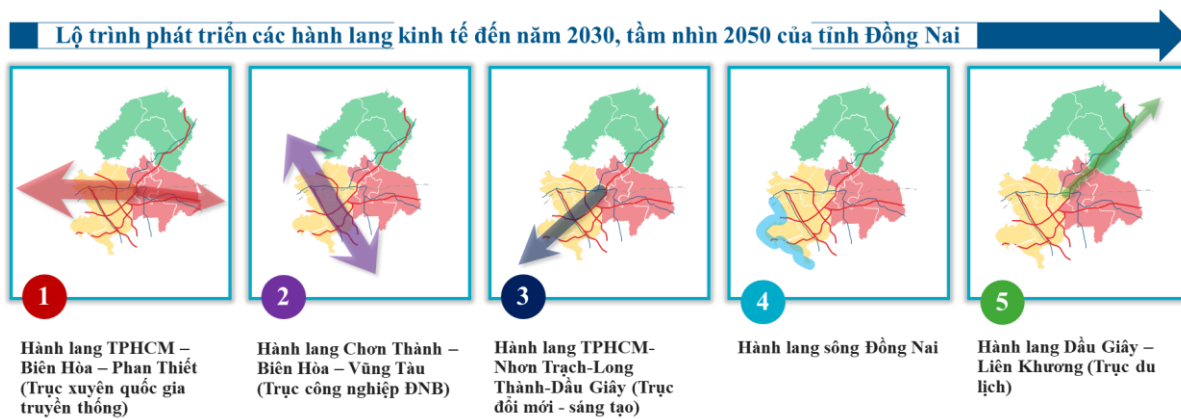
Vùng phát triển nông nghiệp và duy trì cân bằng sinh thái được xác định là vùng phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và phát triển bền vững (gắn với sinh thái và du lịch) làm động lực phát triển kinh tế vùng. Do đó, hạn chế quy hoạch phát triển các khu công nghiệp phát thải cao. Tiếp tục hoàn thiện, thu hút đầu tư vào khu công nghiệp với quy mô vừa phải nhằm giữ chân lao động, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, tuy nhiên cần chọn lọc kỹ các ngành ít phát thải, giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Thu hút đầu tư vào ngành du lịch – đô thị sinh thái, tạo giá trị kinh tế cao, gắn với bảo vệ môi trường

Hình thành và phát triển Hành lang Dầu Giây – Liên Khương (Trục động lực đô thị sinh thái - du lịch – nông nghiệp). Liên kết: QL20, CT DG-LK, Đường quanh hồ Trị An. Đặc điểm trở thành hành lang dịch vụ sinh thái, tập trung phát triển dịch vụ du lịch sinh thái chất lượng cao, tận dụng cảnh quan rừng, núi, hồ, chú trọng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

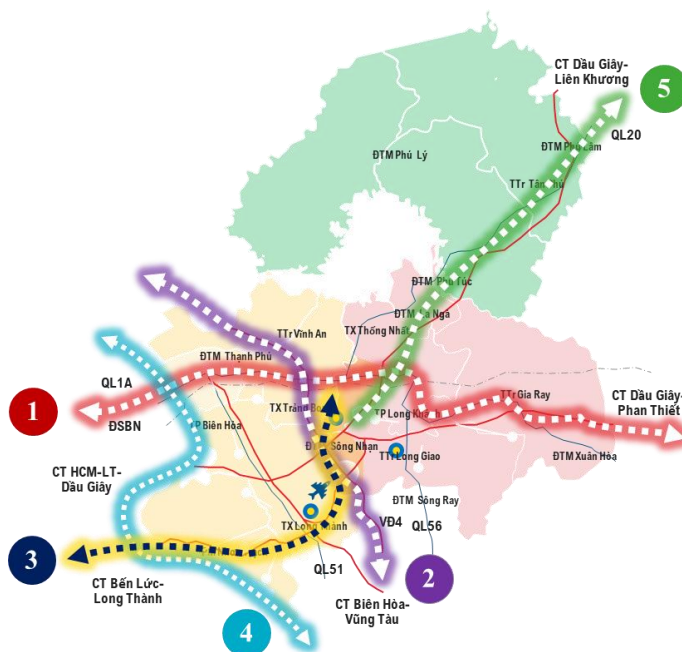


Tóm lại, 3 phân vùng kinh tế của tỉnh Đồng Nai sẽ phát triển hài hòa các ngành và lĩnh vực quan trọng, có thể mạnh đồng thời đảm bảo cân bằng sinh thái. Xương sống của các vùng không gian kinh tế này là các trục động lực chính (hành lang kinh tế). Trong đó, thứ tự ưu tiên phát triển các hành lang (trục động lực) sẽ tương ứng với lộ trình của chính phủ và tập trung vào các vùng kinh tế động lực và tiềm năng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tại các khu vực này và tạo sức lan tỏa.



**Hình 22: Lộ trình phát triển các hành lang kinh tế thời kỳ 2021-2030**

Nguồn: Roland Berger



**Hình 21: Hành lang kinh tế giai đoạn 2021 – 2030**

Nguồn: Roland Berger

**4. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện**

**4.1. Tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh**

Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng mạng lưới đường giao thông, kết nối mạng lưới viễn thông, cơ sở hạ tầng truyền phát điện, năng lượng là những giải pháp cơ bản để tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phương án liên kết không gian của tỉnh Đồng Nai được xây dựng trên cơ sở các trục giao thông chính như sau:

*Các trục liên kết theo hướng Bắc - Nam và Tây Bắc - Đông Nam (liên kết dọc)*

- **Hành lang Bắc - Nam:** là hành lang vùng, quốc gia. Hành lang quan trọng của cả nước do QL.1 và cao tốc Bắc-Nam đảm nhận.

- Hành lang cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây – Phan Thiết: kết nối tỉnh Đồng Nai với TP. HCM và các tỉnh Nam Trung Bộ
- Hành lang cao tốc Dầu Giây-Liên Khung và QL.20B kết nối các đô thị và KCN phía bắc của tỉnh
- Quốc lộ 56: đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 18km, điểm đầu giao Quốc lộ 1 tại Thành phố Long Khánh; điểm cuối giáp ranh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- QL.56B: điểm đầu QL.56 tại thành phố Long Khánh, Đồng Nai, điểm cuối Cửa khẩu Phước Tân, Tây Ninh. Đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai dài khoảng 38km

*Các trục chính liên kết theo hướng Đông - Tây (liên kết ngang)*

- Hành lang QL.51: kết nối tỉnh Đồng Nai với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hệ thống cảng biển nước sâu Cái Mép – Thị Vải.
- Hành lang đường vành đai 4 kết nối tỉnh Đồng nai với tỉnh BR-VT, Bình Dương, TP. HCM, Long An

Các trục giao thông trên là các trục chính của mạng lưới giao thông tỉnh. Dựa trên các trục giao thông chính như trên, tổ chức nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hệ thống đường tỉnh, đường huyện và kết nối với các trục giao thông chính nhằm thúc đẩy liên kết không gian trên phạm vi toàn tỉnh, giảm thời gian, chi phí đi lại giữa các vùng, khu vực trong tỉnh và từng bước nâng cấp năng lực vận tải của hệ thống. Chi tiết các dự án đầu tư hệ thống giao thông được xác định trong Phương án phát triển mạng lưới giao thông.

#### **4.2. Cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện**

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý phát triển không gian liên huyện của tỉnh thông qua việc lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch cấp tỉnh và liên huyện; tổ chức đầu tư, xây dựng theo các quy hoạch, kế hoạch cấp tỉnh, liên huyện; điều phối và hỗ trợ Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện các quy hoạch, kế hoạch ở cấp huyện. Ủy ban nhân dân huyện là đầu mối quản lý công tác thực hiện, xây dựng đồ án quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, đô thị, hạ tầng, nông thôn trên địa bàn được giao quản lý theo quy hoạch được phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Chính phủ, các Bộ, các cơ quan quản lý chuyên ngành ở cấp Trung ương quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương: Các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh, hệ thống điện cao áp, công trình thủy lợi cấp quốc gia, cơ sở y tế do Trung ương đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh nhằm tạo thuận lợi cho Tỉnh và các huyện, thành phố phát triển.

Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm kiến thiết các công trình hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, viễn thông cấp tỉnh và liên huyện trên địa bàn toàn tỉnh; kết nối hạ tầng kỹ thuật do tỉnh quản lý với hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia do Trung ương quản lý; đấu nối hạ tầng kỹ thuật do tỉnh quản lý với hạ tầng kỹ thuật do cấp huyện quản lý nhằm tạo điều kiện cho thành phố và các huyện phát triển kinh tế-xã hội.

Tổ chức hệ thống thông tin liên lạc và báo cáo định kỳ thống nhất trong toàn tỉnh, cho phép liên thông thông tin, tra cứu chéo giữa chính quyền các huyện nhằm tạo thuận lợi cho công tác phối hợp quản lý liên huyện. Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện bố trí thường trực liên lạc để xử lý các sự vụ phát sinh trong quá trình tổ chức lập quy hoạch, tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển không gian, quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phát triển hạ tầng xã hội có yếu tố liên huyện.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện thông qua các báo cáo định kỳ, các cuộc họp liên cấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh các đề xuất phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các hỗ trợ cần thiết khác nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện.

Trong quá trình triển khai, Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp chặt chẽ với các địa phương khác khi nhận được các đề xuất dự án đầu tư có phạm vi liên huyện, đảm bảo lựa chọn dự án và vị trí thực hiện dự án phù hợp, thống nhất với kế hoạch tổ chức sắp xếp không gian liên huyện, và quy hoạch các vùng huyện.

Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các huyện ban hành cơ chế phối hợp trong thực hiện các dự án có phạm vi không gian liên huyện, tạo điều kiện cho các dự án liên huyện thực hiện thuận lợi.

Ủy ban nhân dân các huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, kết cấu hạ tầng xã hội được giao quản lý, thực hiện nhằm góp phần vào công cuộc phát triển không gian kinh tế - xã hội toàn tỉnh

## **IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN**

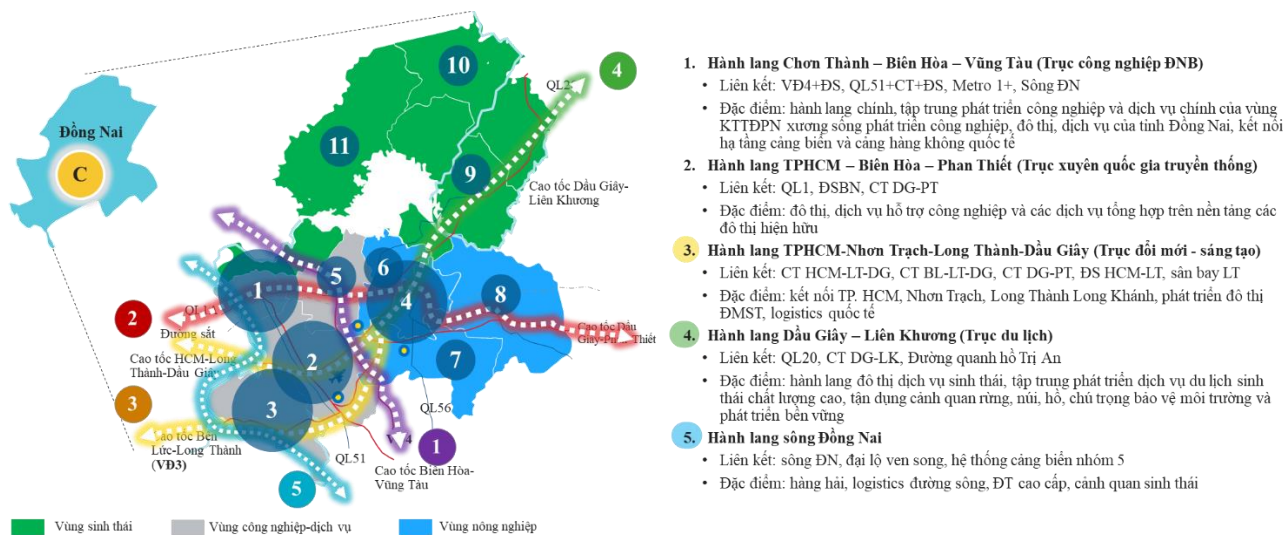
### **1. Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị**

#### **1.1. Mục tiêu, lộ trình nâng loại đô thị**

- Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 75-80%. Toàn tỉnh sẽ có 17 đô thị, trong đó:
  - 01 đô thị loại I là TP. Biên Hòa với đa số tiêu chí đạt chất lượng đô thị trung tâm của thành phố loại I trực thuộc Trung ương;
  - 02 đô thị loại II là TP. Long Khánh và TP. Nhơn Trạch (trương lai);
  - 02 đô thị loại III là thị xã Trảng Bom và huyện Long Thành (trương lai);
  - 06 đô thị loại IV là thị xã Thống Nhất (trương lai) và các thị trấn Vĩnh An, Long Giao, Gia Ray, Định Quán, Tân Phú;
  - 06 đô thị loại V là các đô thị Thạnh Phú, Sông Nhạn, La Ngà, Phú Túc, Phú Lý, Phú Lâm.
- Đến năm 2025, tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao đạt tối thiểu 50%. Đến năm 2030, đẩy mạnh áp dụng công nghệ và kỹ thuật canh tác hiện đại cũng như tăng cường tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2050, nông nghiệp tỉnh Đồng Nai là một nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao toàn diện.
- Đến năm 2025, xây dựng tỉnh Đồng Nai đạt chuẩn nông thôn mới.



## 1.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh



**Hình 6: Phân bố đô thị trên các tuyến hành lang đến năm 2030**

Các đô thị sẽ được hình thành dọc trên các tuyến hành lang kinh tế mới theo quy hoạch, với các vai trò và định hướng phù hợp với từng đặc điểm khu vực và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh. Cụ thể:

- **Hành lang Đông - Tây (Hành lang cao tốc TPHCM – Dầu Giây - Phan Thiết):** được trang bị bởi QL.1, đường sắt Bắc – Nam, vốn là trục tạo nên chuỗi đô thị trọng tâm của tỉnh. Trong tương lai, khi các cao tốc hình thành luồng vận tải mới xoay trục từ Đông - Tây thành Bắc - Nam, đoạn Biên Hòa TPHCM sẽ gần như được giải thoát khỏi vai trò vận tải nặng, trở thành trục giao thương đô thị đáng sống, sẽ là cơ sở để đưa Biên Hòa trở thành trung tâm đô thị tri thức, sáng tạo, thay vì chỉ là một trung tâm đô thị công nghiệp công nghệ cũ.
- **Hành lang Bắc - Nam (Hành lang cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu):** với điểm trung tâm tại Biên Hòa, là hành lang công nghiệp hóa - đô thị hóa quy mô lớn. Trong tương lai, trục này sẽ được nối thẳng từ Chơn Thành đến Vũng Tàu bởi các đường vận tải nặng, quy mô cao tốc, trở thành trục kinh tế trọng điểm, lấy 3 tỉnh công nghiệp hóa là Bình Dương, Đồng Nai, BRVT làm địa bàn phát triển, thu hút lực lượng lao động và tri thức từ trung tâm vùng. Trục này bao gồm toàn các đô thị trẻ, năng động, hiện đại, còn nhiều dư địa.
- **Hành lang phía Tây Nam (Hành lang cao tốc TPHCM – Long Thành – Dầu Giây):** được trang bị bởi các trục cao tốc mới là TPHCM – Long Thành – Dầu Giây, cao tốc Bến Lức – Long Thành, đường sắt đô thị TPHCM – sân bay Long Thành và nhiều trục phụ khác theo các cầu qua sông Đồng Nai nối trung tâm TPHCM với Nhơn Trạch và Long Thành. Các khu đô thị, khu chức năng thời kỳ mới sẽ hình thành trên tuyến không gian này, nối giữa 2 cực là trung tâm kinh tế quốc gia (TPHCM) và trung tâm cửa ngõ quốc gia (sân bay Long Thành).
- **Hành lang phía Đông Bắc (Hành lang cao tốc Dầu Giây – Liên Khương):** xâu chuỗi các đô thị nhỏ có chức năng trung tâm huyện và du lịch sinh thái, nông nghiệp.



- **Hành lang sông Đồng Nai:** vốn là trục vận tải hàng hải quốc tế và nội địa có luồng lạch ăn sâu vào các trung tâm kinh tế của vùng, liên kết trực tiếp với cảng quốc tế Cái Mép. Trong thời kỳ mới, đây cũng vừa là trục giao thông xanh kết nối các đô thị của vùng, mặt tiền xanh của các thành phố văn minh hiện đại, hành lang sinh thái đem lại không gian mở cho các hoạt động cộng đồng ở mọi quy mô. Do tính phức hợp đa chức năng đó, hành lang này cần được hoạch định thận trọng, ưu tiên đúng mức cho từng chức năng ứng với địa điểm cụ thể.

Từ đó, Đồng Nai sẽ lấy 4 đô thị làm động lực, phân bổ xung quanh Cảng HKQT Long Thành. Trong đó:

- **Biên Hòa** trở thành đô thị tập trung phát triển thương mại - dịch vụ quy mô lớn, du lịch kết hợp cảnh quan sông Đồng Nai;
- **Long Thành** là đô thị thông minh, trung tâm thương mại - dịch vụ, giao lưu quốc tế, là đầu mối giao thông kết nối toàn vùng, đồng thời hình thành các khu logistics, khu công nghiệp công nghệ cao;
- **Nhon Trạch** là đô thị mới, đô thị thông minh, cảng biển và đầu mối giao thông kết nối TPHCM;
- **Long Khánh** là đầu mối tiếp nhận, phân phối, chế biến nông sản, hình thành Khu công nghiệp chế biến thực phẩm lớn toàn vùng, cùng với đó hình thành làng Đại học là trung tâm đào tạo nhân lực trong khu vực.

Ngoài ra, 7 đô thị còn lại sẽ tích cực thúc đẩy cho sự phát triển của toàn tỉnh, với định hướng rõ ràng dựa vào các lợi thế nội tại sẵn có. Bao gồm:

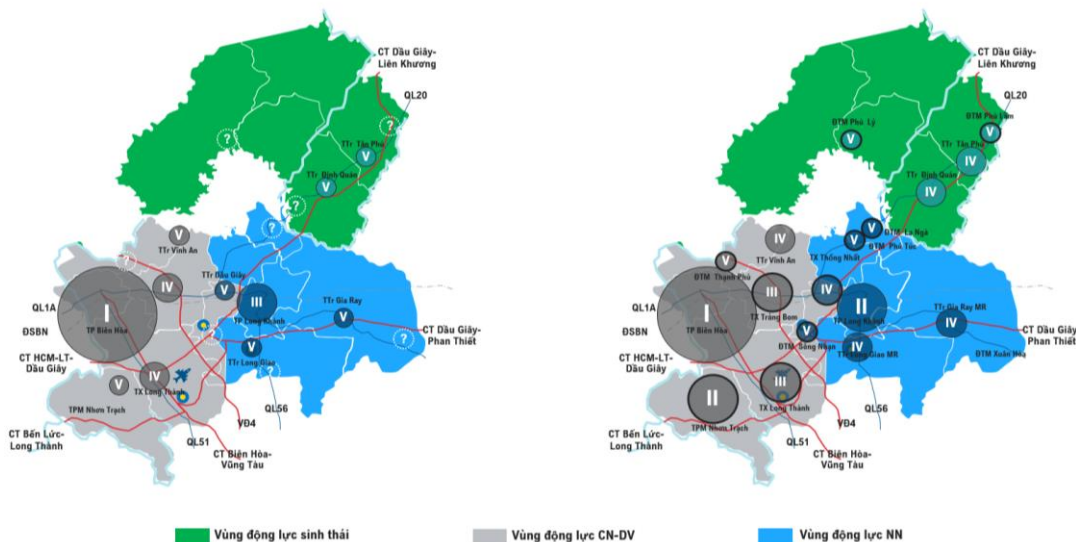
- Trảng Bom được định hướng trở thành đô thị công nghiệp tập trung, cùng hệ thống thương mại - dịch vụ đào tạo cấp vùng và nông nghiệp công nghệ cao.
- Thống Nhất phát triển trung tâm thương mại, chợ đầu mối nông sản vùng phía Đông cùng đô thị công nghiệp tập trung lấy lợi thế đầu mối giao thông của vùng.
- Cẩm Mỹ tập trung phát triển thương mại – dịch vụ cấp tiểu vùng, du lịch cảnh quan, trang trại, lịch sử cùng nông nghiệp công nghệ cao, chuyên canh.
- Xuân Lộc lấy thị trấn Long Giao làm trọng tâm, phát triển thành đô thị - công nghiệp tập trung, cùng với du lịch lịch sử, sinh thái vườn và nông nghiệp công nghệ cao, chuyên canh cây cà phê, điều, tiêu.
- Định Quán định hướng trở thành trung tâm phía Bắc tỉnh Đồng Nai, hình thái đô thị, công nghiệp & du lịch phát triển dọc tuyến Quốc lộ 20.
- Tân Phú phát triển du lịch sinh thái gắn với Vườn quốc gia Nam Cát Tiên cùng nông nghiệp công nghệ cao vùng chăn nuôi gia súc tập trung.
- Vĩnh Cửu trở thành đô thị du lịch với các dịch vụ cao cấp gắn liền cảnh quan rừng đặc dụng, hồ Trị An, sông Đồng Nai, khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa lịch sử, Làng bưởi Tân Triều cũng như các điểm du lịch làng nghề.

Đồng thời, ưu tiên phát triển vùng phụ trợ cho Vành đai 3, Vành đai 4 và các tuyến giao thông kết nối Vùng Đông Nam Bộ để tạo động lực thúc đẩy phát triển cho khu vực.

Định hướng phát triển tổng thể hệ thống đô thị (chức năng, liên kết, hướng phát triển, dân số, đất đai...) của tỉnh Đồng Nai đến năm 2030 cụ thể như sau:

11 ĐT trong đó: 1 ĐT loại I + 1 ĐT loại III + 2 ĐT loại IV + 7 ĐT loại V

17 ĐT trong đó: 1 ĐT loại I + 2 ĐT loại II + 2 ĐT loại III + 6 ĐT loại IV + 6 ĐT loại V



**Bảng 3: Hệ thống 17 đô thị tỉnh Đồng Nai đến năm 2030**

Loại	Số lượng	Tên đô thị
I	1	TP Biên Hòa
II	2	TP Long Khánh, TP Nhơn Trạch
III	2	TP Long Thành, TX Trảng Bom
IV	6	TX Thống Nhất, các thị trấn Vĩnh An, Tân Phú, Gia Ray, Định Quán, Long Giao
V	6	Các ĐT La Ngà, Phú Túc, Phú Lý, Thanh Phú, Phú Lâm, Sông Nhạn

## 5. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống điểm dân cư nông thôn

### 5.1. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội kết nối nông thôn - đô thị, nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn. Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội đảm bảo đồng bộ, kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ cho các vùng sản xuất tập trung của tỉnh, áp dụng quy trình quản lý chất lượng tiên tiến;

Các làng xã phát triển theo mô hình nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao gắn với các đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo các tiêu chí riêng của tỉnh.

Phát triển các hạ tầng kỹ thuật kết nối thuận lợi từ các làng xóm tới các khu vực đô thị và trung tâm dịch vụ. Bổ sung hoàn chỉnh các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu theo các chỉ tiêu chung của Tỉnh.

Khuyến khích bảo tồn không gian kiến trúc truyền thống, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Hướng dẫn thiết kế mẫu nhà ở nông thôn điển hình, xây dựng với mật độ thấp, đáp ứng tiện nghi và sinh hoạt hiện đại, thống nhất về ngôn ngữ kiến trúc, tiến tới mô hình nông thôn hiện đại có đặc trưng riêng, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của mỗi vùng.

Cơ bản duy trì ổn định các khu, điểm (thôn, bản) dân cư nông nghiệp tập trung, giảm dần các điểm dân cư nông nghiệp nhỏ lẻ đặc biệt là điểm dân cư nằm trong khu vực có mức độ rủi ro tai biến do thiên tai cao (lũ quét, sạt lở đất,...), điểm dân cư nằm trong khu vực bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt môi trường sinh thái và hành lang bảo vệ an toàn nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Phát triển không gian dân cư, khu ở dân cư nông thôn chủ yếu mở rộng phát triển các khu ở dân cư nông thôn tập trung (quy mô tập trung nhiều thôn/bản) có kết cấu hạ tầng nông thôn mới đồng bộ, phát triển các khu dân cư nông thôn phi nông nghiệp, khu dân cư - dịch vụ thương mại nông thôn phục vụ chuyển đổi cơ cấu ngành nghề nông thôn, khu dân cư nông thôn thị hóa, khu nhà ở đô thị nông thôn, khu nhà ở nông thôn mới tạo quỹ nhà ở và phục vụ giãn dân, tái định cư tập trung.

Tiếp tục phát triển, hoàn thiện các sản phẩm OCOP được chứng nhận. Phân đấu đến cuối năm 2025: 100 sản phẩm đạt 3 sao trở lên; 15 sản phẩm đạt 4 sao; 08 sản phẩm đạt 5 sao.

Phát huy những thành tựu, kết quả đạt được, đặc biệt là bài học rút ra giai đoạn 2016-2020, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới toàn diện trên tất cả các mặt, theo hướng ổn định và bền vững. Gắn chặt xây dựng nông thôn mới với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế. Xây dựng nông thôn mới gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của nông thôn vùng Đông Nam Bộ nói chung và nông thôn Đông Nai nói riêng; gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, dịch vụ phải thực sự hỗ trợ trở lại cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị văn minh.

Huy động cao nhất các nguồn lực theo hướng xã hội hóa, thực hiện tốt các chính sách kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn, cân đối, bố trí kịp thời nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách, để kích thích, huy động các nguồn vốn từ thành phần kinh tế khác tham gia thực hiện Chương trình.

## **5.2. Đẩy mạnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nông thôn**

Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp, thị trường; gắn đào tạo nghề nông thôn với quy hoạch xây dựng NTM và phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp. Phân đấu đến cuối năm 2020 có 65% lao động nông thôn qua đào tạo nghề

Đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm; đẩy mạnh đào tạo nông dân, người sản xuất theo hướng gắn với sản xuất mô hình, trang trại, doanh nghiệp; tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trong và ngoài nước về các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

## **6. Phương án tổ chức các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh**

### **6.1. Vùng Nông nghiệp đô thị phía Tây**

+ Đẩy mạnh phát triển các loại hình hoa cây cảnh, sinh vật cảnh, các mô hình nông nghiệp trong nhà, nông nghiệp trên tầng thượng ít hoặc không sử dụng đất, dịch vụ nông nghiệp, mảng xanh đô thị tại các đô thị được đã quy hoạch hình thành.

+ Khu vực ven đô phát triển các loại hình nông nghiệp ven đô như trồng rau an toàn, nuôi thủy sản giống, sản xuất cây giống nông lâm nghiệp, theo hướng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao, hình thành chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ. Thu hút các nhà đầu tư phát triển các khu/nông trại nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giảm dần quy mô các loại hình chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường.

+ Bảo vệ rừng phòng hộ kết hợp phát triển du lịch sinh thái. Phát triển mô hình du lịch sinh thái vườn cây - nuôi trồng thủy sản.

### **6.2. Vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao phía Đông**

Ổn định và phát triển các vùng nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các cây trồng chủ lực, mở rộng diện tích ứng dụng công nghệ cao, diện tích được sản xuất và chứng nhận theo các quy chuẩn hữu cơ, GAP,...

Khuyến khích phát triển các mô hình trang trại tập trung hiện đại, tăng cường hiệu quả kinh tế hợp tác gắn với xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến sâu - tiêu thụ sản phẩm.

Khuyến khích phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ven đô tại đô thị hạt nhân Long Khánh và các đô thị vệ tinh trong tiểu vùng.

Bảo vệ và phát triển diện tích rừng phòng hộ kết hợp phát triển du lịch sinh thái, du lịch về nguồn. Chuyển đổi các mô hình canh tác rừng sản xuất sang các loại cây gỗ lớn, giá trị kinh tế cao.

Chuyển đổi công năng Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh Đồng Nai thành khu Công nghệ cao tổng hợp, là đầu mối tiếp nhận, chuyển giao và tiến tới sáng tạo công nghệ mới, trong đó có các lĩnh vực công nghệ liên quan đến sân bay với sự hình thành sân bay quốc tế Long Thành. Tiếp tục thu hút đầu tư nghiên cứu chuyển giao cây giống, con giống trong các khu chức năng dành cho nông nghiệp tại Khu Công nghệ cao tổng hợp.

### **6.3. Vùng nông nghiệp sinh thái phía Bắc**

Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng trồng, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học đặc trưng của vùng. Phát triển dịch vụ du lịch tham quan rừng Nam Cát Tiên, hồ Trị An, ven sông Đồng Nai, khu bảo tồn thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai. Hình thành các khu du lịch văn hóa lịch sử cách mạng. Phát triển làng nghề phục vụ du lịch.

Hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung cao su, hồ tiêu, cà phê, cây ăn quả đặc sản (sầu riêng, xoài, ...), rau các loại. Chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình sản xuất an toàn, bền vững, sản xuất theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Hình thành trung tâm thương mại chợ đầu mối trao đổi tiêu thụ hàng hóa nông sản.

Phát triển vùng chăn nuôi tập trung hình thức trang trại có quy mô lớn. Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.



**Hình 7: Phân vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2030**

Nguồn: Roland Berger

## **7. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực, khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn**

### **7.1. Phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực**

Phân vùng Tây Bắc có vai trò động lực dẫn dắt phát triển kinh tế xã hội, là vùng có tầm ảnh hưởng cấp tỉnh và vượt ra ngoài tỉnh. Các phân vùng phía Đông và phía Bắc phát triển dựa trên các động lực nhỏ hơn, có tầm ảnh hưởng cục bộ hơn. Do đó, các khu vực có vai trò động lực sẽ được nhận diện chủ yếu trong phạm vi Phân vùng Tây Bắc.

Dựa trên tính chất của các đô thị, tỉnh Đồng Nai sẽ phát triển theo mô hình đa cực với 3 cực kinh tế, có vai trò cấp tỉnh và ngoài tỉnh:

(1) Cực thứ 1: khu vực đô thị Biên Hòa

- Nhiệm vụ đối trọng với TP. Thủ Dầu Một cùng một phần của TP. HCM
- Tiềm năng phát triển các Đô thị DV-CN, Đô thị đổi mới sáng tạo, Đô thị quốc tế

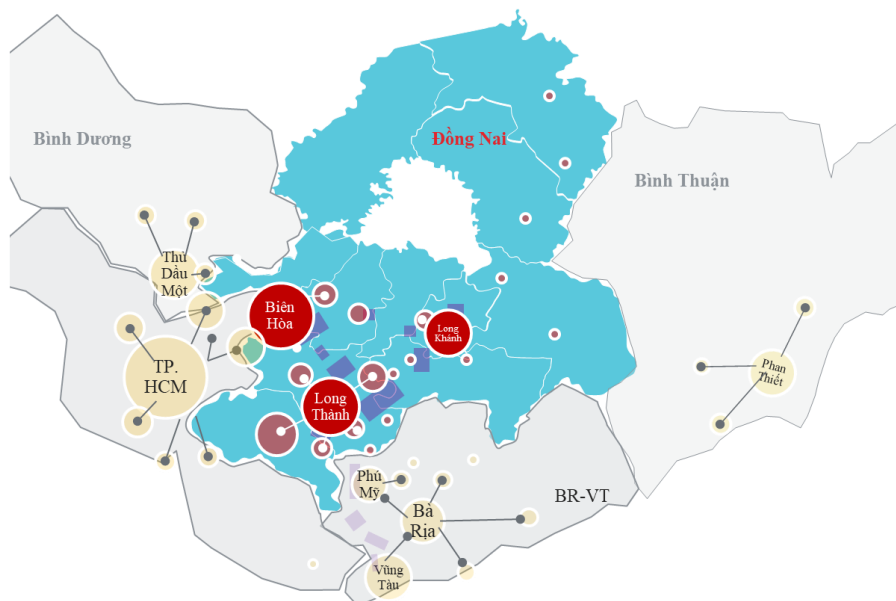
(2) Cực thứ 2: khu vực đô thị Long Thành – Nhơn Trạch

- Nhiệm vụ đối trọng với TP. HCM cùng các TP ở Vũng Tàu như Phú Mỹ, Bà Rịa và Vũng Tàu. Tiềm năng phát triển Đô thị DV-CN, Đô thị hàng không và là đầu mối giao thương toàn vùng;

(3) Cực thứ 3: khu vực đô thị Long Khánh



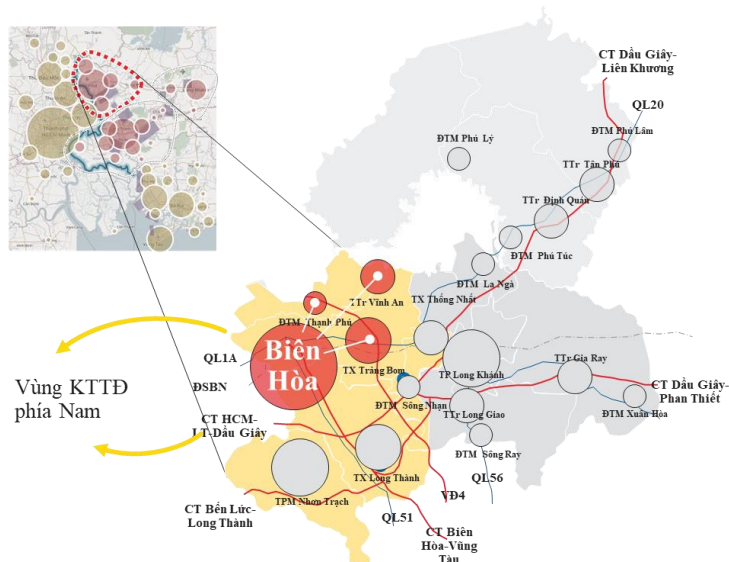
- Nhiệm vụ đối trọng với Phan Thiết cùng các TP ở vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ. Tiềm năng phát triển Đô thị SX NN và Đô thị DL sinh thái
- Cặp đô thị Dầu Giây – Long Khánh với vai trò đầu mối liên kết giao thông – logistics cửa ngõ phía Đông của vùng Đông Nam Bộ.



Hình 8: Mô hình phát triển đô thị đa cực của Đồng Nai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050

### 7.1.1. Khu vực Biên Hòa và phụ cận

#### a. Vị trí



Khu vực Biên Hòa và phụ cận nằm phía Tây Bắc tỉnh Đồng Nai, bên sông Đồng Nai; cách trung tâm TPHCM khoảng 30km, cách trung tâm thành phố Vũng Tàu khoảng 90km.

- Phía Đông giáp huyện Trảng Bom;

- Phía Tây giáp TP Dĩ An và TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

- Phía Nam giáp huyện Long Thành và TP Thủ Đức;

- Phía Bắc giáp sông Đồng Nai.

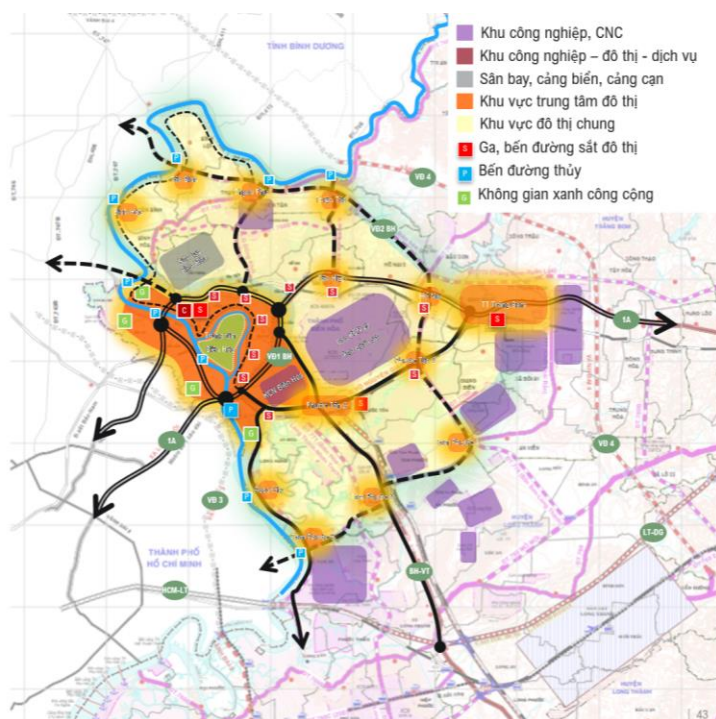
Hình 9: Vị trí khu vực Biên Hòa và phụ cận

#### b. Vai trò, tính chất chức năng

- Trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Khu vực Biên Hòa và phụ cận tiếp tục phát huy vai trò truyền thống là trung tâm tổng hợp; đô thị tinh ly; đầu mối giao thông - giao lưu cấp vùng; cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế - xã hội lớn của vùng; đô thị loại I duy nhất của tỉnh Đồng Nai.

- Khu vực sẽ có sự chuyển biến chức năng, trong đó động lực phát triển của kinh tế tri thức, sáng tạo, thương mại, dịch vụ nổi lên mạnh mẽ và dần thay thế cho động lực từ sản xuất công nghiệp và logistics.

### c. Định hướng phát triển không gian



**Hình 10: Sơ đồ cấu trúc phát triển khu vực Biên Hòa và phụ cận**

- Hệ thống trung tâm hoạt động gồm: 01 lõi chính là khu trung tâm thành phố Biên Hòa, 01 đô thị vệ tinh là thị trấn Trảng Bom, 12 trung tâm hoạt động (cấp xã), tại giao điểm giữa đường vành đai thành phố với các trục hướng tâm.

- Hệ thống giao thông có cấu trúc dạng hướng tâm với 3 vành đai: Vành đai lõi là trục GTCC quanh Cù lao Phố, Vành đai 1 hình thành bởi các đoạn đường Nguyễn Ái Quốc – Đồng Khởi – Quốc lộ 1 – Bùi Hữu Nghĩa; Vành đai 2 theo xác định tại QHC TP Biên Hòa. Các tuyến hướng tâm lan tỏa từ vành đai 1 ra ngoài, đi đến các trung tâm đô thị của tỉnh và vùng, các tuyến GTCC vùng và đô thị đã được xác định trong quy hoạch này

- Tập trung phát triển trung tâm đô thị Biên Hòa thực sự trở thành đầu mối giao thông - giao lưu cấp vùng; cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế - xã hội lớn của vùng, đô thị kiểu mẫu của tỉnh Đồng Nai.

- Phát triển giao thông liên vùng, giao thông đô thị, mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn, tốc độ cao theo quy hoạch tỉnh và QHC đô thị. Đặt ưu tiên hàng đầu đối với việc xây dựng các cầu qua sông Đồng Nai.

- Phát triển mạng lưới trung tâm hoạt động gắn với các trung tâm TOD để lan tỏa tầm ảnh hưởng của trung tâm ra khu vực phụ cận, trong đó chú trọng chuỗi trung tâm hoạt động tại giao điểm của đường vành đai thành phố với các trục hướng tâm.

- Phát triển không gian thị trấn Trảng Bom tiến về phía Biên Hòa.

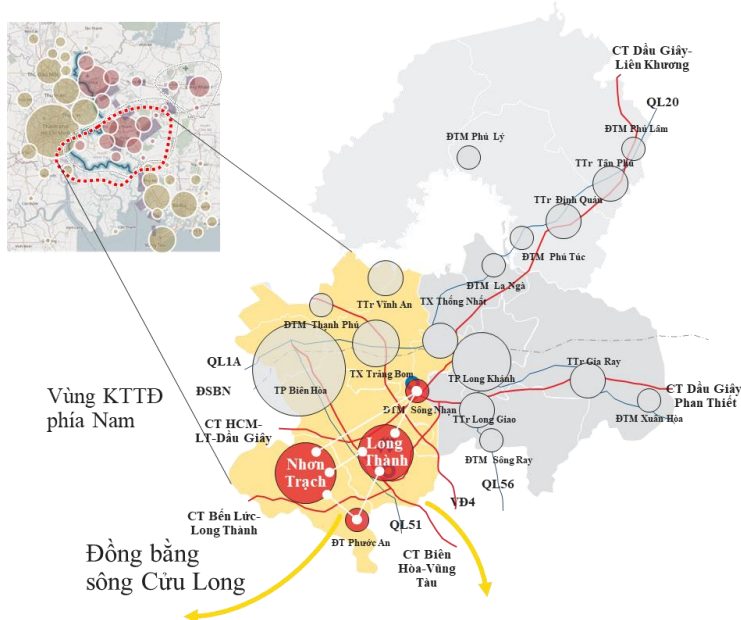
- Nâng cấp một số khu công nghiệp trở thành trung tâm công nghiệp – đô thị - dịch vụ. Dịch chuyển các cơ sở sản xuất không còn phù hợp ra ngoài trung tâm đô thị, tái phát triển thành các chức năng đô thị hoặc công cộng còn thiếu.

- Phát triển trung tâm đô thị hai bên sông. Trong đó, khu vực phường Tân Hạnh, Hóa An, Bửu Hòa, Tân Vạn bên kia sông trở thành tuyến trung tâm đô thị thương mại tài chính, tham gia sâu rộng vào hoạt động kinh tế của TPHCM.

- Phát triển Cù lao phố trở thành lõi sinh thái, đồng thời là trung tâm đô thị tri thức sáng tạo.

### 7.1.2. Khu vực Nhơn Trạch – Long Thành và phụ cận

#### a. Vị trí



**Hình 11: Vị trí khu vực Nhơn Trạch – Long Thành và phụ cận**

Khu vực Nhơn Trạch – Long Thành và phụ cận nằm ở phía Nam tỉnh Đồng Nai, bên sông Đồng Nai; cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 25km, cách trung tâm TPHCM khoảng 30km, cách trung tâm thành phố Vũng Tàu khoảng 60km.

- Phía Đông giáp huyện Cẩm Mỹ và huyện Ngã Giao (tỉnh BRVT);

- Phía Tây giáp sông Đồng Nai;

- Phía Nam giáp huyện Cù Giờ (TPHCM) và thị xã Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu);

- Phía Bắc giáp thành phố Biên Hòa và huyện Thống Nhất.

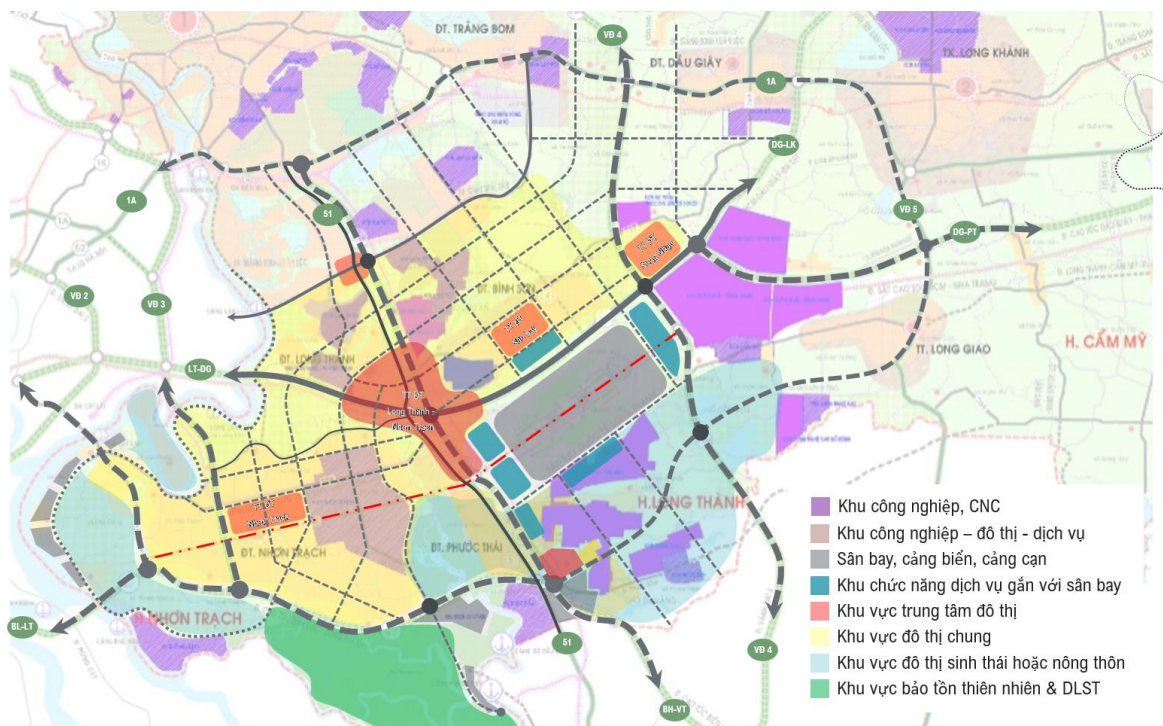
#### b. Vai trò, tính chất chức năng

Trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực sẽ phát triển như một thành phố kép với các chức năng:

- Trung tâm tổng hợp cấp tỉnh
- Cực phát triển trọng điểm phía Đông vùng TPHCM
- Khu kinh tế cửa khẩu hàng không quốc gia, đầu mối giao thông vùng
- Đô thị đối trọng vùng TPHCM
- Trung tâm kinh tế tri thức sáng tạo, dịch vụ công nghiệp, logistics, công nghiệp sạch, công nghiệp đa ngành
- Trung tâm giải trí và du lịch cảnh quan sinh thái cấp vùng.



### c. Định hướng phát triển không gian



**Hình 12: Sơ đồ cấu trúc phát triển khu vực Nhơn Trạch – Long Thành và phụ cận**

- Khung giao thông chính của khu vực có dạng chữ thập: (1) Chiều Bắc - Nam là trục QL.51 + ĐS&CT. Biên Hòa – Vũng Tàu, là trục vận tải thiên về phục vụ công nghiệp; (2) Chiều Đông - Tây là đường trục chính đô thị Nhơn Trạch, kết hợp CT. TPHCM – Lòng Thành – Dầu Giây, là trục vận tải thiên về phục vụ thương mại.

- Hệ thống trung tâm hoạt động phân bố theo khung chữ thập tại tâm và 4 đỉnh, gồm: (1) Trung tâm thành phố Nhơn Trạch tương lai; (2) Trung tâm thành phố Long Thành tương lai; (3) Trung tâm dịch vụ Bắc sân bay Long Thành; (4) Trung tâm dịch vụ Nam sân bay Long Thành; (5) Trung tâm đô thị công nghiệp Sông Nhạn.

- Khu vực có xu hướng phát triển dạng đô thị ở phía Bắc và phía Tây sân bay Long Thành. Phía Nam và Đông sân bay phát triển các khu chức năng (chủ yếu là khu công nghiệp) và khu dân cư mật độ trung bình thấp đi theo các khu chức năng.

- Phát triển các khu dịch vụ gắn với sân bay Long Thành gồm: (1) Khu phía Bắc là trung tâm thương mại, tài chính doanh nghiệp, hội nghị; (2) Khu phía Tây là trung tâm dịch vụ vận tải hành khách, du lịch transit dịch vụ; (3) Khu phía Nam là dịch vụ trung chuyển hàng hóa.

- Tập trung phát triển trung tâm đô thị Long Thành trở thành trung tâm chính của toàn khu vực tại vị trí thị trấn Long Thành hiện hữu, mở rộng về phía Nam, bao quanh nút giao cao tốc. Phạm vi này có thể bao gồm thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch hiện hữu.

- Phát triển trung tâm đô thị Nhơn Trạch thành trung tâm đô thị tri thức, sáng tạo, dịch vụ công nghiệp, du lịch sinh thái của vùng TPHCM.

- Phát triển giao thông liên vùng, giao thông đô thị, mạng lưới giao thông công cộng khối lượng lớn, tốc độ cao theo quy hoạch tỉnh và QHC đô thị. Đặt ưu tiên hàng đầu đối với việc xây dựng các cầu qua sông Đồng Nai.

- Phát triển mạng lưới trung tâm hoạt động gắn với các trung tâm TOD để lan tỏa tầm ảnh hưởng của trung tâm ra khu vực phụ cận, trong đó chú trọng chuỗi trung tâm đô thị Nhơn Trạch – Long Thành – Sông Nhạn.

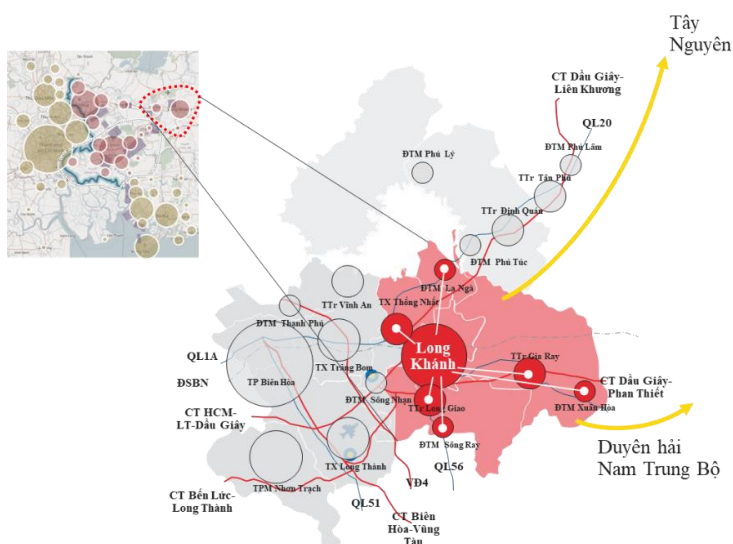
- Phát triển không gian thị trấn Trảng Bom tiến về phía Biên Hòa.

- Nâng cấp một số khu công nghiệp trong đô thị trở thành trung tâm công nghiệp – đô thị - dịch vụ. Dịch chuyển các cơ sở sản xuất không còn phù hợp ra ngoài trung tâm đô thị, tái phát triển thành các chức năng đô thị hoặc công cộng còn thiếu.

- Phát triển cảnh quan đô thị ven sông Đồng Nai.

### 7.1.3. Khu vực Long Khánh và phụ cận

#### a. Vị trí



Khu vực Long Khánh và phụ cận nằm ở trung tâm tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 47km, cách trung tâm TPHCM khoảng 72km, cách trung tâm thành phố Vũng Tàu khoảng 75km, cách trung tâm thành phố Phan Thiết khoảng 115km.

- Phía Đông giáp huyện Xuân Lộc;

- Phía Tây giáp huyện Thống Nhất;

- Phía Nam giáp huyện Cẩm Mỹ;

- Phía Bắc huyện Định Quán.

**Hình 13: Vị trí KV Long Khánh và phụ cận**

#### b. Vai trò, tính chất chức năng

Trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, khu vực lõi sẽ phát triển như một thành phố kép Long Khánh – Dầu Giây với các chức năng:

- Đô thị trung tâm vùng phía Đông tỉnh, cực phía Đông vùng đô thị TPHCM

- Trung tâm công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; trung tâm giao thương hàng hóa và kho vận nông lâm sản của tỉnh; trung tâm du lịch sinh thái nông nghiệp, văn hóa lịch sử cấp vùng, đồng thời là đầu mối giao thông của vùng

- Cửa ngõ giao thương liên kết vùng Đông Nam bộ và Tây Nguyên.

#### c. Định hướng phát triển không gian





**Hình 14: Sơ đồ cấu trúc phát triển khu vực Long Khánh và phụ cận**

- Khoanh vùng bảo tồn thiên nhiên khu vực đồi núi thượng nguồn, bảo vệ nguồn nước. Kiểm soát phát triển tại các khu vực ưu tiên các dịch vụ sinh thái như nông lâm nghiệp, du lịch.

- Hình thành trọng điểm du lịch, du lịch lưu trú dài ngày như khu du lịch Suối Tre.

- Phát triển trọng điểm đô thị tập trung để nâng cao hiệu quả phục vụ hạ tầng kỹ thuật đồng thời phòng chống phát triển dàn trải, lãng phí tài nguyên, gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan nông nghiệp đặc trưng của khu vực.

- Hình thành trọng điểm sản xuất nông nghiệp đa chức năng, bao gồm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, gia công nông sản, giới thiệu sản phẩm, du lịch, ... để hỗ trợ cho vùng sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển thành phố Long Khánh theo tiêu chuẩn đô thị loại II. Hướng phát triển ưu tiên là về phía Đông, hợp nhất với không gian đô thị Dầu Giây.

- Xúc tiến xây dựng các tuyến giao thông chính: đường sắt đô thị Biên Hòa – Dầu Giây - Long Khánh, nâng cấp QL.1A và các tuyến tránh song song; CT Dầu Giây – Phan Thiết; QL.20, CT Dầu Giây – Liên Khương; nâng cấp và kết nối ĐT.762 với QL.56 hình thành tuyến đường vành đai 5 vùng TPHCM tương lai.

- Phát triển các trung tâm đô thị vệ tinh tại Thị trấn Long Giao + trung tâm xã Nhân Nghĩa, Hàng Gòn; trung tâm xã Xuân Thọ (huyện Gia Ray); trung tâm xã Quang Trung (huyện Thống Nhất).

- Phát triển các tuyến đô thị - công nghiệp - dịch vụ dọc theo CT Long Thành – Dầu Giây – Liên Khương. Phát triển các tuyến dân cư nông thôn hoặc đô thị sinh thái trên các trục nối đô thị trung tâm (Long Khánh) với các trung tâm đô thị vệ tinh. Phương án phát triển các khu vực đặc biệt khó khăn

## **7.2. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh**

### **7.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa bàn, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

## **7.2.2. Giải pháp**

### **a. Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc**

Quán triệt nghiêm túc và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền và Nhân dân trong thực hiện công tác dân tộc; hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng to lớn của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng như các chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó nhận thức đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và chủ động thực hiện hiệu quả Chiến lược công tác dân tộc trong tình hình mới.

### **b. Đảm bảo nguồn lực thực hiện Chiến lược công tác dân tộc**

- Xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp ưu tiên huy động các nguồn lực (vốn ODA, vốn vay ưu đãi từ các nhà tài trợ nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu Chiến lược công tác dân tộc đề ra. Trong đó kinh phí thực hiện Chiến lược công tác dân tộc được bảo đảm từ ngân sách Nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động sự tham gia của ngân hàng Nhà nước, ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tài chính trong việc triển khai các gói tín dụng, bảo hiểm vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần phát huy ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực thoát nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đề xuất các chính sách đặc thù để khuyến khích, thu hút và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **c. Đổi mới việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan để đáp ứng yêu cầu phát triển của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nhiệm vụ công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Hàng năm, cụ thể hóa các nhiệm vụ trong kế hoạch bằng các dự án, kế hoạch để triển khai phù hợp với nguồn lực và tình hình thực tế.

- Thực hiện công khai, minh bạch các chương trình, dự án, kế hoạch để người dân và các tổ chức chính trị - xã hội biết, tham gia quản lý, giám sát, góp ý, phản biện xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu của chính sách đã ban hành, tổ chức sơ kết, tổng kết, rút ra các bài học kinh nghiệm để kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách và khắc phục các tồn tại, hạn chế. Phân công nhiệm vụ cụ thể giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp trong việc thực hiện chính sách dân tộc.

### **d. Kiện toàn bộ máy, đổi mới hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác dân tộc**

- Tiếp tục kiện toàn, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc từ cấp tỉnh đến địa phương đảm bảo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đối với các huyện không thành lập Phòng Dân tộc phải bố trí đủ nhân lực cho các phòng, ban được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc các cấp. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc từ Trung ương tới cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về dân tộc.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các Sở, ban, ngành; giữa các phòng, ban chuyên môn cấp huyện trong việc tổ chức thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức liên quan.

**e. Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, chính sách thực hiện Chiến lược công tác dân tộc**

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I: Từ 2021 - 2025.

- Nghiên cứu, đề xuất các chính sách mới trên cơ sở tổng kết kết quả thực hiện Chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc; Chương trình công tác dân tộc giai đoạn trước, bảo đảm phù hợp định hướng, chủ trương của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước và tình hình thực tiễn của tỉnh; tăng cường phân cấp, phân quyền để các địa phương chủ động ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù trong tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược công tác dân tộc theo hướng nâng cao chất lượng, đi vào chiều sâu và bền vững, trong đó tập trung vào một số chính sách sau:

+ Thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ hỗ trợ để tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Hình thành các khu công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa, dịch vụ, du lịch gắn với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội từng địa phương; có chính sách thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi, hệ thống thông tin liên lạc, các cơ sở giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội.

+ Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi hoặc ban hành mới các chính sách về các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, dạy nghề, giải quyết việc làm cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản lý kinh tế, tài chính, quản trị sản xuất cho hộ gia đình, nhất là các hộ tham gia vào chuỗi giá trị chung và có hoạt động sản xuất kinh doanh; đào tạo, bồi dưỡng, tuyên dụng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số; bảo tồn văn hóa truyền thống; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường.

+ Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các đề án, chính sách về thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, phát huy nội lực, khơi dậy khát vọng, ý chí tự lực, tự cường,

của đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với từng địa bàn, phong tục, tập quán của đồng bào.

+ Xây dựng các đề án, dự án để ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu từ các đề tài khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó tập trung vào những vấn đề trọng điểm và các mô hình có tính thực tiễn cao, kinh phí phù hợp với yêu cầu và tập quán sinh hoạt, sản xuất của vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

## V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn, kết nối hợp lý với hệ thống giao thông quốc gia, vùng và nội tỉnh, tạo thành một mạng lưới giao thông thông suốt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của Tỉnh, hội nhập mạnh hơn với cả Vùng, cả nước và quốc tế, phù hợp với yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu trong tương lai.

- (1) Giao thông đường bộ: Các dự án phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia trên địa bàn thực hiện theo Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, gồm: Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Đường Vành Đai 4 TP. Hồ Chí Minh, QL51. Nghiên cứu phát triển các trục giao thông đường tỉnh theo các hướng Bắc Nam, Đông Tây tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ.
- (2) Đường thủy nội địa: Phát triển đường thủy đa mục tiêu, vừa đảm bảo nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh, vừa đảm bảo phục vụ phát triển du lịch, nghỉ dưỡng,... vừa phối hợp với ngành thủy lợi đảm bảo nhu cầu nước tưới tiêu, sinh hoạt và dự trữ nước cho vùng Đông Nam Bộ. Phát huy thế mạnh của giao thông vận tải đường bộ, đường sắt, nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa.
- (3) Đường sắt: Theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, quy hoạch tuyến đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu là một trong những hạng mục giao thông huyết mạch của tỉnh Đồng Nai. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia đi qua địa bàn tỉnh, chủ động đề xuất hệ thống giao thông kết nối tại các nhà ga, tổ chức phát triển TOD tại các nhà ga. Phát triển các tuyến đường sắt nhẹ vận chuyển hành khách kết nối từ Biên Hòa, từ TP. Hồ Chí Minh đến sân Bay Quốc tế Long Thành.
- (4) Đường sắt đô thị: Đề xuất 4 tuyến đường sắt đô thị gồm Đường sắt đô thị (ĐSĐT) ven sông Cái; Tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa-Nhơn Trạch-Long Thành; Tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa- Trảng Bom-Long Khánh; Tuyến đường sắt đô thị Long Khánh-Long Thành
- (5) Đường hàng không: Sân bay Long Thành đạt cấp 4F (mức cao nhất) theo tiêu chuẩn ICAO. Ngoài ra, quy hoạch thêm sân bay lưỡng dụng Biên Hòa để phát triển các đường bay dân dụng và sân bay thủy phi cơ trên sông Đồng Nai và trên hồ Trị An phục vụ phát triển du lịch.



## Hình 15: Định hướng phát triển hạ tầng giao thông vận tải đến năm 2030

Nguồn: Liên danh tư vấn

### 2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

#### 2.1. Phân vùng phụ tải

Dự kiến chia tỉnh Đồng Nai thành 4 vùng phụ tải như sau:

- Vùng 1 (vùng phía Tây Bắc): gồm TP. Biên Hòa, huyện Thống Nhất, huyện Trảng Bom, và huyện Vĩnh Cửu. Phụ tải vùng này được cung cấp điện từ 19 Trạm biến áp 110kV (TBA 110kV)
- Vùng 2 (vùng phía Tây Nam): gồm huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch; Hiện tại, phụ tải Vùng 2 được cung cấp điện từ 13 TBA 110kV
- Vùng 3 (vùng phía Đông Nam): gồm TP. Long Khánh, huyện Xuân Lộc, và huyện Cẩm Mỹ. Hiện tại, phụ tải Vùng 3 được cung cấp điện từ các TBA 110kV Long Khánh, Cẩm Mỹ và Xuân Trường. Giai đoạn 2021-2030: một số KCN, CCN được mở rộng, thành lập mới: KCN Cẩm Mỹ, KCN Xuân Quế - Sông Nhạn,...
- Vùng 4 (vùng phía Đông Bắc): gồm các huyện Định Quán và huyện Tân Phú. Hiện tại, phụ tải vùng 4 được cung cấp điện từ các TBA 110kV Định Quán, Tân Phú.

#### 2.2. Phương án phát triển các nguồn phát điện và các nguồn cấp điện cho tỉnh từ hệ thống truyền tải điện quốc gia

Nguồn phát điện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

	Công suất đặt, MW	Địa điểm	Giai đoạn
TĐ Trị An mở rộng	200		2021-2025
TĐ Phú Tân 1	28	H.Định Quán	
TĐ Phú Tân 2	93	H.Định Quán	
TĐ Thanh Sơn	40	H.Định Quán	
TĐ Thác Trời	16	H. Định Quán	

Nguồn cấp điện cho tỉnh Đồng Nai từ hệ thống truyền tải điện quốc gia

- Cải tạo, nâng công suất Trạm 500kV Sông Mây (2x600MVA): giai đoạn 2016-2020: nâng công suất máy AT1 (600MVA+900MVA); giai đoạn 2021-2030: nâng công suất máy AT2 (600MVA+900MVA): nâng tổng công suất trạm lên 2x900MVA;
- Xây mới Trạm 500kV Long Thành và Trạm 500kV Đồng Nai 2.

Phương án phát triển lưới điện

Căn cứ vào kết quả dự báo phụ tải, các nguồn 110kV hiện hữu và kế hoạch. Thực hiện cân đối nguồn-phụ tải 110kV. Kết quả cho thấy, nguồn 110kV hiện hữu và kế hoạch



đáp ứng đủ nhu cầu phụ tải cho giai đoạn 2021-2030 và có dự phòng cho phát triển giai đoạn tiếp theo. Phát triển lưới điện theo 4 vùng phụ tải.

### **3. Phương án phát triển hạ tầng mạng lưới viễn thông**

Tổ chức sắp xếp hợp lý mạng lưới các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở; chú trọng hiệu quả hoạt động, đổi mới mô hình quản lý, cách thức tổ chức, vận hành; đa dạng hóa phương thức cung cấp nội dung và hoạt động kinh doanh sản xuất; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, phát triển nguồn nhân lực; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nhu cầu thông tin của người dân, đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng, theo kịp khả năng và trình độ phát triển thông tin của vùng, quốc gia và xu hướng phát triển thế giới.

Xây dựng và phát triển mô hình cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện, giữ vững vai trò thông tin chủ đạo, định hướng dư luận; đưa tin xác thực; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền đường lối, chính sách của đảng và nhà nước.

Xây dựng một nền xuất bản, in và phát hành hàng đầu khu vực cả về trình độ phát triển công nghệ, chất lượng dịch vụ, khả năng thích ứng, cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng hàng hóa của địa phương và khu vực; nâng cao mức thụ hưởng sách, đồng hành cùng xã hội học và xây dựng thành công văn hóa đọc của địa phương làm nên tăng phát triển văn hóa đọc của người Việt Nam.

Xây dựng và phát triển thông tin điện tử trở thành một trong các kênh truyền tải thông tin chủ lực trong tuyên truyền chủ chương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận xã hội, phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Phát triển mạng lưới thông tin cơ sở hiện đại, đồng bộ thống nhất từ Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện đến xã, phường, thị trấn trong một hệ sinh thái thông tin đa ngành, đa lĩnh vực, tương tác và phản ánh nhanh nhạy trước những tác động của đời sống kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ đất nước.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, tạo dựng sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các địa phương với địa phương khác trong vùng, giảm thiểu sự bất bình đẳng giữa các vùng, miền; bảo đảm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương và lợi ích hội nhập vùng, quốc tế.

### **4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước – thoát nước**

#### **4.1. Hạ tầng thủy lợi cấp nước**

Giai đoạn đến 2030, đầu tư xây dựng mới 72 công trình thủy lợi, sửa chữa nâng cấp công trình hiện có 18 công trình thủy lợi, đầu tư sửa chữa, nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương 60 công trình trình thủy lợi, tổng kinh phí đầu tư khoảng 25.654.727 triệu đồng, trong đó vốn Trung ương khoảng 740.550 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh khoảng 23.373.332 triệu đồng (bao gồm: Khoảng 23.373.332 triệu đồng, từ nguồn vốn đầu tư công tỉnh; khoảng 36.000 triệu đồng, từ nguồn kinh phí sự nghiệp tỉnh); vốn ngân sách huyện khoảng 1.012.416 triệu đồng; vốn xã hội hóa khoảng 528.429 triệu đồng.

#### **4.2. Hạ tầng thủy lợi tiêu thoát nước**

Giải pháp tiêu thoát nước chủ yếu cho các lưu vực sông ở tỉnh Đồng Nai là chủ động tiêu thoát nước bằng các kênh rạch tự nhiên kết hợp nạo vét mở rộng nhằm đảm bảo năng lực tiêu thoát. Cần thực hiện một số giải pháp sau:

- **Nâng cấp sửa chữa công trình hiện có:** Các công trình hiện nay bị bồi lấp nên khả năng tiêu thoát bị giảm. Để đảm bảo cho các công trình đạt năng lực thiết kế cần phải nâng cấp, sửa chữa các công trình đã bị xuống cấp.
- **Xây dựng công trình tiêu mới:** Xây dựng các công trình tiêu mới tại các khu vực bị ngập úng do chưa có công trình tiêu. Các công trình này chủ yếu là nạo vét mở rộng các kênh rạch hiện có nhưng đã bị bồi lấp, lấn chiếm, mở rộng khẩu độ các cầu, cống qua đường nhằm đảm bảo khả năng tiêu thoát.

## VI. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI

### 1. Phương án phát triển cơ sở dịch vụ việc làm

Giữ nguyên hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh. Khuyến khích các cơ sở dịch vụ việc làm ngoài công lập phát triển, mở rộng quy mô hoạt động.

Tập trung phát triển thị trường lao động, nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Giới thiệu việc làm: Tăng cường hoạt động của các sàn giao dịch việc làm, củng cố và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, phát triển các dịch vụ về đào tạo, tìm kiếm, giới thiệu việc làm thông qua xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ứng dụng công nghệ thông tin triệt để và có hiệu quả (Website để người lao động truy cập trực tuyến-online), mạng lưới này sẽ thực hiện chức năng làm cầu nối liên kết giữa cung và cầu lao động, giữa người lao động, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp sử dụng lao động.

Đầu tư nâng cấp Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Nai theo hướng hiện đại, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động. Trở thành một kênh cung cấp các dịch vụ việc làm uy tín cho người lao động trong và ngoài tỉnh.

Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ việc thu thập, lưu trữ số liệu, phân tích và dự báo về cung - cầu lao động phục vụ yêu cầu quản lý, phân tích, chia sẻ, công bố thông tin về thị trường lao động.

### 2. Phương án phát triển nhà ở

Trong giai đoạn 2021-2025, các huyện, thành phố có đông công nhân cần sớm khởi công 2-3 dự án nhà ở xã hội để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nhà ở cho người dân. Đồng thời, các địa phương cũng cần bố trí quỹ đất để đầu thầu, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng các dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân.

Khuyến khích cộng đồng dân cư quanh vùng có Khu công nghiệp vận dụng thiết kế mẫu các nhà ở đạt chuẩn, xây dựng thống nhất phù hợp với khả năng đầu tư và nhu cầu tối thiểu của người lao động.

Cho phép thành lập quỹ nhà ở cho người lao động làm việc trong các Khu công nghiệp nhằm hỗ trợ tiền thuê, mua nhà cho người lao động trong Khu công nghiệp. Quỹ này được hình thành trên cơ sở đóng góp từ Doanh nghiệp và ngân sách địa phương.

## VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP

## HUYỆN

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 có 431.326ha, chiếm 73,56% tổng diện tích tự nhiên, giảm 32.469ha so với năm 2020.

- Đất trồng lúa: 18.597ha, chiếm 4,31% diện tích đất nông nghiệp, giảm 4.394ha so với năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ
- Đất rừng phòng hộ: 30.242ha, chiếm 7,01% tổng diện tích đất nông nghiệp, giảm 3.570ha so với năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ
- Đất rừng đặc dụng: 114.018ha, chiếm 26,43% diện tích đất nông nghiệp, tăng 11.752ha so với hiện trạng năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ.
- Đất rừng sản xuất: 26.122ha (Trong đó: Diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 12.480ha), chiếm 6,06 % diện tích đất nông nghiệp, giảm 9.048ha so với hiện trạng năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ.

Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 có 155.027ha, chiếm 26,44% tổng diện tích tự nhiên, tăng 32.469ha so với năm 2020:

- Đất quốc phòng: 13.350ha, chiếm 8,61% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 668ha so với năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ;
- Đất an ninh: 1.308ha, chiếm 0,84% tổng diện tích đất phi nông nghiệp, thực tăng 89ha so với năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ;
- Đất khu công nghiệp: 18.543ha, chiếm 11,96 % tổng diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 9.868ha so với năm 2020, phù hợp với chỉ tiêu cấp quốc gia phân bổ

## VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

### 1. Phương án phân bổ không gian vùng liên huyện

Phân chia lãnh thổ tỉnh làm 3 tiểu vùng động lực, trên cơ sở kế thừa QHT 2014, dựa trên ranh giới hành chính huyện, xã hiện có:

Vùng I (phía Tây): công nghiệp, thương mại, dịch vụ gắn với đô thị hóa quy mô lớn làm động lực chủ đạo. Địa bàn chủ yếu từ Vành đai 4 (tương lai) mở sang phía Tây ra đến sông Đồng Nai, có lõi kép là thành phố Biên Hòa và KKT Long Thành. Cơ bản kế thừa cách phân vùng của QHT 2014. Bên cạnh đó, nhập thêm các xã có tiềm năng đô thị hóa - công nghiệp hóa cao, gồm: Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tâm, Tân An, Vĩnh Tân, Trị An và thị trấn Vĩnh An của huyện Vĩnh Cửu; các xã Lộ 25, Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, và thị trấn Dầu Giây của huyện Thống Nhất; các xã Thừa Đức, Sông Nhạn của huyện Cẩm Mỹ.

Vùng II (phía Đông): lấy phát triển nông nghiệp cùng đô thị hóa quy mô vừa và nhỏ làm động lực chủ đạo. Địa bàn chủ yếu phía Nam hồ Trị An, phía Tây Vành đai 4. Lấy Long Khánh làm đô thị trung tâm. Cơ bản kế thừa cách phân vùng của QHT 2014. Bên cạnh đó, nhập thêm các xã Suối Nho, Phú Túc, Túc Trung, Phú Cường, La Ngà của huyện Định Quán.

Vùng III (phía Bắc): lấy bảo tồn, phát triển các giá trị sinh thái đặc trưng bản địa, gắn với đô thị hóa quy mô nhỏ làm động lực chủ đạo. Địa bàn chủ yếu nằm ở phía Bắc hồ Trị An và sông La Ngà. Lấy vành đai đô thị du lịch quanh Hồ Trị An và tuyến đô thị QL.20 làm trung tâm. Cơ bản kế thừa cách phân vùng của QHT 2014. Bên cạnh đó,

giảm bớt các xã phía Nam hồ Trị An đã tính vào 2 phân vùng công lại (như trình bày ở trên).

Căn cứ vào phương án phân vùng đó, và căn cứ vào các luận điểm về nhận diện các vấn đề liên huyện nêu trên, có thể xác định 02 vùng liên huyện cần được giải quyết trong QHT Đồng Nai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, là:

Vùng liên huyện phía Đông (tỉnh Đồng Nai): thuộc tiểu vùng II, gồm 03 huyện Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, và Thống Nhất.

Vùng liên huyện phía Bắc (tỉnh Đồng Nai): thuộc tiểu vùng III, gồm 03 huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu và Định Quán

## 2. Phương án phân bố không gian vùng huyện

Phân bố không gian vùng huyện theo 11 đơn vị hành chính cấp huyện: Tp. Biên Hòa, Tp. Long Khánh, Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, Long Thành, Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Xuân Lộc

## IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

### 1. Phương án bảo vệ môi trường tại các vùng

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt
  - Tiếp tục quản lý bảo vệ có hiệu quả khu hệ động, thực vật hiện có.
  - Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào quản lý ĐDSH.
  - Chỉ chấp thuận dự án đầu tư sinh thái, vì mục đích bảo tồn và sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường.
  - Không quy hoạch, phát triển dự án khai thác khoáng sản. Xây dựng kho chứa hóa chất độc hại, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu có yếu tố độc hại đối với môi trường. Xây dựng cơ sở xử lý, bãi chôn lấp, vị trí thải bỏ chất thải rắn, cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh chất ô nhiễm độc hại, có hoạt động xâm hại đến các đối tượng, yếu tố cần bảo vệ nghiêm ngặt.
  - Sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, bảo tồn tài nguyên động, thực vật, đặc biệt là các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm.
- Vùng hạn chế phát thải
  - Phát triển kinh tế xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đệm. Thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích cho cộng đồng vùng đệm.
  - Phát triển đô thị, cụm dân cư hài hòa với cảnh quan môi trường, có cơ sở hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý nước thải. Tỷ lệ cây xanh/diện tích tự nhiên cao.
  - Bảo vệ chất lượng nước sông, hồ, kiểm soát ô nhiễm đất và nước do chất thải công nghiệp, nông nghiệp gây ra.
  - Khuyến khích đầu tư các dự án xanh, du lịch sinh thái, hạn chế phát thải theo hướng gắn kết phát triển hài hòa về mặt môi trường, cảnh quan các khu đô thị.
  - Hạn chế quy hoạch, phát triển dự án đầu tư xâm hại lớn đến đối tượng cần bảo vệ, phát thải lượng lớn chất ô nhiễm độc hại. Các dự án đầu tư trong vùng hạn chế tác động phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường, phải được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp phép về giá trị giới hạn và tổng lượng thải chất ô nhiễm độc hại ra môi trường và chịu sự giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt về môi trường đó.
- Các vùng khác

- Ngăn ngừa ô nhiễm do hoạt động các cơ sở sản xuất trong KCN, CCN, làng nghề, các cơ sở sản xuất xen kẽ trong khu dân cư, bảo vệ chất lượng nước mặt và chất lượng không khí khu đô thị, khu dân cư.
- Xây dựng đô thị, KCN theo hướng “xanh và sạch”. Gia tăng diện tích cây xanh ở các KCN, đảm bảo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng.
- Tập trung xây dựng, sử dụng có hiệu quả các KCN, CCN đã được quy hoạch, hạn chế mở rộng vào đất đô thị, đất nông nghiệp. Mỗi KCN, CCN có trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước thải công nghiệp.
- Các cơ sở sản xuất trong KCN phải đảm bảo lắp đặt hệ thống xử lý chất thải và xử lý đạt quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Kiểm soát, giám sát nghiêm ngặt các nguồn thải và chất lượng nước thải, khí thải, chất lượng môi trường chung quanh đối với các cơ sở CN trong các KCN.
- Thường xuyên thực hiện quan trắc chất lượng không khí, nước mặt, nước dưới đất. Cảnh báo sớm các vấn đề ô nhiễm môi trường ở các KCN (nếu có).

## **2. Phương án bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học**

- Giữ nguyên hiện trạng các HST hiện tỉnh Đồng Nai đã đưa vào bảo tồn gồm: HST rừng tự nhiên, trong đó có HST rừng kín thường xanh cây lá rộng hoặc nửa rụng lá, HST rừng tre nứa, cau, dừa ở VQG Cát Tiên, KBT TN – VH Đồng Nai, RPH 600, RPH Tân Phú và HST RNM ở RPH Nhơn Trạch - Long Thành.
- Quy hoạch bổ sung thêm việc bảo vệ các HST tự nhiên không thuộc HST rừng gồm các HST trảng cỏ, cây bụi, HST thủy vực tại các hồ và hành lang sông, suối nhằm bảo vệ các HST này trước áp lực phát triển KT-XH thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

## **X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

### **1. Định hướng thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản**

Tiếp tục rà soát các quy hoạch về khoáng sản hiện có và khảo sát các khu vực có tiềm năng đề xuất bổ sung quy hoạch mới các mỏ đảm bảo đáp ứng nhu cầu về khoáng sản cho các dự án trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

- Các khu vực thăm dò khoáng sản. Các khu vực khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, chưa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.
- Các khu vực khai thác khoáng sản. Các khu vực khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy khai thác khoáng sản theo trữ lượng khoáng sản đã được thăm dò, phê duyệt tại Phụ lục 02 kèm theo Phương án.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh thắng và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
- Phát huy lợi thế về tài nguyên khoáng sản, đẩy mạnh phát triển công nghiệp khai khoáng gắn liền với phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và giải quyết ô nhiễm môi



trường sinh thái theo hướng hiện đại, tiết kiệm tài nguyên; giảm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thô, ưu tiên phát triển khai thác gắn liền chế biến, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản nhằm khai thác triệt để, tiết kiệm, nâng cao hiệu quả, giá trị nguồn tài nguyên khoáng sản của thành phố. Đầu tư công nghệ và xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm môi trường, giảm thiểu các tác động tới môi trường trong khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản

## 2. Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản

### 2.1. Các khu vực cấm

- Đá xây dựng: Đã khoanh định được 41 khu vực cấm hoạt động khoáng sản, có tổng diện tích 4.037,95 ha, tài nguyên dự báo 1.266,39 triệu m<sup>3</sup>.
- Sét gạch ngói: Đã khoanh định được 58 khu vực cấm hoạt động khoáng sản, có tổng diện tích 4.715,59 ha, tài nguyên dự báo 218,28 triệu m<sup>3</sup>.
- Cát xây dựng: Khu vực cấm thuộc sông Đồng Nai, từ điểm cách cầu Hóa An 1km về phía thượng nguồn đến điểm cách cầu Đồng Nai 1km về phía hạ nguồn. Cát trên bờ có 01 khu vực cấm (mỏ cát Xuân Hưng) có diện tích 773,37 ha, tài nguyên dự báo 19,33 triệu m<sup>3</sup>.
- Puzolan: Do puzolan thường phân bố chung với đá xây dựng có nguồn gốc bazan nên các khu cấm được đưa vào chung với đá xây dựng. Chỉ còn một khu vực cấm tại mỏ puzolan Vĩnh Tân có diện tích 62,77 ha, tài nguyên dự báo 13,62 triệu tấn.
- Vật liệu san lấp: 42 khu vực, tổng diện tích 2.264,45ha tài nguyên dự báo khoảng 65,15 triệu m<sup>3</sup>.

### 2.2. Các khu vực tạm cấm

- Cát xây dựng: Sông Đồng Nai đoạn từ đập thủy điện Trị An xuống hạ nguồn ((trừ đoạn từ điểm cách cầu Hóa An 01 km về phía thượng nguồn đến điểm cách cầu Đồng Nai 01 km về phía hạ nguồn thuộc quy hoạch cấm khai thác).
- Vật liệu san lấp: Cát nhiễm mặn thuộc hệ thống các sông: Nhà Bè, Đồng Tranh, Lòng Tàu.

## XI. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

### 1. Phương án khai thác, phân bổ tài nguyên nước

Quản lý, phân phối, khai thác, sử dụng nguồn nước đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân dùng nước, giữa thượng lưu và hạ lưu, cấp đủ nước cho các ngành kinh tế, ưu tiên đảm bảo 100% nước cấp cho sinh hoạt, các ngành sản xuất công nghiệp có hiệu quả kinh tế cao. Bảo vệ tài nguyên nước không bị ô nhiễm, suy thoái cạn kiệt, bảo vệ chức năng nguồn nước. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai.

Việc điều hoà, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng phải căn cứ vào quy hoạch lưu vực sông, tiềm năng thực tế của nguồn nước, bảo đảm nguyên tắc công bằng, hợp lý và ưu tiên về số lượng, chất lượng cho nước sinh hoạt.

Trong trường hợp thiếu nước, việc điều hoà, phân phối phải ưu tiên cho mục đích

sinh hoạt; các mục đích sử dụng khác được điều hòa, phân phối theo tỷ lệ quy định trong quy hoạch lưu vực sông và bảo đảm nguyên tắc công bằng, hợp lý. Từ các cơ sở và phân tích nêu trên, quy hoạch đưa ra quy tắc ưu tiên trong chia sẻ, phân bổ và khai thác sử dụng tài nguyên nước theo thứ tự sau:

- 1) Bảo đảm đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng lẫn chất lượng.
- 2) Bảo đảm nước cho duy trì hệ sinh thái thủy sinh trong sông đặc biệt là sau các hồ chứa, đập dâng lớn (đảm bảo dòng chảy môi trường). Trong giai đoạn quy hoạch chỉ đảm bảo nước duy trì cho hệ sinh thái thủy sinh ở mức tối thiểu.
- 3) Bảo đảm yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, đặc biệt cho các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp.
- 4) Các ngành dùng nước còn lại như tưới và thủy sản sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hợp lý tùy thuộc khả năng nguồn nước.

## **2. Phương án bảo vệ tài nguyên nước**

Ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái số lượng và chất lượng tài nguyên nước của các nguồn nước trên địa bàn tỉnh cũng như trên toàn lưu vực Hệ thống sông;

Bảo vệ khả năng tái tạo của nguồn nước đặc biệt là việc trồng và bảo vệ rừng, bảo vệ chất lượng nước đáp ứng yêu cầu sử dụng của con người và sự sống của thủy sinh vật.

Bảo đảm an ninh về nước cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Khai thác nước dưới đất (NDD) phải gắn liền với công tác bảo vệ nguồn nước, đặc biệt là phòng và chống ô nhiễm các tầng chứa nước nằm nông, xâm nhập mặn giữa do thấm xuyên và xâm nhập mặn từ bên sườn.

Quản lý khai thác nguồn NDD mặn cho các mục đích sử dụng đảm bảo không làm mặn hóa lớp đất bề mặt, nguồn nước mặt, không gây xâm nhập mặn các tầng chứa nước nhạt.

## **3. Phương án phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

Mục tiêu chính của là dự báo các thay đổi bất lợi do nước gây ra trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm: Kiểm soát lũ, triều tạo nguồn cấp nước và tiêu nước, bảo vệ an toàn và phục vụ sản xuất của các ngành kinh tế; bảo vệ an toàn các công trình hạ tầng văn hóa, xã hội, các khu dân cư, đô thị; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; góp phần phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống của người dân.

Các giải pháp công trình:

- Chủ động nâng cấp các công trình đê ở vùng ven sông Đồng Nai và sông La Ngà nhằm giảm thiểu tác hại của lũ thượng nguồn.
- Xây dựng các tuyến đê ven sông Đồng Nai để bảo vệ lũ do xả hồ Trị An trong thời kỳ có triều cường. Đối với khu vực trũng thấp mà không thể làm đê cần nâng cao nền lên cao hơn mực nước ngoài sông.
- Trên cơ sở quy hoạch nông nghiệp và các ngành kinh tế tiến hành tính toán và xây dựng các công trình hồ chứa, đập dâng và trạm bơm để đảm bảo cấp nước cho các ngành kinh tế.

- Nâng cấp các công trình hiện có để tăng khả năng trữ nước.
- Tại những vùng sạt lở trọng điểm nguy hại trực tiếp đến người dân đặc biệt là những vùng đô thị cần các loại hình kè lát mái bảo vệ.
- Đối với những vùng bờ bị xói quá dài, phương pháp bảo vệ trực tiếp có khối lượng công việc quá lớn hoặc do các điều kiện khác khó thực hiện, ta dùng giải pháp công trình chuyển hướng chảy. Giải pháp này thường dùng hệ thống mô hàn hướng dòng hoặc đào luồng, cắt dòng hay đập ngăn, gây bồi lấp lạch.

Các giải pháp phi công trình:

- Tăng cường trồng và bảo vệ, quản lý rừng nhất là rừng đầu nguồn trong đó đặc biệt tập trung quan tâm bảo vệ vùng dự trữ sinh quyển thế giới Đồng Nai;
- Xây dựng trình phê duyệt và giám sát tuân thủ quy trình vận hành liên hồ và các hồ chứa trên lưu vực sông;
- Kiểm soát ô nhiễm nhằm đảm bảo nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước;
- Đảm bảo khai thông dòng chảy, duy trì lượng nước đầy mặn nhằm kiểm soát xâm nhập mặn;
- Tăng cường biện pháp quản lý các hoạt động khai thác cát sỏi, nạo vét luồng lạch chống xói lở và mất ổn định lòng sông; nâng cao năng lực phòng tránh của cư dân vùng bãi và ven sông;
- Tăng cường năng lực và hiệu quả công tác dự báo cảnh báo các thiên tai do nước gây ra.

## **XII. PHƯƠNG ÁN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

### **1. Nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai**

Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của người đứng đầu địa phương và của toàn dân, toàn xã hội.

Phòng, chống thiên tai thực hiện theo hướng quản lý rủi ro tổng hợp theo lưu vực, liên vùng, liên ngành; xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình phải đánh giá đầy đủ các tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai.

Phòng, chống thiên tai phải lấy phòng ngừa là chính, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” gắn với xây dựng cộng đồng an toàn, nông thôn mới.

Kết hợp giải pháp công trình và phi công trình, theo hướng đa mục tiêu.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

Bảo đảm thực thi các cam kết quốc tế về phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai mà tỉnh và nhà nước tham gia.

Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của ngành, của địa phương; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch, yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

### **2. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và nhà nước; từng bước góp phần xây dựng quốc gia có

khả năng quản lý rủi ro thiên tai; cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng

### **XIII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

#### **1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

Căn cứ vào phương án tăng trưởng theo kịch bản kỳ vọng, dự báo nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh lũy kế đến năm 2030 theo giá hiện hành khoảng 2.344.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 99 tỷ USD). Trong đó: giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 680.000 tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 1.664.000 tỷ đồng.

Để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu phát triển tỉnh đòi hỏi huy động một lượng vốn đầu tư rất lớn. Trong đó, đặc biệt là huy động và sử dụng vốn phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh. Các giải pháp huy động vốn đầu tư sẽ trở thành điểm quyết định của quy hoạch tỉnh. Để đáp ứng được nhu cầu đầu tư như trên cần phải có hệ thống biện pháp huy động vốn một cách rất tích cực và tập trung, tạo ra sự “bùng nổ” trong đầu tư phát triển sản xuất. Vì vậy, nhiều giải pháp để huy động vốn từ mọi nguồn khác nhau nhằm huy động mức vốn còn lại phải được xác định như một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

#### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, đánh giá, khen thưởng theo Đề án vị trí việc làm và Hợp đồng lao động, quy định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân. Xây dựng chính quyền kiến tạo. Khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.
- Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động.
- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác với doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thiết kế chương trình, nội dung đào tạo và trực tiếp đào tạo, sử dụng nhân lực. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu xã hội.
- Phát triển thị trường lao động phát huy hiệu quả lợi thế so sánh. Tổ chức các sự kiện cho người tìm kiếm việc làm như hội chợ việc làm, lễ tốt nghiệp ở trường đại học... để thu hút nhân tài.
- Thu hút các cơ sở giáo dục tư thục có chất lượng cao; Tổ chức các khóa đào tạo hoặc hình thành các trường học theo cơ chế hợp tác giữa nhà nước và tư nhân; Tổ chức các khóa học ngắn hạn.
- Thu hút lực lượng lao động từ ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu, nhất là các ngành dịch vụ vận tải, logistics, thương mại du lịch...
- Xây dựng tổ hợp giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai đặt trong khu kinh tế sân bay Long Thành để tận dụng khả năng kết nối tốt, và không quá xa các KCN đang trong quy hoạch để đón đầu nhu cầu về nguồn lao động.

#### **3. Giải pháp về cơ chế, chính sách, liên kết phát triển**

- Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển, hai bên cùng có lợi trên một số lĩnh vực như phát triển hạ tầng kết nối (giao thông) các dịch vụ du lịch, chăm sóc sức khỏe,...

- Liên kết trên các lĩnh vực chủ yếu sau: Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; Xúc tiến thương mại và đầu tư; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; Phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; Phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học; Phát triển công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, xây dựng các khu, cụm công nghiệp...); Cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho vùng phục vụ cho công tác dự báo, thu hút đầu tư và phối hợp phát triển; Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

#### 4. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Triển khai thực hiện dự án xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý không gian các hoạt động kinh tế - xã hội và đô thị - nông thôn
- Giải pháp về đất đai (tạo không gian cho các hoạt động KTXH và đô thị - nông thôn). Nghiên cứu mô hình “Điều chỉnh đất đai” là phương pháp phát triển đất do một nhóm có quyền sử dụng đất phối hợp để kết hợp đất đai của riêng mỗi người và phân chia lại cho từng người theo quy hoạch đô thị nhằm thực hiện được các yêu cầu như quy hoạch đề ra như: xây dựng hệ thống hạ tầng, xây dựng vườn hoa, trường học.... Đảm bảo quỹ đất cho các hoạt động kinh tế - xã hội và đô thị - nông thôn.
- Cải thiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất, phân bổ sử dụng đất và kiểm soát đất thông qua: (i) lồng ghép, tích hợp các phương án bố trí không gian các hoạt động kinh tế - xã hội (các ngành, lĩnh vực) với phương án sử dụng đất trong một bản quy hoạch cấp tỉnh duy nhất; (ii) cải cách quy trình đấu thầu/đấu giá trong việc phân bổ sử dụng đất, đảm bảo rằng giá trị đất đai thể hiện giá cả thị trường; (iii) minh bạch và trách nhiệm trong quản lý đất đai theo quy định pháp luật; (iv) quản lý chuyên nhượng đất đai hiệu quả bằng cách xóa bỏ những rào cản hành chính, đảm bảo áp dụng các nguyên tắc kinh tế thị trường trong việc sử dụng, phân bổ và chuyển nhượng đất.

#### 5. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính
- Thường xuyên cập nhật, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch
- Tăng cường phối hợp thực hiện
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện
- Phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện. Công khai cho dân biết các khu vực quy hoạch bố trí không gian các hoạt động kinh tế - xã hội (kết cấu hạ tầng, các vùng sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp...; Công khai các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ được ưu tiên khuyến khích phát triển.
- Cụ thể hoá các nội dung quy hoạch vào các chương trình nghị sự, chương trình làm việc của các cấp ủy, chính quyền cơ sở



**PHỤ LỤC****PHỤ LỤC 1. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG****Bảng 1: Hệ thống đô thị định hướng đến năm 2030**

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
1	TP Biên Hòa (ĐT loại I)	Nằm phía Tây Bắc tỉnh Đồng Nai, là TP 2 bên sông Đồng Nai - Phía Đông giáp huyện Trảng Bom - Phía Tây giáp TP Dĩ An và TX Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - Phía Nam giáp huyện Long Thành và TP Thủ Đức - Phía Bắc giáp huyện Vĩnh Cửu Khoảng cách: - Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 30 km - Cách thành phố Vũng Tàu 90 km	TP Biên Hòa (vượt chuẩn Đô thị loại I, Đạt chuẩn khu ĐT trung tâm đô thị ĐB thuộc TW)	- Đô thị tổng hợp cấp vùng - Trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, dịch vụ, khoa học kỹ thuật của tỉnh Đồng Nai - Một trong các trung tâm lớn của cả nước về phát triển công nghiệp, văn hóa, TM-DV-DL, KH-CN và đào tạo; - Đầu mối giao lưu quan trọng của vùng KTTĐPN, vùng Đông Nam Bộ - Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng
2	TP Long Khánh	Nằm ở phía đông tỉnh Đồng Nai - Cách thành phố Biên Hòa 47 km - Cách thành phố Vũng Tàu 75 km - Cách thành phố Phan Thiết 115 km - Cách TPHCM 72 km Phạm vi: - Phía đông và ĐB giáp h. Xuân Lộc - Phía tây và TB giáp h. Thống Nhất	TP Long Khánh (Đô thị loại II)	Đô thị trung tâm vùng phía Đông tỉnh Cực phía Đông vùng đô thị TPHCM Trung tâm công nghiệp, công nghiệp phụ trợ trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; trung tâm giao thương hàng hóa và kho vận nông lâm sản của tỉnh; trung tâm du lịch sinh thái nông nghiệp, văn hóa lịch sử cấp vùng, đồng thời là đầu mối giao thông của vùng

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía nam giáp h. Cẩm Mỹ</li> <li>- Phía bắc giáp h. Định Quán.</li> </ul> GT vùng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường sắt BN, QL.1, QL.56</li> <li>- CT Dầu Giây - Phan Thiết</li> <li>- CT TPHCM - Long Thành - Dầu Giây - Liên Khương</li> </ul>		Cửa ngõ giao thương liên kết các tỉnh trong vùng Đông Nam bộ và Tây nguyên.
3	Huyện Nhơn Trạch	Nằm ở phía tây nam tỉnh Đồng Nai <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách trung tâm TPHCM 30 km, cách TP Biên Hòa 40 km</li> <li>- 3 mặt giáp sông Đồng Nai, Nhà Bè, Lòng Tàu, Đồng Tranh và Thị Vải</li> </ul> Giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía đông giáp huyện Long Thành và thị xã Phú Mỹ, BRVT (sông Thị Vải)</li> <li>- Phía tây giáp Quận 7 và huyện Nhà Bè, TPHCM (sông Nhà Bè)</li> <li>- Phía nam giáp huyện Cần Giờ, TPHCM (sông Lòng Tàu, Đồng Tranh, Gò Gia)</li> <li>- Phía bắc giáp thành phố Thủ Đức, TPHCM (sông Đồng Nai) và giáp huyện Long Thành</li> </ul>	TP Nhơn Trạch (Đô thị loại II)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm tổng hợp cấp tỉnh</li> <li>- Đô thị vệ tinh vùng TPHCM, trung tâm công nghiệp sạch, công nghiệp đa ngành, đổi mới sáng tạo, dịch vụ công nghiệp và Logistics, trung tâm giải trí và du lịch cảnh quan sinh thái của vùng</li> <li>- Đầu mối giao thông vùng, cực phát triển trọng điểm phía Đông vùng, cửa ngõ kết nối quốc tế</li> </ul>
4	Huyện Long Thành	Nằm ở phía nam tỉnh Đồng Nai, cách trung tâm TPHCM khoảng 32 km, cách trung tâm	TP Long Thành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu kinh tế cửa ngõ quốc gia</li> <li>- Trung tâm tổng hợp cấp vùng</li> <li>- Đô thị vệ tinh đối trọng vùng TPHCM, trung</li> </ul>

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
		<p>TP Biên Hòa khoảng 24 km, cách TP Vũng Tàu khoảng 60 km:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía đông giáp huyện Cẩm Mỹ và giáp huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</li> <li>- Phía tây giáp thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (qua sông Đồng Nai) và giáp huyện Nhơn Trạch</li> <li>- Phía nam giáp thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu</li> <li>- Phía bắc giáp thành phố Biên Hòa và các huyện Trảng Bom, Thống Nhất.</li> </ul>	(Đô thị loại III)	<p>tâm công nghiệp sạch, công nghiệp đa ngành, đổi mới sáng tạo, dịch vụ công nghiệp và logistics, trung tâm giải trí và du lịch cảnh quan sinh thái của vùng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu mối giao thông vùng, cực phát triển trọng điểm phía Đông vùng</li> </ul>
5	Huyện Trảng Bom	<p>Là huyện trung du của tỉnh Đồng Nai, cách TPHCM 50 km, cách TP Biên Hòa 28 km.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía Bắc giáp huyện Vĩnh Cửu</li> <li>- Phía Nam giáp huyện Long Thành</li> <li>- Phía Đông giáp huyện Thống Nhất</li> <li>- Phía Tây giáp Thành Phố Biên Hòa</li> </ul> <p>Giao thông: QL.1A, QL.1K, CT HCM - Long Thành - Dầu Giây, ĐS &amp; đường sắt cao tốc Bắc - Nam, Metro 1 nối dài</p>	<p>Thị xã Trảng Bom</p> <p>(Đô thị loại III)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm đô thị, TMDV, công nghiệp, dịch vụ CN, logistics cấp tỉnh</li> <li>- Lan tỏa, hỗ trợ TP Biên Hòa trong vai trò trung tâm vùng tỉnh</li> <li>- Đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh</li> </ul>
6	Huyện Thống Nhất	<p>Là huyện trung du, nằm ở trung tâm tỉnh Đồng Nai. Cách TPHCM 75 km và Thành phố Biên Hòa 53 km.</p>	Thị xã Thống Nhất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm công nghiệp và dịch vụ đầu mối hạ tầng cấp vùng</li> <li>- Đô thị gắn với khu, cụm công nghiệp tập</li> </ul>

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía bắc giáp huyện Định Quán</li> <li>- Phía đông giáp TP Long Khánh</li> <li>- Phía nam giáp huyện Long Thành và huyện Cẩm Mỹ</li> <li>- Phía tây giáp huyện Trảng Bom.</li> </ul>	(Đô thị loại IV)	trung, du lịch giải trí, chợ đầu mối nông sản, thực phẩm trung tâm của tỉnh <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu mối giao thông của vùng</li> <li>- Trung tâm GD ĐT cấp vùng</li> <li>- Trung tâm nông nghiệp chuyên canh, ứng dụng công nghệ cao</li> </ul>
7	Huyện Vĩnh Cửu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyện nông thôn phía ĐB tỉnh, giáp ranh 2 tỉnh BD, BP</li> <li>- Có VQH, Hồ Trị An, sông ĐN</li> <li>- Có VĐ4, VĐ TP BH, ĐT.761</li> <li>- Có địa hình đa dạng, dt rừng lớn nhất, DTLS quốc gia, VH dân tộc bản địa, khí hậu cao nguyên, ngành nghề phong phú, cây trồng đặc hữu</li> </ul>	Huyện Vĩnh Cửu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển đô thị gắn với nông lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ du lịch;</li> <li>- Khu vực bảo vệ và phát triển rừng theo hướng đa mục tiêu, bảo tồn đa dạng sinh học</li> <li>- Khu vực bảo tồn bản sắc văn hóa Đồng Nai, trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái, cảnh quan</li> <li>- Tầm nhìn 2050: Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển theo đô thị sinh thái và vùng nông lâm nghiệp hiện đại, cân bằng và bền vững, có chất lượng cuộc sống tốt, hài hòa, thân thiện với môi trường.</li> </ul>
7.1	TTr Vĩnh An (V)	Thị trấn huyện lỵ	TTr Vĩnh An (VI)	Trung tâm HCCT, VHXH, DL và ANQP của huyện Vĩnh Cửu
7.2	Xã Phú Lý	Xã nông thôn, cạnh hồ Trị An, VQG Cát Tiên, ĐT.761	ĐT Phú Lý (V) 1 phần xã Phú Lý	Đô thị du lịch

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
				Cung cấp DV đô thị cho vùng SX nông lâm nghiệp phía Bắc hồ Trị An
7.3	5 xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân	Xã nông thôn ven sông Đồng Nai & TP Biên Hòa	ĐT Thạnh Phú (V) 1 phần các xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, Thạnh Phú, Thiện Tân	Đô thị CN-DV, Liên kết phía Bắc TP Biên Hòa với sông ĐN và tỉnh BD
8	Huyện Xuân Lộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Huyện nông thôn phía Đông tỉnh</li> <li>- Địa bàn có rừng đầu nguồn phòng hộ cho hồ thủy điện Trị An, sông Đồng Nai, vành đai nông, lâm nghiệp của tỉnh và vùng KTTĐPN</li> <li>- Vùng bảo vệ và phát triển rừng theo hướng đa mục tiêu, đặc biệt là khu bảo tồn thiên nhiên văn, hóa Đồng Nai.</li> <li>- Vùng trung tâm du lịch</li> </ul>	Huyện Xuân Lộc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyên canh, lâm nghiệp</li> <li>- Phát triển du lịch cảnh quan, trang trại, du lịch lịch sử, tâm linh</li> <li>- Khu vực có vai trò quan trọng trong chiến lược quốc phòng an ninh của Tỉnh và quốc gia</li> <li>- Phát triển đô thị gắn với khu công nghiệp tập trung, phát triển thương mại dịch vụ</li> <li>- Đến năm 2050, huyện vẫn đóng vai trò là vùng phát triển du lịch cảnh quan, du lịch trang trại, du lịch lịch sử - tâm linh; Tập trung nâng cao chất lượng đô thị, phát triển theo mô hình đô thị sinh thái thông minh và vùng nông lâm nghiệp hiện đại, phát triển cân bằng và bền vững</li> </ul>



TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
8.1	TTr Gia Ray	Thị trấn huyện lỵ	Đô thị Gia Ray mở rộng (TTr Gia Ray và 1 phần xã Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Tâm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm HCCT, VHXH, KT và ANQP của huyện Xuân Lộc</li> <li>- Đô thị trung tâm gắn kết công nghiệp – dịch vụ du lịch</li> </ul>
	Xã Xuân Hưng		Đô thị Xuân Hưng	
9	Huyện Tân Phú	<p>Huyện miền núi phía bắc tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía đông giáp huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận</li> <li>- Phía tây giáp các huyện Định Quán và Vĩnh Cửu</li> <li>- Phía nam giáp huyện Định Quán</li> <li>- Phía bắc giáp các huyện Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng và huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước</li> </ul> <p>Huyện lỵ là thị trấn Tân Phú nằm trên quốc lộ 20, cách thành phố Biên Hòa 110 km về hướng đông bắc và cách Thành phố Hồ Chí Minh 140 km</p>		<p>Cửa ngõ phía Bắc tỉnh Đồng Nai giao thương với tỉnh Lâm Đông và Tây Nguyên</p> <p>Thuộc vùng xa của tỉnh, có tiềm năng phát triển du lịch, kinh tế trang trại</p> <p>Một trung tâm kinh tế thương mại của vùng phía Bắc tỉnh Đồng Nai</p> <p>Bảo tồn rừng, nguồn nước, ĐDSH tỉnh</p> <p>Có bản sắc văn hóa lâu đời, nhiều làng nghề truyền thống</p> <p>Huyện nông thôn mới, thân thiện môi trường</p>

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
9.1	TTr Tân Phú	Thị trấn huyện lỵ	Đô thị Tân Phú	Trung tâm HCCT, VHXH, KT và ANQP của huyện Tân Phú
9.2	1 phần các xã Phú Lâm, Phú Bình, Phú Thanh		Đô thị Phú Lâm (1 phần các xã Phú Lâm, Phú Bình, Phú Thanh)	Trung tâm TMDV, VHXH phía Đông huyện Tân Phú
10	Huyện Định Quán			Hạt nhân trên hành lang đô thị vùng phía Bắc tỉnh Đồng Nai Trung tâm kinh tế, VH, KHKT của vùng phía Bắc tỉnh Trung tâm NN CNC, TMDV, CN chế biến nông lâm sản vùng kinh tế sinh thái của tỉnh Bảo tồn rừng, nguồn nước, ĐDSH tỉnh Cung cấp các công trình đầu mối vùng Có vị trí chiến lược về ANQP
10.1	TTr Định Quán		Đô thị Định Quán (TTr Định Quán + 1 phần các xã Phú Vinh, Phú	Trung tâm HCCT, VHXH, KT và ANQP của huyện Định Quán

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
			Lợi, Gia Canh)	
10.2	Xã La Ngà		Đô thị La Ngà (1 phần xã La Ngà)	Đô thị du lịch
10.3	1 phần các xã Túc Trung, Phú Cường		Đô thị Phú Túc (1 phần các xã Túc Trung, Phú Cường)	Đô thị du lịch
11	Huyện Cẩm Mỹ			Là cửa ngõ giao thương giữa tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Là vùng phát triển đô thị gắn với khu công nghiệp tập trung; phát triển thương mại dịch vụ; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyên canh kết hợp phát triển du lịch cảnh quan, trang trại, lịch sử, tâm linh và là khu vực có vai trò quan trọng trong chiến lược quốc phòng an ninh của tỉnh và quốc gia.
11.1	Ttr Long Giao + 1 phần các xã Nhân		Đô thị Long Giao (Ttr Long Giao và 1 phần các xã	Trung tâm HCCT, VHXH, KT và ANQP của huyện Cẩm Mỹ

TT	Hiện trạng	2021	Quy hoạch	2030
	Huyện/thị	Vị trí	Huyện/thị	Tính chất
	Nghĩa, Xuân Đường		Nhân Nghĩa, Xuân Quế, Xuân Đường)	
11.2	3 xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Cẩm Đường, Thừa Đức		Đô thị Sông Nhạn (1 phần các xã Sông Nhạn, Xuân Quế, Cẩm Đường, Thừa Đức)	Đô thị công nghiệp, DV phụ trợ sân bay Long Thành
11.3	Xã Bảo Bình		Đô thị Bảo Bình	
11.4	Xã Sông Ray		Đô thị Sông Ray	

## PHỤ LỤC 2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI

### 1. Định hướng phát triển hành lang kết nối vùng

#### I.1.1. Hành lang đường bộ

1/. Hành lang Bắc - Nam: là hàng lang vùng, quốc gia. Hành lang quan trọng của cả nước do QL.1 và cao tốc Bắc-Nam đảm nhận.

2/. Hành lang cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây: kết nối tỉnh Đồng Nai với các tỉnh Tây Nguyên;

3/. Hành lang QL.51, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu: kết nối tỉnh Đồng Nai với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hệ thống cảng biển nước sâu Cái Mép – Thị Vải.

4/. Hành lang cao tốc Dầu Giây – Liên Khương và Quốc lộ 20 kết nối với tỉnh Lâm Đồng.

5/. Hành lang đường Vành đai 4 kết nối tỉnh Đồng Nai với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Tp.HCM, Long An.

#### I.1.2. Hành lang đường thủy

Có 1 tuyến vận tải quốc gia đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai, hướng tuyến đi qua các sông Đồng Nai.

### 2. Định hướng phát triển giao thông quốc gia

#### I.1.3. Giao thông đường bộ

- Cập nhật theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

##### *Cao tốc:*

**1/. Cao tốc Bắc-Nam phía Đông (CT.01):** đoạn đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai, quy hoạch trước năm 2030 đạt tiêu chuẩn đường cao tốc quy mô 6-10 làn xe. Gồm các đoạn tuyến như sau:

- **Cao tốc Phan Thiết (Bình Thuận) - Dầu Giây (Đồng Nai):** Chiều dài tuyến 99km. Điểm đầu: tại km43+125,64 cao tốc Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây; Điểm cuối: giao đường từ QL.1 đi Thạnh Mỹ (Ba Bàu-Bình Thuận). Đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài khoảng 51 km Quy mô 6 làn xe, giai đoạn thực hiện trước năm 2030.

- **Cao tốc Dầu Giây - Long Thành (Đồng Nai):** Chiều dài đoạn tuyến này là 21km; Điểm đầu nút giao QL.51; Điểm cuối nút giao thông Dầu Giây. Quy mô 10 làn xe. Giai đoạn thực hiện trước năm 2030.

- **Cao tốc Long Thành (Đồng Nai) - Bến Lức (Long An):** Chiều dài tuyến 58,0 km, Điểm đầu giao cao tốc Hồ Chí Minh-Trung Lương ở xã Mỹ Yên-huyện Bến Lức; Điểm cuối giao cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu xã Phước Thái-huyện Long Thành. Đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 28,7 Km. Trên tuyến có 2 cầu dây



vãng lớn là Bình Khánh và Phước Khánh (Vượt sông Soài Rạp và Lòng Tàu).  
Quy mô 8 làn xe. Giai đoạn thực hiện trước năm 2030.

**2/. Cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.27):** chiều dài toàn tuyến 220 km.

*Đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 60 km; có điểm đầu Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Đồng Nai, điểm cuối Tân Phú, Đồng Nai; quy mô 4 làn xe; Giai đoạn thực hiện trước năm 2030.*

**3/. Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (CT.28):** chiều dài toàn tuyến 54 km, đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 34,6 km; quy hoạch trước năm 2030:

+ *Đoạn Biên Hòa - Long Thành: dài 17km, có điểm đầu Tp. Biên Hòa, điểm cuối Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Đồng Nai; quy mô 6 làn xe; giai đoạn thực hiện trước năm 2030.*

+ *Đoạn Long Thành - Tân Hiệp: dài 13km, điểm đầu Đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Đồng Nai, điểm cuối Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, Đồng Nai, quy mô 8 làn xe; giai đoạn thực hiện trước năm 2030.*

+ *Đoạn Tân Hiệp - thành phố Bà Rịa: dài 24 km, điểm đầu Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, Đồng Nai, điểm cuối giao Quốc lộ 56, thành phố Bà Rịa, quy mô 6 làn xe, đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 120 km/h, giai đoạn thực hiện trước năm 2030.*

**4/. Cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (Đồng Nai) (CT.29):** đoạn đi qua địa bàn tỉnh nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, dài 30km, quy hoạch trước năm 2030:

+ *Đoạn thành phố HCM - Long Thành: dài 16km, điểm đầu Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cuối Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, quy mô 10 làn xe.*

+ *Đoạn Long Thành - nút giao với cao tốc Bắc- Nam phía Đông: điểm đầu Đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, điểm cuối giao Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông: trùng cao tốc Bắc - Nam phía Đông.*

+ *Đoạn Nút giao với cao tốc Bắc - Nam phía Đông - Dầu Giây (Đồng Nai): điểm đầu Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Đồng Nai, điểm cuối nằm trong địa phận huyện Thống Nhất, Đồng Nai; dài 14km, quy mô 6 làn xe.*

**Đường vành Đai:**

**1/. Vành Đai 3 (CT.40):** có chiều dài 92km; điểm đầu đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Nhơn Trạch, Đồng Nai; điểm cuối đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, Bến Lức, Long An; đoạn đi trên địa phận tỉnh Đồng Nai dài khoảng 11,26 km; quy mô

8 làn xe; quy hoạch trước năm 2030. Đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 100 km/giờ.

**2/. Vành Đai 4 (CT.41):** có chiều dài 199km; điểm đầu đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu; điểm cuối Cảng Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh; đoạn đi trên địa phận tỉnh Đồng Nai dài khoảng 45 km quy mô 8 làn xe; quy hoạch trước năm 2030. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 60-80 km/giờ.

**Quốc lộ:**

**1. QL.1:** Đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai dài 127,2 km, điểm đầu ranh tỉnh Bình Thuận; điểm cuối cầu Đồng Nai. Định hướng đến 2030, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy mô 4 làn xe, đạt cấp III.

**2. QL.20:** đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 75,6 km, điểm đầu QL.1 Dầu Giây, Đồng Nai, điểm cuối ranh tỉnh Lâm Đồng. Định hướng đến 2030, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy mô 2-4 làn xe, đạt cấp III.

**3. Quốc lộ 51:** đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 37,4km, điểm đầu từ QL.1, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai đến giáp ranh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Định hướng đến 2030, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy mô 6 làn xe, đạt cấp I.

**4. QL.13C:** dài 86km; Đề xuất bỏ quy hoạch do hướng tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đi qua khu bảo tồn thiên nhiên.

**5. QL.20B:** dài 41km; nằm trọn trong địa phận tỉnh Đồng Nai, điểm đầu Vành Đai 3, huyện Nhơn Trạch, điểm cuối Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, huyện Cẩm Mỹ. Định hướng đến 2030, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy mô 2-4 làn xe, đạt cấp III. Đề xuất Quy hoạch kéo dài QL.20B kéo dài khoảng 13km đến cầu bắc qua địa phận Tp. HCM.

**6. QL.51C:** dài khoảng 64km, điểm đầu giao cao tốc Long Thành-Bến Lức, điểm cuối QL.1, khu vực giáp ranh huyện Xuân Lộc, Đồng Nai với huyện Hàm Tân tỉnh Bình Thuận. Định hướng đến 2030, quy mô 2 làn xe, đạt cấp III.

**7. Quốc lộ 56:** đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Nai dài 18km, điểm đầu giao Quốc lộ 1 tại Thành phố Long Khánh; điểm cuối giáp ranh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Định hướng đến 2030, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy mô 2-6 làn xe, đạt cấp III.

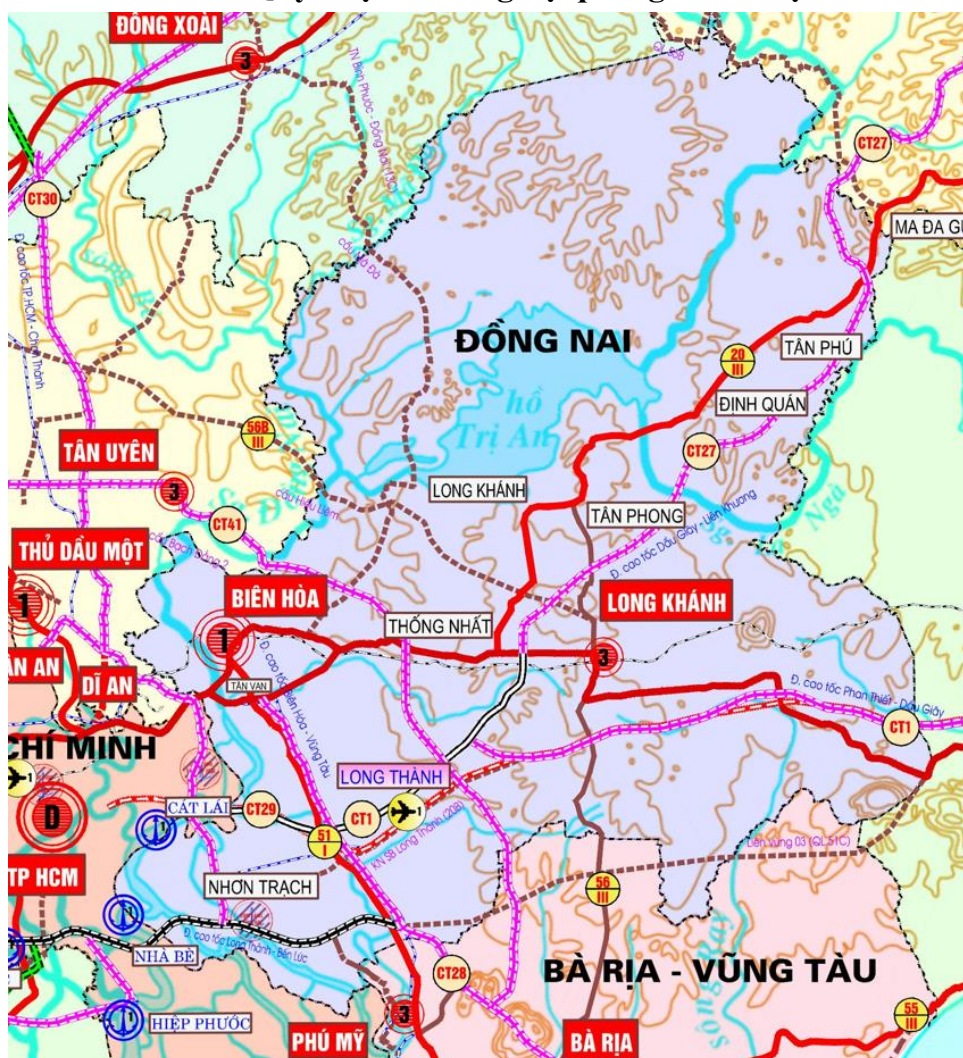
**8. QL.56B:** điểm đầu QL.56 tại thành phố Long Khánh, Đồng Nai, điểm cuối Cửa khẩu Phước Tân, Tây Ninh. Đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai dài khoảng 38km, cụ thể hướng tuyến đề xuất như sau:

+ Đoạn 1 đi trùng với ĐT.770 (Suối Tre-Bình Lộc) điểm đầu QL.1 tại TP.Long Khánh, đến giao QL.20.

+ Đoạn 2 từ QL.20 đi thẳng đến ĐT.762 (tại km 2+750) rồi đi theo ĐT.762 theo hướng về thị trấn Vĩnh An đến khoảng km 12+950 thì rẽ trái theo hướng đường ranh thị trấn đến kết nối vào cầu Hiếu Liêm 2 qua tỉnh Bình Dương.

Định hướng đến 2030, duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo quy mô 2-4 làn xe, đạt cấp III. Riêng đối với đoạn đi qua thành phố Long Khánh, dài khoảng 6,0km, được xây dựng theo tiêu chuẩn đường đô thị, lộ giới 45m.

**Hình I.1 Quy hoạch đường bộ quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**



(Nguồn: Quy hoạch mạng lưới đường bộ quốc gia)

#### I.1.4. Giao thông đường thủy

##### **Luồng hàng hải:**

- Nghiên cứu phối hợp cùng bộ GTVT chính trị và cải tạo nâng cấp hệ thống luồng hàng hải trên địa bàn tỉnh đảm bảo cho tàu ra vào thuận lợi và đồng bộ với quy mô cảng bến.

##### **Công trình cảng biển:**



- Theo QĐ số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Cảng biển Đồng Nai:** là cảng biển loại I, gồm các khu bến:

a) Khu bến Phước An, Gò Dầu, Phước Thái (trên sông Thị Vải).

- Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước trên sông Thị Vải thuộc huyện Nhơn Trạch, huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

- Chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Đông Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên; có bến tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng/khí.

- Cỡ tàu: trọng tải đến 60.000 tấn phía hạ lưu cầu Phước An và đến 30.000 tấn phía thượng lưu cầu Phước An đến Gò Dầu, Phước Thái phù hợp với điều kiện khai thác tuyến luồng hàng hải và tính không công trình vượt sông.

b) Khu bến Nhơn Trạch

- Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước bên phải tuyến luồng Sài Gòn - Vũng Tàu, luồng Đồng Nai, luồng Đồng Tranh (thuộc địa phận huyện Nhơn Trạch).

- Chức năng: phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Đông Nam Bộ, có bến tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí.

- Cỡ tàu: trọng tải đến 45.000 tấn hoặc lớn hơn giảm tải phù hợp với điều kiện khai thác tuyến luồng hàng hải và tính không công trình vượt sông.

c) Khu bến Long Bình Tân (trên sông Đồng Nai)

- Phạm vi quy hoạch: vùng đất và vùng nước bên phải tuyến luồng Đồng Nai (phía hạ lưu cầu Đồng Nai).

- Chức năng: vệ tinh, đầu mối gom hàng cho các cảng biển trong khu vực và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, có bến tổng hợp, container, hàng lỏng/khí.

- Cỡ tàu: trọng tải đến 5.000 tấn.

### ***Đường thủy nội địa quốc gia***

#### **1/. Các yêu cầu đối với mạng lưới đường thủy**

Mạng lưới đường thủy của tỉnh trước hết phải đảm bảo 2 khả năng thích ứng: Thích ứng với những thay đổi của tổng mặt bằng đã hình thành và thích ứng với những chương trình tương lai sẽ phát triển.

- Đồng bộ và liên đới: Mạng lưới giao thông thủy gồm 2 khối chuyên ngành: Luồng tuyến và cảng-bến. Quy hoạch phải đảm bảo sự đồng bộ về quy hoạch luồng tuyến và quy hoạch cảng-bến. Đồng bộ giữa cầu vượt sông và kích thước thông thuyền của giao thông thủy;

- Phát triển “giao thông mở tối đa”: Mạng lưới giao thông thủy đảm bảo cho tỉnh có năng lực liên kết-nối kết liên vùng một cách tối đa và tối ưu. Đặc biệt là kết nối trực tiếp đi 2 trung tâm kinh tế lớn đó là: Tp. Hồ Chí Minh và Tp. Cần Thơ;

- Kết hợp giao thông thủy và khai thác du lịch: Xuất phát từ đặc điểm tự nhiên và hạ tầng, đường thủy trên địa bàn tỉnh có tiền đề và lợi thế để phát triển du lịch đường sông: Du lịch sinh thái-sông nước và cảnh quan;

- Hỗ trợ giao thông bộ và cải thiện môi trường: Cấu trúc mạng lưới giao thông thủy-bộ trên địa bàn, giao thông thủy phải có chức năng hỗ trợ hữu hiệu cho vận tải đường bộ cả về hàng hóa và hành khách; tham gia vào cải tạo môi trường vùng nước-vùng bờ-vùng cảng và bến.

### **3/. Mạng lưới tuyến do Trung ương quản lý**

Hệ thống đường thủy nội địa trên địa bàn của tỉnh do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm có 2 tuyến với tổng chiều dài là 113,8 km được cập nhật theo Quyết định số 1829/QĐ - TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **4/. Hệ thống cảng thủy nội địa**

Mục tiêu quy hoạch nhằm tạo lập một hệ thống Cảng-bến cấp huyện trên địa bàn, đi đúng chiến lược phát triển ngành của lĩnh vực vận tải thủy nội địa ở Vùng Đông Nam Bộ. Thông qua quy hoạch, tiến hành sắp xếp lại các bến bãi tự phát, đưa hệ thống cảng-bến đường thủy trong tỉnh vào sự quản lý tập trung thống nhất. Bố trí tại các trung tâm huyện, thị, thành phố ít nhất 02 bến thủy nội địa và trung tâm các xã ít nhất 01 bến thủ nội địa, đảm bảo việc kết nối các bến thủy với hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Giao thông Vận tải.

Cập nhật theo Quyết định số 1829/QĐ - TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

#### ***Cảng hiện hữu:***

+ Cảng Hùng Tài : Vị trí ở Nằm bờ hữu sông Đồng Nai, thuộc Huyện Vĩnh Cửu, công suất bến quy hoạch đạt 500 nghìn tấn/năm.

+ Cảng Tân cảng Nhơn Trạch: Vị trí ở Nằm bờ hữu Sông Đồng Nai, nhánh Ông Cồn, thuộc Huyện Nhơn Trạch, công suất bến quy hoạch đạt 1.500 nghìn tấn/năm.

#### ***Cảng xây mới:***

+ Cảng Tracomeco: Vị trí ở Nằm bờ hữu Sông Đồng Nai, thuộc Huyện Nhơn Trạch, cỡ tàu tiếp nhận 5.000 tấn, công suất bến quy hoạch đạt 1.500 nghìn tấn/năm.

+ Cảng Biên Hòa (gồm cảng Tín Nghĩa): Vị trí ở Nằm bờ hữu Sông Đồng Nai, thuộc Tp. Biên Hòa, cỡ tàu tiếp nhận 5.000 tấn, công suất bến quy hoạch đạt 2.000 nghìn tấn/năm.

+ Cảng Hoàng Long: Vị trí ở Nằm bờ hữu sông Đồng Nai, thuộc Huyện Vĩnh Cửu, công suất bến quy hoạch đạt 500 nghìn tấn/năm.



+ Cảng Vĩnh Tân (Hà Đức): Vị trí ở Năm bờ hữu Sông Đồng Nai, thuộc Huyện Nhơn Trạch, cỡ tàu tiếp nhận 5.000 tấn, công suất bến quy hoạch đạt 1.500 nghìn tấn/năm.

+ Cảng Thủy bộ Đồng Nai: Vị trí ở Năm bờ hữu Sông Đồng Nai, thuộc Tp. Biên Hòa, cỡ tàu tiếp nhận 1.000 tấn, công suất bến quy hoạch đạt 700 nghìn tấn/năm.

+ Cảng khác: theo nhu cầu của địa phương trong tương lai bổ sung đầu tư xây dựng mới một số cảng mới, cỡ tàu tiếp nhận 3.000 tấn, công suất bến quy hoạch đạt 1.600 nghìn tấn/năm.

### **I.1.5. Giao thông đường sắt**

- Đường sắt là chuyên ngành đặc thù có vai trò quan trọng trong hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, được xác định là một trong ba đột phá chiến lược cần ưu tiên đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Theo QĐ số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

- Tuyến đường sắt Bắc-Nam: Nâng cấp, hiện đại hóa đạt tiêu chuẩn đường sắt từ cấp I, đường đôi, khổ 1.000 mm, vận tốc bình quân đạt 80-90 km/h với tàu khách và 50-60 km/h đối với tàu hàng.

- Đầu tư xây mới đường sắt Tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu từ ga Trảng Bom đến ga Vũng Tàu: chiều dài khoảng 84 km, khổ 1.435 mm; trong đó, đoạn Biên Hòa - Thị Vải đường đôi, đoạn Thị Vải - Vũng Tàu đường đơn. Điểm đầu, đối với vận chuyển hàng hóa tại ga Trảng Bom (tương ứng km 1677+886 đường sắt Thống Nhất) thuộc xã Quảng Tiến, huyện Trảng Bom; đối với vận chuyển hành khách tại ga Biên Hòa mới (km 0+00) thuộc xã An Hòa. Điểm cuối tại ga Thị Vải (km 45+540) thuộc thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đề xuất mở mới khoảng 11km đoạn đường sắt từ đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối vào Cảng Phước An phục vụ hàng hóa ra vào cảng.

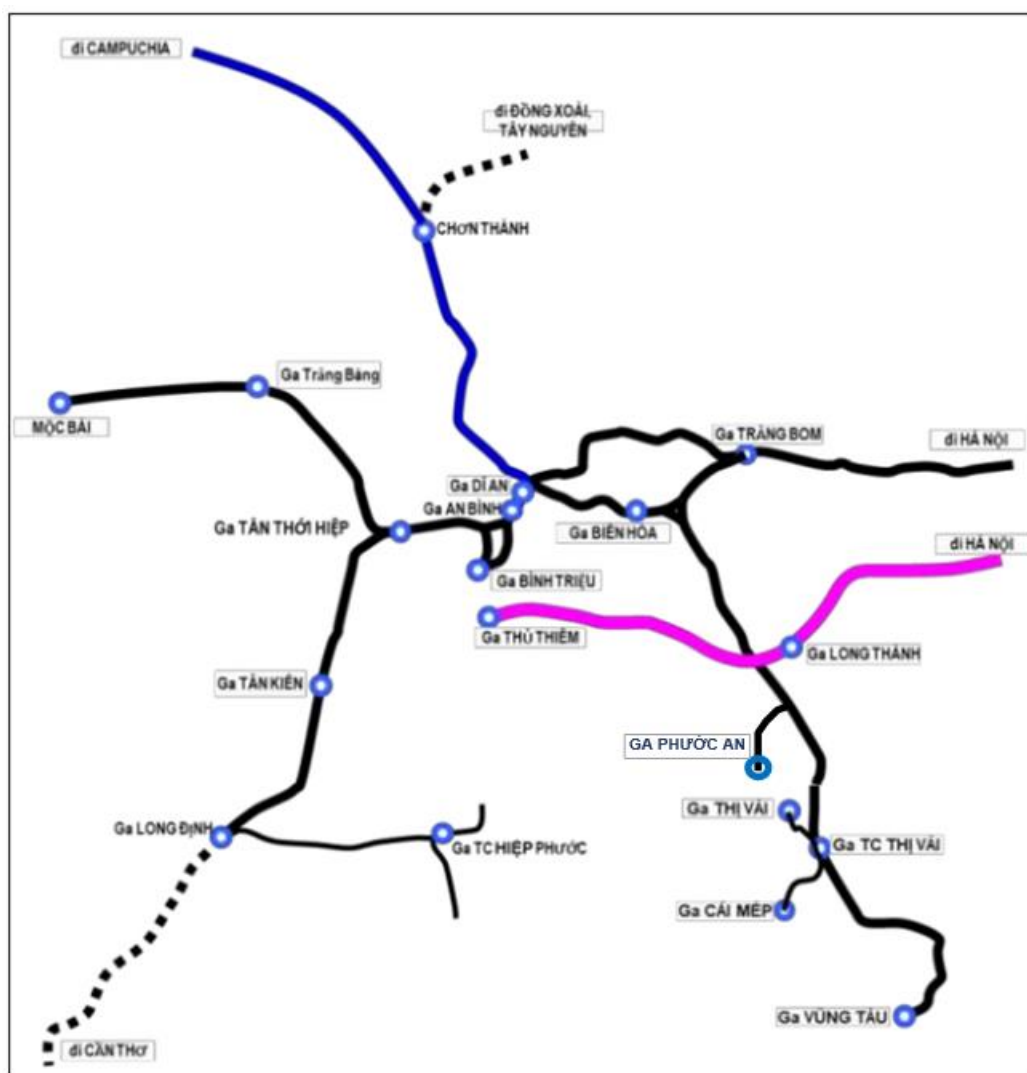
- Tuyến đường sắt cao tốc Hồ Chí Minh-Nha Trang: Từ ga Thủ Thiêm, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đi song song về bên phải đường bộ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây, sau đó chạy song song bên phải tuyến cao tốc Dầu Giây-Phan Thiết, kết thúc tại ga Nha Trang (Khánh Hòa). Chiều dài toàn tuyến là 366 km, quy mô đường sắt đôi, khổ 1435 mm, đường sắt tốc độ >300 km/h, điện khí hóa.

- Tuyến đường sắt nhẹ Thủ Thiêm-Sân bay Quốc tế Long Thành: Tuyến đi qua địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai với tổng chiều dài 37,35 km. Điểm đầu Ga Thủ Thiêm (km 0+00) thuộc phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; Điểm cuối ga cảng hàng không Quốc tế Long Thành (được bố trí tích hợp trong nhà ga hàng

không). Hướng tuyến như sau: Từ ga Thủ Thiêm, đi song song về bên phải đường cao tốc Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây và đường sắt cao tốc Hồ Chí Minh-Nha Trang, đến km 9+200 rẽ phải vượt qua đường Vành đai 3, sau đó đi song song về bên trái Đ.Vành đai 3, tiếp tục vượt sông Đồng Nai tại vị trí cách tim cầu Đồng Nai trên Vành đai 3 khoảng 100m về phía thượng lưu, sau đó bám sát Đ.Vành đai 3 và đi vào giải phân cách bên trái của Đ.Vành đai 3. Sau đó rẽ trái và đi vào giải phân cách giữa ĐT.25B, tới km 29+100 rẽ phải đi vào hướng sân bay Long Thành. Trên tuyến bố trí tổng cộng 18 ga, trong đó đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai có 11 ga. Quy mô, xây dựng đường sắt đôi, khổ 1435mm, đường sắt trên cao, điện khí hóa, hoàn thành trước 2030.

- Đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai: Ga đầu mỗi hàng hóa là ga Trảng Bom.

**Hình I.2 Sơ đồ mạng lưới đường sắt tầm nhìn đến năm 2050**



**I.1.6. Giao thông đường hàng không**

Định hướng, tỉnh Đồng Nai sẽ có một (01) cảng hàng không quốc tế Long Thành đạt cấp 4F (mức cao nhất) theo tiêu chuẩn ICAO đang trong giai đoạn triển khai tiền dự án.

TT	Giai đoạn	Công suất	Năm dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Giai đoạn 1	25 triệu HK/năm; 1,2 triệu tấn HH/năm	<u>2025</u>	01 đường cất hạ cánh; 01 nhà ga hành khách
2	Giai đoạn 2	50 triệu HK/năm; 1,5 triệu tấn HH/năm	<u>Sau 2030</u>	Xây dựng thêm: 01 đường cất hạ cánh; 01 nhà ga hành khách
3	Giai đoạn 3	100 triệu HK/năm; 5 triệu tấn HH/năm	<u>2050</u>	Hoàn thành tất cả các hạng mục của dự án

- Sân Bay lưỡng dụng Biên Hòa: nằm ở phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Tận dụng hạ tầng sẵn có của sân bay quân sự, đầu tư thêm nhà ga phục vụ cho hành khách để phát triển các đường bay dân dụng phục vụ nhu cầu đi lại của người dân biên hòa và các khu vực lân cận. Đề xuất đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động trước năm 2030.

- Để phục vụ phát triển du lịch và rút ngắn thời gian đi lại của hành khách từ các tỉnh thành khác, kiến nghị xây dựng các sân bay chuyên dùng. Nhằm tận dụng lợi thế mặt nước của sông Đồng Nai và các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh đề xuất phát triển các sân bay cho thủy phi cơ. Thủy phi cơ là một loại phi cơ có cánh cố định, có khả năng hạ và cất cánh trên mặt nước. Thủy phi cơ là loại máy bay nhỏ thường bay tầm thấp ở độ cao từ 150m đến 2000m. Điều này giúp du khách có thể ngắm nhìn cảnh sắc thiên nhiên từ trên cao. Chi phí đầu tư các sân bay cho thủy phi cơ cũng không tốn kém, do không cần xây dựng đường băng mà tận dụng mặt nước của sông hồ cho máy bay cất hạ cánh, nhà ga hành khách cũng không cần diện tích quá lớn do năng lực vận chuyển của mỗi chiếc thủy phi cơ là có hạn (<10 khách). Định hướng một số sân bay thủy phi cơ phục vụ nhu cầu đi lại và phát triển du lịch:

+ Sân bay thủy phi cơ trên sông Đồng Nai thuộc phường Long Hưng Thành phố Biên Hòa.

+ Sân bay thủy phi cơ trên hồ Trị An thuộc thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu. Đề xuất đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động trước năm 2030.

### PHỤ LỤC 3. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ THEO LOẠI ĐẤT ĐẾN TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+); giảm (-) so với năm 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>586,362</b>	<b>100.00</b>	<b>586,362</b>		
1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	221,477	47.75	196,077	45.39	-25,401
2	Đất cụm công nghiệp	SKN	517	0.42	18.543	11,96	9.868
3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,251	1.02	1.355	0,87	838
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,968	2.42	2.242	1,45	991
5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			3.088	1,99	120
6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	22,989	18.76	6	0,00	6
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất thủy lợi	DTL	2,673	11.63	3.184	8,19	511
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	854	0.22	1.049	2,70	194
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,372	1.87	1.976	5,08	605
7	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	46	0.04	76	0,05	30
8	Đất ở tại nông thôn	ONT	13,090	10.68	14.068	9,07	978

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020		Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Tăng (+); giảm (-) so với năm 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
9	Đất ở tại đô thị	ODT	6,531	5.33	7.521	4,85	990
10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	194	0.16	357	0,23	163
11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	75	0.06	128	0,08	53



